VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

VÕ ĐỊNH

SỐ 56 THÁNG 10 - 1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** trang 1 ● **Trần văn Tích:** *văn học "hại nay thói thuần"* trang 2 ● **Ngữ An:** *anh nhớ ra rồi - như chuyện mười năm* thơ trang 14 ● **Võ Phiến:** *đối thoại về thịt cầy* trang 15 ● **Trần Vũ:** *yêu người quan họ* trang 28 ● **Phó Ngọc Văn:** *khói sóng* thơ trang 37 ● **Thanh Tâm Tuyền:** *trú mưa trên phố hòa hưng - vượt biên* thơ trang 38 ● **Triều Hoa Đại:** *mây bay tình cũ* thơ trang 39 ● **Trần Mộng Tú:** *vàng thu - siu gương - suối và lệ* thơ trang 40 ● **Mai Hà:** *bông giấy - nụ cười - đưa võng - phố cũ* thơ trang 43 ● **Hàn Song Tường:** *hạ thảo* thơ trang 45 ● **Ngu Yên:** *những sợi tình cho nhau* thơ trang 46 ● **Định Nguyên:** *môi điêu* thơ trang 47 ● **Isaac Bashives Singer - Nguyễn thị Khoa Phương:** *nàng phù thủy* dịch trang 48● **Thụy Khuê:** *võ phiến, văn học miền nam tổng quan* trang 75 ● **Václav Havel:** *nghĩ về kafka* dịch trang 91 ● **Trương Vũ:** *người đọc sách với cái thật, giả trong văn* trang 95 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 104 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Ban Chủ Biên:
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn văn Sâm, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Trương Vũ
Chủ Bút: Trịnh Y Thư
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**
Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Văn Học thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả về sự chậm trễ của số báo tháng Chín vừa qua. Để việc điều hành tờ báo thêm phần hữu hiệu, kể từ nay, ban chủ biên Văn Học quyết định giao trách nhiệm cho ba nhà văn Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy và Khánh Trường. Phần chủ trương vẫn do ban chủ biên hoạch định. Hy vọng với sự phân nhiệm rõ ràng và tinh thần ý thức của những người chịu trách nhiệm, Văn Học sẽ không phụ lòng quý mến của quý độc giả và văn hữu.

Văn Học số này được mở đầu bằng bài biên khảo công phu của học giả Trần văn Tích về văn học "hại nay thói thuần", tức những áng văn chương bị xem là đồi trụy vào thời Lê mạt, Nguyễn sơ. Học giả Trần văn Tích là cây bút biên khảo văn học uy tín ở hải ngoại. Với lối viết nhẹ nhàng, đôi lúc dí dỏm, ông đã liên tiếp gửi đến độc giả những bài biên khảo văn học giá trị.

Cũng trong số này, nhà văn lão thành Võ Phiến đưa độc giả trở lại thế giới tùy bút của ông bằng một bài nói về món ăn "quốc hồn quốc túy" là món thịt cầy. Với giọng văn hóm hỉnh, tinh tế cố hữu, cộng với sự đọc rộng biết nhiều của ông, độc giả sẽ bắt gặp những thích thú bất ngờ như khi được biết ngay đệ nhất thi hào của dân tộc là Nguyễn Du cũng khoái món thịt cầy.

Tiếp tục bài tiểu luận về Võ Phiến, Thụy Khuê nhận định về quyển "Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam - Tổng Quan" và đồng thời đưa ra một số quan niệm riêng của bà về thời kỳ văn học 54-75 này ở miền Nam.

Phần sáng tác quy tụ thơ, truyện những người viết: Ngữ An, Nguyễn thị Thanh Bình, Triều Hoa Đại, Mai Hà, Định Nguyên, Thanh Tâm Tuyền, Trần Mộng Tú, Hàn Song Tường, Trần Vũ, Ngu Yên... và Nguyễn thị Khoa Phương lần đầu tiên đóng góp với Văn Học một truyện dịch từ "The Witch" của văn hào Mỹ gốc Do thái Isaac Bashevis Singer.

Văn Học

TRẦN VĂN TÍCH

văn học "hại nay thói thuần"

*

Họ Trịnh kể từ ngày phò vua Lê, lần lượt qua các đời Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng và Trịnh Tráng, phải lo đối phó với họ Mạc ở phía Bắc, họ Nguyễn ở phía Nam, nên không mấy rảnh tay ổn định nội trị. Đến đời Trịnh Tạc (1657–1682) mới bắt đầu có thì giờ và lòng dạ chỉnh đốn trật tự xã hội. Và một trong những việc nhà Chúa làm nhằm mục đích đó là ban bố bốn mươi bảy điều giáo hóa vào năm Quý mão, Cảnh Trị cho rằng nhiều người *"đã lượm lặt sách vở bằng chữ nôm, không phân biệt thứ gì nên xem hay không, cứ xuất bản để lấy lời, điều đó nên nghiêm cấm"*. Trải qua non một thế kỷ, đến năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), nhà Chúa lại sai chức Lại bộ Tuyên khảo ty Lang trung là Nhữ Đình Toản diễn nôm bốn mươi bảy điều giáo hóa theo thể thức lục bát để phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Bản diễn nôm có đoạn như sau:

"Ngũ kinh chư sử xưa nay,
Với chư tử tập cùng rày văn chương.
Dạy bèn có ích đạo thường,
Mới nên san bản bốn phương thông hành.
Kỳ như Thích, Đạo, phi kinh,
Lời tà mối lạ tập tành truyện ngoa.
Cùng là truyện cũ nôm na,
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này,
Tiếng dâm dễ khiến người say,
Chớ cho in bán hại nay thói thuần (...)"

Hai khổ lục bát ở phần đầu đoạn văn nhấn mạnh rằng chỉ có *ngũ kinh, chư sử* và *chư tử* mới là văn chương, nếu đem dạy dân thì có ích

cho đạo lý, do đó xứng đáng được in khắc lưu truyền rộng rãi. Phần còn lại có các điểm đáng để ý sau:

– Kinh sách của Phật giáo và của Đạo giáo bị xem là "*lời tà mối lạ*" (mê tín, dị đoan).

– Khối lượng truyện nôm lưu hành trong dân gian khá lớn hay rất lớn, "*hết thơ tập ấy lại ca khúc này*"; điều này có phần chắc là hậu quả của đường lối đề ra năm Giáp dần, đời vua Thuần tông (1734) chủ xướng việc in ấn các loại sách ngay trong nước và cấm đoán nhập cảng ấn loát phẩm từ Trung hoa.

– Các truyện nôm bị đánh giá tập thể là... khiêu dâm, cho nên không được in bán vì "*hại nay thói thuần*".

Cùng với việc ban hành bốn mươi bảy điều giáo hóa, chúa Trịnh Tạc sai tịch thu và đốt sách thơ văn nôm, mà triều đình cho là "*phi kinh*", giống như các sách phổ biến tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo. Nếu việc sử dụng thể thơ lục bát nhằm đạt hiệu năng cao trong tuyên truyền hướng dẫn dân chúng một mặt chứng tỏ thể loại thi ca này vào thời điểm đó đã trở thành quen thuộc với người đương thời thì mặt khác, cũng cho thấy tầm quan trọng của vấn đề cấm chỉ các tài liệu chính quyền không ưa, nó đã trở thành một mối lo tâm can của giai cấp lãnh đạo. Chả thế mà năm 1718, phủ liêu (1) cũng có một biện pháp tương tự. Lê Cao Lãng ghi trong *Lịch Triều Tạp Kỷ: Tháng Tám năm thứ mười bốn niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê Dụ Tông, phủ liêu vâng lời truyền cho dân trong nước biết rằng: hễ sách vở nào có quan hệ đến thế giáo mới được lưu hành. Giờ đây, những bọn hiếu sự nhặt bày các tạp truyện và bỉ ngữ bằng quốc âm không phân biệt hay dở, khắc gỗ in bán; việc ấy phải nên ngăn cấm. Từ rày nhà nào có in những sách như thế, cho trình quan đến bắt và tịch thu ván in phá hết (...)*".

Các loại sách chính thống của nhà nho xưa chỉ gồm *kinh, sử, tử, tập* tức là *tứ thư, ngũ kinh*, những sách vốn do các nhà tư tưởng cổ đại Trung hoa sáng tác, được người đời cung kính kèm theo một chữ *tử* đằng sau họ để chỉ danh, chứ không gọi tên thật (ví dụ Khổng tử,

Mạnh tử); cùng các sách nói về lịch sử các triều đại. Đó là những trước tác của thánh hiền, những kinh điển của nho sĩ:

Thánh nhân sở chế viết Kinh,
Hiền giả sở tác viết Truyện.
(Sáng tác của các bậc thánh gọi là kinh,
Tác phẩm của các đấng hiền gọi là truyện)

Truyện nói ở đây không phải là loại *Truyện Kiều, Truyện Phan Trần, Truyện Hoa Tiên*... mà là tác phẩm chính thống của các nhà nho nổi tiếng viết ra nhằm giải thích, minh họa, bình luận các kinh sách của chư thánh. Đó là loại *Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện* trong *Kinh Xuân Thu* hoặc những phần *truyện* của các nhà nho hậu thế chú thích *tứ thư*. Còn loại truyện nôm của chúng ta thì được gọi, theo kiểu Phạm Đình Hổ, là *tiểu thuyết quốc ngữ*. Mà đã là *tiểu thuyết* thì đó là loại *truyện* đối lập, *phi kinh* bị quan niệm chính thống của nho gia ra sức bài bác, khinh miệt, và, như chúng ta đã thấy, nhiều khi còn cấm đoán, hủy diệt. Ngay cả loại sách chữ Hán không thuộc những nhóm này vẫn bị xem là *ngoại thư, ngoại truyện, tiểu đạo, nhai đàm hạng ngữ* (2) không đáng trọng. Đó chẳng hạn là trường hợp *Việt Điện U Linh* của Lý Tế Xuyên hay *Lĩnh Nam Chích Quái* của Vũ Quỳnh và Kiều Phú. Vũ Quỳnh không những chỉ là đồng tác giả *Lĩnh Nam Chích Quái* mà ông còn viết *Việt Giám Thông Khảo*. So sánh hai đứa con tinh thần của họ Vũ, Hà Nhậm Đại đã phê phán thẳng thừng:

Việt Giám nhất biên chân khả pháp,
Hưu luận Chích Quái hựu Truyền Kỳ.
(Một tập sử Việt Giám thật đáng làm khuôn phép,
Thôi đừng nói đến Truyền Kỳ, Chích Quái nữa)

Vả lại các tên đặt cho sách như *chích quái, truyền kỳ, trân dị, dị văn, dị lục*... ít nhiều cũng phản ánh xu hướng của các nhà nho tác giả xem chúng như là thể loại phụ của văn chép sử, chỉ có giá trị như tư liệu bổ sung, như tác phẩm hỗ trợ cho các bộ chính sử. Dẫu sao quá lắm chúng cũng chỉ bị phần nào rẻ rúng, chứ không bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Như các truyện nôm từng bị.

Trong *Vũ Trung Tùy Bút*, Phạm Đình Hổ cho biết *"có người đem*

các kinh sách truyện nôm và những trò thanh sắc, nghề cờ bạc, rỉ rê chơi đùa, thì ta bịt tai lại không muốn nghe". Đó là thái độ điển hình của kẻ sĩ ngày xưa, có xu hướng xếp truyện nôm ngang hàng với... đĩ điếm, cờ bạc. Tất nhiên chẳng phải tất cả mọi người đều như thế. Vả lại Phạm trưng sĩ (3) là một người rất đĩnh đạc, theo đúng nho phong, nô lệ trách nhiệm; chỉ vì chút thói quen nghiền chè tàu mà đã hối hận khôn nguôi, thì trách gì chẳng tỏ ra dị ứng với văn chương tiếng nôm, có những đoạn, những phần nhiều khi rất táo tợn dưới con mắt nhà nho, ví dụ đoạn tả cảnh thỏa mãn cao độ của người thiếu nữ trong giây phút được sủng ái:

Thân này uốn éo vì duyên,
Cũng cam một tiếng thuyền quyên với người!

với các chi tiết, các danh từ như nói lên những khoái cảm đứng bên bờ nhục dục:

Đêm hồng thúy thơm tho mùi xạ,
Bóng bội hoàn lấp ló trăng thanh.
Mây mưa mấy giọt chung tình,
Đình trầm hương khóa một cành mẫu đơn.

(*Cung Oán Ngâm*)

Chẳng trách sau này, nhà Nguyễn lại sẽ cũng có điều luật về "*yêu thư, yêu ngôn*" mà đối tượng phần lớn lại cũng là sách, truyện nôm, dẫu rằng các biện pháp chế tài ảnh hưởng đến việc ấn hành kinh kệ nhà Phật thì đã từng được ban hành từ nhiều thế kỷ trước, trong bối cảnh tranh chấp quyền lực tinh thần giữa Nho giáo và Thích giáo, ví dụ bộ luật Hồng Đức (1470–1497) đã có điều khoản với nội dung này. Thực vậy, nếu nước Đại Việt dưới triều nhà Lý ban sơ xem Phật giáo như quốc giáo thì về sau và nhất là qua nhà Trần, đạo Phật đã bị đẩy vào cái thế bắt đầu phải đối thoại tay đôi với đạo Nho. Và đã có những bậc khoa bảng trí thức chủ trương kiểm soát, có ý kèn cựa giới tăng nhân tu sĩ. Lời tâu – Được nghe theo – của Đàm Dĩ Mông đề nghị ban hành lệnh sa thải bớt các sư sãi năm Mậu ngọ, niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy đời Lý Cao Tông (1198) chép trong *Đại Việt Sử Ký*; câu chuyện Mạc Đĩnh Chi xúi vua Trần Anh Tông (1293–1314) cử nàng Điểm

Bích thử thách đạo hạnh của thiền sư Huyền Quang Lý Đạo Tái chép trong *Tam Tổ Thực Lục*; là những ví dụ. Sự tranh chấp giữa hai luồng tư tưởng Nho – Thích sẽ kéo dài qua đại dương thời gian; có khi âm ỉ, có khi bộc phát; có khi chỉ có tính cách cá nhân, có khi lại trở thành một phong trào; có khi chỉ ở trong một câu đối, một bài thơ – ví dụ các bài thơ tương truyền là của Hồ Xuân Hương hay những câu đối thuộc loại "*ỉa vãi vào sư*" của Hoàng văn Thái, "(...) *chẳng quân thần phụ tử đếch ra người*" của Nguyễn Công Trứ... –, có khi lại trở thành nội dung một thiên truyện dài như *Dương Từ Hà Mậu* của Nguyễn Đình Chiểu.

Trở lại với truyện nôm và với tác giả *Vũ Trung Tùy Bút*, cần nói thêm rằng Phạm Đình Hổ là một người rất chăm học, chăm đọc, "*mới lên chín tuổi đã học sách Hán thư (4)* (...)". "*Thế mà chữ nôm ta không biết hết* (...)". Chung quy cũng chỉ vì là trí thức nho giáo, ông cũng như đa số những người đồng thời, không dễ gì chính thức, nhiệt tình đề cao truyện nôm được. Trong gia đình, các bộ gia phả không ghi chép những sáng tác phẩm bằng chữ nôm. Trong văn học, các bộ sách nghiên cứu văn học sử, liệt kê thư tịch xưa cũng thường lơ đãng quên không nhắc đến chúng. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú, chương *Văn Tịch chí*, phần *Loại truyện ký* ghi chép lẫn lộn "*các bản thực lục các triều*", "*các bản kiến văn tạp chí*", "*các sách chép về các môn phong thuật*", "*các sách ghi chép khác*" (trong đó có *Truyền Kỳ Mạn Lục, Tục Truyền Kỳ*) nhưng không dành một dòng, một chữ nào cho truyện nôm. Cho nên Phạm Đình Hổ không hề cô đơn trong nhận thức:

– Phạm Đình Toái, khi đề tựa *Quốc Âm Từ Điệu* cho rằng *Truyện Kiều* và *Truyện Phan Trần* quy tụ những "*lời phong nguyệt không thể đem ra dạy dỗ, các kẻ tấn thân* (5) *quân tử không thích nói đến*", mặc dầu ông vẫn khen ngợi nghệ thuật văn chương hai truyện này;

– Tác giả *Truyện Hoa Tiên*, Nguyễn Huy Tự, lúc cao tuổi đã tỏ vẻ ăn năn khi ông ngỏ lời khuyên con cháu chớ nên đọc loại "*tiểu thuyết tình ái*", tuy rằng đứa con tinh thần của ông chính thị là một tác phẩm "*mở đầu bằng gió trăng, kết thúc bằng gió trăng, mà trong khoảng giữa*

thì cũng không có chỗ điểm xuyết nào thoát ra ngoài hai chữ gió trăng"(6);

– Đề tựa cho *Truyện Hoa Tiên*, Cao Bá Quát nhắc đến "*những người khinh bạc*", "*những bậc cầm bút*" cho truyện này có "*lối văn dâm dãng, khúc hát lẳng lơ*" (*Dâm Từ Diễm Khúc*);

– Thái độ nghiêm khắc của Nguyễn Công Trứ đối với cảnh đời lưu lạc của Thúy Kiều từng được nhiều tài liệu đề cập; đó là một thái độ không dành cho cô Kiều một picôgram nào hiếu hạnh, tiết nghĩa:

Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải,
Tấm thân tàn đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu,
Mà bướm chán ong chường cho đến thế?

và

Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm.

– Vua Tự Đức lại bất bình với Thúy Kiều ở một điểm khác. Tương truyền nhà vua khi đọc đến câu Thúy Kiều khen Từ Hải

Tấn Dương được thấy mây rồng có phen

đã bắt đầu chữa lại thành

Rồng mây rõ mặt anh hùng có phen

vì nhà vua quan niệm chỉ có mình mới có chân mạng đế vương, mới có tướng mạo thiên tử. Còn khi xem đoạn mô tả hành tung họ Từ

Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai

thì Hoàng thượng nổi trận lôi đình, ném *Truyện Kiều* xuống đất và đòi căng Nguyễn Du ra đánh ba chục roi vì ngài ngự cho đó là đoạn văn "*vô quân*" nhất trong tác phẩm;

– Trong khi đó thì giới nho sĩ, qua cái tập thể vô danh sáng tác ca dao, đã từng nhắn nhủ con cháu:

Đàn ông chớ kể Phan Trần,
Đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.

*

Có vẻ như quy luật hợp vận của câu thơ lục bát đã khiến nàng Vân bị lên án oan. Cô em phúc hậu đó có làm gì đâu mà đến nỗi bị ghi tên trên trát đòi hầu tòa công luận của đạo lý phong kiến? Hay là chế độ luân thường nghiệt ngã đã gán cho cô cái tội *tắc dâm* vì *gia trung hữu cầm*? (7) Nhưng cô chị thì thực là một hiện tượng qua nhãn quan nhà nho nghiêm khắc. Chúng ta chỉ cần thử phân tích buổi gặp gỡ trao duyên của Kim – Kiều là đủ có biết bao nhiêu bằng cớ buộc tội.

Lợi dụng ngày cả nhà đi ăn sinh nhật – biết đâu Kiều đã chẳng "để bạt ý kiến" để mình ở lại trông nhà? – Nàng chụp lấy cơ hội để sang chuyện trò cùng người yêu, tay xách đủ thứ hoa quả mà nàng đã rối rít, cuống quýt, "hồ hởi" sắp sẵn. Gót chân đi tìm người yêu là *gót sen thoăn thoắt*. Đành rằng nàng không biết màu mè, không ưa điệu bộ, nàng thành thực trong tình yêu nhưng đi như thế quả thực cũng phần nào xăng xái quá! Những bạn gái thời nàng, những bạn gái sau nàng có như thế đâu!

Nếu so với Dao Tiên, Quỳnh Ngọc... thì nàng Kiều "tranh thủ thời gian" hết sức! Buổi gặp gỡ thề nguyền của Dao Tiên với Lương Phương Châu (8) chẳng hạn là đoạn thắt nút của một chuỗi dài những diễn biến lớp lang trước đó: thoạt tiên chàng trai thuê nhà ở cạnh nhà Dương tướng công (chi tiết này giống trường hợp Kim Trọng); đoạn chàng tìm cách làm quen với nhạc gia tương lai; kế đó, chàng cùng Dao Tiên họa thơ với sự cho phép của bố vợ; rồi chàng nhờ hai thị tỳ Vân Hương và Bích Nguyệt đưa tin tức cho người đẹp đồng thời vận động giùm; cuối cùng, và với sự hiện diện của hai người tớ gái, đôi bên mới gặp gỡ để *tiên thề tay thảo một chương*. Trương Quỳnh Như (9) tuy rằng đã được hai bên cha mẹ hứa kết làm thông gia và trao đổi cho nhau một bên cái lược (*sơ*) một bên cái gương (*kính*) để làm tin, và dẫu đang gặp cảnh ngộ tuyệt vọng sẽ đưa nàng đến chỗ quyên sinh, vẫn chỉ dám gặp Phạm Sinh để *hai bên than trúc nguyền mai* sau khi gửi thư mời người yêu đến hội ngộ một lần chót nhằm *tỏ bày tâm sự, thử than ân tình*. Cô gái đi hành hương chùa Hương Tích của Nguyễn

Nhược Pháp tuy ra đời trong văn chương viết bằng chữ cái La tinh, vẫn *không dám đi mau*, chứ đâu có đi *thoăn thoắt*, đi *xăm xăm* như Thúy Kiều qua ngòi bút lông! Các nàng không buông lỏng dây cương cho tình cảm, các nàng không "đốt giai đoạn" như cô Kiều; và cũng chỉ có cô Kiều mới tình tự với người thương trọn một ngày, trời tối chạng vạng *trông ra ác đã ngậm gương non đoài* mới như bừng tỉnh, giật mình để, đến tận lúc ấy, mới chợt nhận ra rằng *vắng nhà chẳng tiện ngồi dai*! Nhưng đã hết đâu! Chạy về nhà, thấy ông bà viên ngoại và hai em vẫn chưa về, nàng lại *cửa ngoài vội rủ rèm the* (lúc nào cũng *vội*!) và đâm bổ qua gặp lại Kim Trọng! Dưới ánh trăng đêm, nàng cùng người yêu thề nguyền son sắt, trổ tài đánh đàn cho ai đó nghe, nhẹ nhàng trần tình, khôn khéo khuyến cáo khi người yêu có vẻ đi quá đà... cho mãi đến sáng bạch, *bóng tàu vừa lạt vẻ ngân* và khi có tiếng gọi (*Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào*) mới *vội trở buồng thêu* (lại *vội*!) Người lên tiếng gọi chắc hẳn không thể là cụ ông viên ngoại, mà chắc là cô em đôn hậu Thúy Vân! Nhưng nếu không có ai gọi cả? Các bản *Truyện Kiều* phổ biến có 3254 câu, riêng đoạn Thúy Kiều thề nguyền với Kim Trọng đã trải dài từ câu 371 đến câu 528, tức là gồm 158 câu, chiếm tỷ lệ là 1/20. Buổi tao ngộ không phải chỉ có độ dày của thời gian mà còn mang cả độ dày của tác phẩm.

Nhà nho khó tính thật chẳng thể nào chấp nhận được một hành vi tương tự của một thiếu nữ. Trong khuôn khổ chật chội của lễ giáo ngày xưa, hành vi đó phóng túng quá, ngang tàng quá.

Ngược lại, anh chàng Phan Tất Chánh trong *Truyện Phan Trần* thì bị lên án vì quá nhu nhược, quá mềm yếu trên tình trường. Thấy ni cô Diệu Thường, anh ta đem lòng thương yêu nên nhờ vãi Hương Công mối mai nhưng bị Diệu Thường cự tuyệt. Thế là anh chàng ốm lăn ốm lóc vì tương tư, ốm đến thập tử nhất sinh khiến người đẹp tu hành sợ phạm sát giới (!), đành phải đến thăm. Để rồi như có phép lạ, chàng hồi phục tức khắc, *mười phần phiền não chín phần đổ sông*! Khỏi bệnh rồi, giữa đêm – *đêm thanh nguyệt gác rèm the* – (lại ban đêm, lại sáng trăng) Phan Sinh đến phòng Diệu Thường để tạ ơn. Mỹ nhân sợ quá không cho vào (*Thôi thôi tôi cũng lạy người*), Phan Sinh bèn trổ tài...

hăm dọa tự vẫn (*lại như ả Bích quyết liều cho xong*) nên khách thuyền quyên hoảng vía phải cho vào vì... *nếu thi gan với anh hùng thì thua*! Anh hùng đâu chưa thấy, chỉ thấy rằng nhà nho vẫn chủ trương *nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản* trong khuôn phép nền giáo dục khắc kỷ của thánh hiền. Ngay đến người vợ tào khang mà khi mệnh một cũng còn khó bước được vào thơ văn của các cụ. Chỉ có một Phạm Nguyễn Du, một Ngô Thì Sĩ là hai tác giả đã mỗi người dành một tác phẩm để khóc vợ. Huống chi đây dù sao cũng chỉ là một mối tình bèo mây gặp gỡ! Lễ giáo phong kiến không làm sao thông cảm được tâm trạng của chàng Paul đối với Virginie, Phạm Đình Hổ không thể là Bernadine de Saint Pierre!

Nhưng chẳng phải chỉ có truyện nôm nói chung, *Truyện Kiều, Phan Trần* nói riêng là bị nhà nho nhìn với cặp mắt dè dặt, là bị chính phủ đôi khi cấm đoán. Có trường hợp một câu ca dao, một khúc hát cũng gặp phải số phận này.

Năm 1782, Trịnh Sâm chết; Chính cung Đặng thị Huệ tư thông với Quận Huy Hoàng Đình Bảo, âm mưu lật đổ Trịnh Khải (tức Tông) để lập Trịnh Cán làm chúa. Nhưng Trịnh Cán lúc ấy mới có sáu tuổi lại ốm đau èo uột nên dư luận hoang mang, "*người bảo Chính cung tư thông với Huy, ả sắp đem xã tắc giao phó cho Quận Huy. Bấy giờ đầu đường xó chợ có câu ca dao như sau:*

Trăm quan có mắt như mờ,
Để cho Huy quận vào rờ Chính cung.

Huy nghe tin, bèn sai quan Đề lĩnh đem móc sắt và kéo treo khắp các chợ, dọa rằng những ai còn dám tụ họp nói chuyện thì sẽ móc lưỡi cắt đi. Do đó, ở ngoài đường xá người ta chỉ dám ghé mắt ngó nhau; dân chúng kinh kỳ đều sợ nơm nớp" (*Hoàng Lê Nhất Thống Chí*). Thực ra, câu ca dao đầy đủ do dân chúng phố phường Thăng long truyền miệng lúc đó gồm hai khổ lục bát và không những chỉ mô tả mối liên hệ bất chính giữa quận và phi mà còn trình bày cả các âm mưu chính trị đương thời:

Trăm quan có mắt như mờ,
Để cho Huy quận vào rờ Chính cung.

Đục còn thì giữ lấy "Tông",
Cuốc đà long "Cán" còn mong nối gì.

Trực diện tuyên chiến với bộ máy thống trị như vậy, chẳng trách gì nó không bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, cùng một hoàn cảnh mà chắc *Tố Khuất Khúc* thời vua Gia Long cũng phải trải qua. *Bản Triều Bạn Nghịch Liệt Truyện* chép: "*Thời bấy giờ quân giặc mượn tiếng phò nhà Lê, lừa dối xúi giục dân chúng trong hạt. Nguyễn văn Thành bèn sai Trần Hựu làm khúc Điểm Mê để hiểu thị mọi người. Còn nhân dân thì làm bài hát Tố Khuất để quy tội cho quan lại tham nhũng. Thành bèn khiến sở tại các hạt giải thích, nhân tình vì thế mới được yên*". Biện pháp "giải thích" của vị Tổng trấn Bắc thành chắc chẳng phải chỉ bằng lời nói suông.

Bão tố chính trị, đổi thay vương triều cũng từng là dịp ban hành nhiều phương sách tẩy xóa văn học khắc nghiệt. Thơ văn Nguyễn Trãi, thơ văn Cao Bá Quát đã bị thất tán sau vụ án Lệ Chi viên, sau vụ khởi loạn Mỹ Lương. Một số tác phẩm vị Tây sơn hay thiên họ Trịnh bị nhà Nguyễn đặt ra ngoài vòng pháp luật; tỷ như trường hợp đạo dụ năm Minh Mệnh thứ mười tám (1838) *cấm dân gian gia tàng Lê Sử Tục Biên* vì lý do nếu để sách ấy *tư tương truyền khán, tương chí hãm nịch nhân tâm* (người nọ truyền miệng cho người kia xem thì sẽ làm hãm đắm lòng người). Chung quy chỉ tại *Lê Sử Tục Biên* – Tác giả có lẽ là Ngô Thì Sĩ (1726–1780) – chép các sự việc triều Lê đến hết đời Lê Ý Tông (1740), với cả một giai đoạn dài họ Trịnh cầm quyền, mà họ Trịnh thì lại vốn là kẻ thù bất cộng đái thiên của các chúa Nguyễn. Đó là chưa kể những âm mưu tận diệt văn hóa dân tộc như chủ trương của người Tàu trong thời nội thuộc nhà Minh.

Nhưng điều luật nào thì cũng có ngoại lệ và không phải tất cả các nhà nho đều nô lệ giáo điều chủ nghĩa. Có thể lấy làm ví dụ phân tích thái độ của một số các bậc tiền bối đối với quan niệm *gia trung hữu cầm nữ tử tác dâm*. Nguyễn Trãi không nghĩ như thế. Và trước Ức Trai, Trần Quang Triều không nghĩ như thế mà sau Ức Trai hơn bốn

trăm năm Nguyễn Thông cũng không nghĩ như thế. Đấy là chỉ kể vài danh tính quen thuộc mà thôi.

Trong nhà Nguyễn Trãi luôn luôn có cây đàn bên cạnh cuốn sách:

Cầm sách cùng nhau ngày tháng trường

hoặc

Bạn cùng phiến sách tiếng đàn cầm

hoặc

Cầm thư nhã thú châm khan thượng

(Thú đàn sách thanh nhã thật đáng chuộng).

Hơn thế nữa, theo vị thạc nho, âm nhạc còn có tác dụng tích cực trong việc giáo dục con cái, ngược với quan điểm thủ cựu:

Lễ nhạc nhàn chơi dạo Khổng Chu

Lối suy nghĩ đó được Lý Tử Tấn, bạn đồng khoa và đồng liêu hoàn toàn tán thành:

Công dư thoái thực phần hương tọa,
Họa trục trương cầm lạc tuế niên.

(Lúc xong công vụ lui về đốt lò hương ngồi một mình,
Cùng bức vẽ, cây đàn vui với tháng năm).

Trần Quang Triều, cháu nội Trần Quốc Tuấn, thì lấy làm hân hoan vì:

Cầm thư tuế vãn hỉ đồng điều

(Tuổi già mừng lại được cùng sách đàn sum họp)

Còn Nguyễn Thông thì hớn hở *tay trái cầm đàn Triệu, tay phải nâng sáo Tề* (*Tả ủng Triệu sắt hữu Tề vu*).

Ngay Phạm Đình Hổ, tuy dị ứng với truyện nôm, nhưng lại rất ưa âm nhạc và trong *Vũ Trung Tùy Bút*, chẳng những ông đã viết dài dòng nhất về bộ môn này mà còn dành riêng một chương cho các loại đàn. Ông cũng xác nhận bản thân từng *gõ phách truyền tụng bài hát mới của quan Lại bộ* (*Án phách tân truyền Lại bộ ca*). Quan Lại bộ nói ở đây là Nguyễn Khản, anh ruột Nguyễn Du, cả hai anh em đều rất sành

nhạc học, như Gia phả chép rõ: "*giỏi về quốc âm, ngoài ra còn cầm kỳ thi họa môn nào cũng tinh thông*".

*

Nơi dinh cơ vị đường quan họ Trương ở Thanh nê, Thái bình, chắc rằng Phạm Thái và Trương Quỳnh Như đã từng chuyền tay nhau đọc *Truyện Phan Trần*, để rồi tiến thêm một bước nữa, can đảm đi theo tiếng gọi của con tim tuổi trẻ. Và chắc cũng đã từng có nhiều đôi lứa thanh niên xử sự theo cùng cung cách. Và khi điểm duyệt quá trình phát triển của văn học "quốc cấm" qua các thế kỷ, chúng ta thấy rằng tuy có bị trù ếm, kết tội, nó vẫn không quy hàng, không tiêu vong. Trái lại, đã có nhiều đóa hoa khoe hương khoe sắc trong vùng cấm địa. Chứ chẳng riêng gì một *Truyện Kiều*.

Nhưng thái độ của giới nho sĩ đối với các truyện nôm cũng đã để lại một dấu ấn đặc thù trên "lý lịch" của chúng: đa số các truyện nôm đều không có tên tác giả, giống như câu ca dao châm biếm thời cuối Trịnh hay bài hát tố tham nhũng đầu đời Gia Long. Sự ẩn danh đã là vũ khí của kẻ yếu, khi sáng tác họ không hợp khẩu vị giới cầm quyền. Nhưng ngoài ra còn vì chính bản thân những người cưu mang các truyện nôm thường khi vẫn không xem trọng tác phẩm của mình. *Nhị Độ Mai* tự mô tả là *biết bao lời kệch tiếng quê; Bích Câu Kỳ Ngộ* chỉ dám nuôi tham vọng *cũng xin góp một hồi cười*; tuyệt phẩm *Truyện Kiều* được bản thân tác giả đánh giá là *lời quê chắp nhặt dông dài; Truyện Phan Trần* còn khiêm tốn hơn nữa, *gọi là làm nhảm để ghi sau này...*

Đã không tự hào về thành quả tim óc – Tuy rằng cung cách diễn đạt liên hệ tất nhiên cũng gắn liền với lề lối suy nghĩ, nói năng khiêm cung, nhũn nhặn của người xưa – Thì thế tất phải tha thiết cố sao cho danh tính của mình tồn tại cùng với tác phẩm. Nhưng lại chính sự tồn tại bền bỉ đến tận bây giờ của các công trình viết bằng quốc ngữ là một niềm an ủi lớn cho những khối óc con tim đã từng thai nghén chúng (cho dẫu đó là những khối óc con tim hữu danh hay khuyết danh); qua đó xác định khả năng của ngôn ngữ thi ca dân tộc.

Chú Thích:

(1) *Phủ liêu*: là cơ cấu tổ chức chính quyền trung ương bên phủ chúa Trịnh, đối với triều đình của nhà vua.

(2) *Ngoại thư, ngoại truyện*: các sách không thuộc loại kinh điển; *tiểu đạo*: đạo nhỏ, không phải đạo trị nước, bình thiên hạ; *nhai đàm hạng ngữ*: tiếng nói phổ nơi thành phố, lời bàn bạc ở xóm ngõ nhà quê.

(3) *Trưng sĩ*: kẻ sĩ được vua trưng dụng, không phải qua một kỳ thi tuyển hợp cách.

(4) *Hán thư*: là sách của Ban Cố (32–92), sử gia Trung hoa nổi tiếng thời Đông Hán.

(5) *Tấn thân*: chỉ quan lại, thượng lưu.

(6) Tỉnh Trịnh Trai phê bình *Tiêu dương đệ bất tài tử tiên chú*.

(7) *Gia trung hữu cầm nữ tử tắc dâm*: trong nhà có đàn thì con gái dâm đãng.

(8) Các nhân vật chính trong *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tự (1743–1790), Nguyễn Thiện (1763–?) nhuận sắc.

(9) Nhân vật nữ chính trong *Sơ Kính Tân Trang* của Phạm Thái (1777–1813)

NGỮ AN

anh nhớ ra rồi

*

mỗi lần xuống bếp làm cơm nước
hình như thấy thiếu một điều gì
lỡ nồi canh mặn, soong thịt khét
anh nhớ ra rồi, ôi em yêu

như chuyện mười năm

*

phố ở phương đông phố ở phương đông
người ở bên kia ta ở bên này
đành đoạn mười năm không gặp mặt
mười năm buồn không hay

VÕ PHIẾN

đối thoại về thịt cầy

*

– Thơ Nguyễn Du độc đáo thật.

– Ôi tư tưởng tân kỳ táo bạo. Mừng bạn có nhận định sắc bén, mới lạ. Bạn nói về *Truyện Kiều* chăng?

– Không

– Nói về *Độc Tiểu Thanh Ký*, "tam bách dư niên hậu" chăng?

– Không. Tôi định nói về thơ thịt cầy.

– Ối trời! Tiên sinh có cả thơ thịt cầy nữa à? Nếu quả có hẳn là độc đáo, không sai.

– Sao lại "nếu"? Có chứ. Này nghe:

...Nhân sinh vô bách tải
Hành lạc đương cập kỳ
Vô vi thử bần tiện
Cùng niên bất khai mi
Di, Tề vô đại danh
Chích, Kiểu vô đại lợi
Trung thọ chỉ bát thập
Hà sự thiên niên kế?
Hữu khuyển thả tu sát
Hữu tửu thả tu khuynh
Nhãn tiền đắc táng dĩ nan nhận
Hà sự mang mang thân hậu danh

Đó là một đoạn trong bài "Hành Lạc"*. Thịt chó hiển hiện rõ ràng. Thấy không?

– Quả nhiên. Đúng nó. Đọc lên nghe thơm phưng phức. Người xưa từng nói đến thứ văn hay đọc lên thơm tho cả miệng. Là đây chăng? Giá có luôn cái nghĩa...

– Có đấy. Hai ông Phạm Khắc Khoan và Lê Thước đã dịch ra Việt ngữ:

...Người không sống trăm tuổi
Gặp thì nên vui chơi
Chớ giữ nếp nghèo khó
Lo lắng suốt đời người
Di, Tề không danh lớn
Chích, Cược không giàu to
Trung thọ chỉ tám chục
Tội gì ngàn năm lo
Có chó cứ làm thịt
Có rượu cứ nghiêng bầu
Được mất trên đời chưa dễ biết
Cần gì lo tiếng hão về sau

– Mấy câu chót... Thấy nó thế nào. Những câu trên không nói làm gì, nhưng từ cái chỗ "có chó" là phải khác. Có chó là có khác, lẽ ra phải thế. Dân nhậu đớp thịt cầy ai lại "nghiêng bầu"? Trông nó cổ lỗ, khệ nệ quá. Mình có nên điều chỉnh cái khẩu khí lại một chút cho hợp thời hợp cảnh không? Chẳng hạn:

Có cầy nên hạ gấp
Có rượu hãy dzô mau
Được thua trước mắt còn chưa rõ
Sá gì danh hão chuyện mai sau

Bạn nghĩ sao?

– Từ từ, sẽ nghĩ về bạn sau. Lúc này nghĩ về Nguyễn Du.

– Bạn làm tôi mất hứng quá. Tuy vậy, tôi nhất trí với bạn: Nguyễn Du là độc đáo. Hơn nghìn năm văn học ký tải ở Việt nam dễ gì tìm ra thơ thịt cầy? Phải chịu là món hiếm hoi.

– Thế là xong một khoản Nguyễn Du độc đáo. Còn khoản thịt cầy: theo ý bạn thế nào?

– Nhất. Đó không phải ý tôi. Đó là ý kiến toàn dân, từ trên xuống dưới.

Trên, tức hạng Nguyễn tiên sinh. Sinh ra là con một ông quận công, hai anh làm quan lớn, tài danh nổi tiếng một thời, trong nhà đàn hát yến ẩm quanh năm, món ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Xuất ngoại một phen thì cầm đầu sứ bộ, đi tới đâu được nghênh tiếp trọng thể cấp dưỡng thừa mứa tới đó:

...Quân bất kiến sứ thuyền triêu lai cưng đốn lệ?
Nhất thuyền nhất thuyền doanh nhục mễ
Hành nhân bão thực tiện khí dư
*Tàn hào lãnh phạn trầm giang đế**

Dọc đường đã thế, đến triều đình phải biết! Thế mà khi có rượu, tiên sinh không hề nghĩ đến nem công chả phụng, đến thứ cao lương mỹ vị nào, tiên sinh chỉ ao ước hạ một con cầy.

Dưới, là dân gian khắp nước. Ai mà không biết câu "Sống trên đời ăn miếng dồi chó, thác xuống âm phủ biết có hay không?" Thấy chưa? Người ta không ăn thịt chó như ăn các thứ thịt khác trên thế gian. Ăn mọi thứ thịt khác, bất quá tấm tắc khen ngon. Ăn thịt chó thì vừa ăn vừa kêu trời. Bạn nhẩm lại cái chỗ "Thác xuống âm phủ...", rồi bạn chịu khó ngẫm nghĩ, băn khoăn, trăn trở, suy tư giùm xem, bạn chịu khó khảo cứu truy tầm giúp cho, xem trong kho tàng văn học của ta tự cổ chí kim có câu tán tụng thứ thịt nào mà não nuột, mà thống thiết đến thế chăng?

– Xin bạn. Bạn khe khẽ cho. Khen thịt cầy, bạn cứ oang oang lên như thế, lỡ Mỹ nó nghe...

– Sợ nó lôi ra tòa án Long Beach kêu tù à?*

– Không đến nỗi thế. Nhưng ngại nó chê mình... kém văn minh.

– Kỳ thị một cách đáng xấu hổ. Chuyện khẩu vị không phải thuộc vấn đề văn minh. Mỗi dân tộc có một sở thích ăn uống. Tàu là nước văn minh cao, Tàu ăn vịt, món vịt Bắc kinh nổi tiếng khắp thế giới,

trứng vịt bắc thảo Đặng Tiểu Bình nghiện nặng, đi viếng Hoa kỳ mấy hôm không nhịn được; thế mà Mỹ không dùng cả thịt vịt lẫn trứng vịt, Tàu vẫn tha thứ không chê là kém văn minh. Dân này khoái trứng cá muối như điên, dân nọ không màng ngó tới. Xứ này ham xơi phao câu, ham gặm giò gà, giò heo, dùng rùa hầm, lươn um; xứ khác chưa từng thử đến. Nơi này khoe thịt trâu ngon tuyệt, nơi kia trề môi nhún vai...

Thượng đế làm ra mỗi người một cái lưỡi riêng, mỗi người một bao tử riêng: không có ai nuốt lộn vào bao tử người khác cả, không ai làm phiền ai cả. Tùy nghi, tùy thích... Tự do. Thấy chỗ dị biệt đem ra bàn tán nghí ngố thì được, còn chê khen văn minh ơn kém này nọ dám mất lòng lắm đa.

Lòng yêu thịt cầy không phân chia đẳng cấp trên dưới, không phân biệt chính trị tả hữu. Một hôm gặp người đẹp, cõi lòng rung động mạnh, ông Bùi Bảo Trúc đem hết sự duyên dáng của mình ra bảo rằng ông "rất thích chó (...) khi nào chó được nấu nướng kỹ càng và bày thật đẹp trên dĩa đặt trên bàn". Một nhân vật của bà Dương Thu Hương đứng bên kia bờ ảo vọng tuyên bố với người yêu: "Rượu, thịt chó là món em khoái nhất. Đứa nào không biết ăn thịt chó thì thật là ngu". Kẻ nam người nữ, kẻ chống Cộng người theo Cộng, kẻ bên này người bên kia bờ Thái bình dương, họ ca tụng thịt cầy toáng cả lên. Bạn lo ngại cái gì kỳ cục vậy?

– Ngại người Mỹ họ có thể bảo ta xơi thịt cầy là không biết thương một con vật gần gũi...

– Đừng có ai đòi dậy ai về tình thương nhé! Gần đây ở Âu Mỹ có phong trào bảo vệ súc vật. Các ông các bà làm ồn nhiều lắm. Trong những xứ hâm mộ thịt cầy như Việt nam, Trung hoa, Đại hàn... Từ hàng nghìn năm qua có bao nhiêu triệu người lặng lẽ ăn chay, ăn chay trường, và lâu lâu lại bỏ tiền ra mua cá, mua chim để thả xuống nước, thả lên trời.

– Này, giá lúc này có câu thơ thương chó đưa họ xem thì tiện nhỉ.

– Có đấy.

...Niệm nhĩ thuộc thổ súc
*Dữ nhân mao cối đồng...**

"Thổ súc dữ nhân mao cốt đồng". Thương đến thế mới là thương sâu đậm. Thật... "thương cầy như thể thương thân". Thấy xác con cầy chết trong núi, không cần biết cầy của ai, mà động lòng than thở như vậy, đời nay mấy kẻ?

– Thơ gì? Của ai vậy?

– Thơ "Điệu khuyển", vẫn của Nguyễn Du. Trong Nam Trung tạp ngâm. Điệu khuyển, nghĩa là thương chó.

– Trời, cụ Nguyễn! Hết xẩy.

Thấy chưa? Bạn chỉ giỏi được cái đọc thơ leo lẻo, mà không chịu thấy tấm lòng của Nguyễn tiên sinh. Kẻ sĩ yêu cầy là đấy, kẻ sĩ yêu thịt cầy cũng là đấy. Cho nên không thể vì "văn minh", vì biết thương loài vật mà không ăn thịt cầy. Con vịt, con bồ câu, con rắn mối... Có phải là loài vật không? Con bò, con heo có phải là gia súc không? Tại sao người Mỹ trông thấy ăn thịt những con vật ấy họ không chồm người lên giận dữ như khi trông thấy ăn thịt cầy? Đối với họ con cầy có khác những thú vật kia. Khác thế nào? Cầy là gì của người Mỹ? Con cầy có địa vị ra sao trong đời sống Mỹ? Hả?

– Xem nào: không thể nói về cái địa vị chung chung. Xét về địa vị trong tiến ngưỡng chẳng hạn: có nơi lấy con này làm vật tổ, có nơi thờ con kia làm vật tổ; vật tổ phải có địa vị cao. Lại như vì lý do tôn giáo, con bò có địa vị cao ở Ấn độ. Trong huyền thoại Ai cập thì thần Marpi mình người mà mang đầu chó, cho nên thuở xưa Do thái thù chó mà Ai cập kính chó. Còn ở Ba tư ngày xưa cũng có thời pháp luật trừng trị kẻ nào phụng dưỡng chó không chu đáo, chẳng hạn cho chó ăn những món không xứng đáng...

– Tốp! Tốp! Địa vị tôn giáo, không cần. Nhân danh chính sách tiết kiệm năng lượng, xin tốp ngay cho. Ta không thờ chó, Mỹ cũng không thờ chó, nói chuyện ấy làm gì.

– Vậy hãy nói về cái địa vị chó trong tình cảm của người. Trong tình cảm người Mỹ, địa vị của chó cao chót vót. không những người Mỹ không ăn thịt chó, họ còn ra rít với chó, hết lòng vì chó khi sống, họ có nghĩa địa riêng chôn cất chó tử tế khi chết, lắm kẻ còn xếp đặt

trước để lúc người từ giã cuộc đời thì nắm xương tàn được chôn cạnh chó, chứ không phải bên cạnh ông bà, cha mẹ, vợ con...

Trong khi ấy trên phương diện tình cảm, địa vị con chó Việt nam thấp kinh khủng. Thấp như địa vị đa số đồng loại ở Á châu. Tôi chắc ông Mỹ Will Durant trong khi tìm hiểu đặc điểm các nền văn minh khác nhau trên cõi thế gian đã chú ý nhiều lắm về điểm này. Cho nên trong bộ *Lịch Sử Văn Minh Nhân Loại* của ông lại có chỗ ghi nhận về hoàn cảnh khuyển loại ở Đông phương: bị khinh bỉ, bạc đãi, thường lang thang ăn dơ ăn dáy ngoài đường, sống đời cù bơ cù bất. Hình như không có ở nơi nào khác loài chó kém may như thế.

– Đáng tiếc, đáng tiếc! Tôi muốn biết tại sao. Tại sao ở Đông phương đầy tình thương đầy nhân ái, ở Đông phương nơi triệu triệu người đời đời kiếp kiếp từng ăn chay...

– Tại sao? Hình như chưa có ai kịp hỏi ông Will Durant câu đó, nên không có lời giải đáp của ông. Còn câu giải đáp... Của tôi? Theo thiển ý ấy là vì gia đình người Âu Mỹ thường nhỏ bé, mà gia đình chúng ta đông đảo quá...

– Tôi hiểu vì sao không có ai hỏi "thiển ý" của bạn: ý kiến bạn nhảm quá. Chẳng ra ngô ra khoai gì cả. Hiểu thế "chó" nào được một giải đáp như thế!

– Bạn khó tính nhé. Thế thì đừng hỏi tại sao, đừng giải đáp. hãy ngừng lại hiện tượng, nhặt nhạnh thêm một ít dữ kiện nữa về địa vị của chó trong tình cảm.

Bạn để ý giùm chỗ này: Ta bảo "nhà tôi nuôi một con chó". Đối với người Mỹ thế là mơ hồ quá. Thường thường họ minh bạch hơn: hoặc một con *golden retriever,* hoặc một con *poodle,* con *chow chow,* hoặc một con *bull dog*... Toàn cõi nước ta không phải chỉ có một loại chó, thế nhưng chúng ta nhìn vào thế giới chó bằng con mắt thờ ơ, chúng ta trông qua đại khái, không cần chi tiết. Người Mỹ không bằng lòng một thái độ hững hờ. Trong bất cứ tài liệu nào về chó, dù sơ lược, cũng liệt kê được hàng mấy chục giống chó khác nhau đang quanh quẩn bên cạnh người Mỹ. Trong ngôn ngữ hằng ngày họ rành rẽ.

Rồi lại chỗ này nữa: con chó ở ta không có nổi cái tên tiêng. Nhà có đôi ba con chó vẫn gọi: con Vàng, con Vện, con Mực... Lấy ngay cái mầu lông của nó làm tên. Một cách dễ dãi, qua loa. Vàng, Vện, gần như là những tên chung. Người Mỹ không thế: chó trong nhà mỗi con một tên riêng, cũng như mọi người trong gia đình. Tên chọn lựa kỹ lưỡng, công phu nhé. Ai cũng muốn chọn cho con chó cưng của mình một cái tên cho đẹp đẽ, hay ho. Nhu cầu ấy phổ biến lắm, cho nên ngay ở quầy tính tiền tại các chợ Mỹ thỉnh thoảng thấy bán cuốn sách con con liệt kê vô vàn mỹ danh để ai nấy tha hồ chọn cho chó. Có gần gũi, có cưng yêu, mới đặt tên riêng như thế. Gia súc quanh ta, con vịt, con gà, con lợn, đâu có con nào mang được một tên riêng?

Đó, thêm một dữ kiện.

– Bạn có quyền thêm một dữ kiện nữa. Miễn đừng góp "thiển ý".

– Ở Mỹ con *dog* lúc nào nó cũng là con dog. Ở ta có khi nó là con chó, có khi nó là con cún, có khi nó lại là con cầy. Cún là chó con; con hay mẹ, sự phân biệt ấy không quan trọng. Nhưng cầy, chữ cầy rất đáng để ý: nó giết con chó. Vì cầy là tiếng gọi con chó thịt. Là tiếng gọi con chó trong tư cách... Thực phẩm. Ta nuôi con chó, nhưng khi ta ăn ta ăn thịt cầy. Tiếng cầy là bản án tử hình xử chó.

Sao vậy? Tại sao không có tiếng riêng gọi con bò, con gà để ăn thịt, con vịt thịt, con heo thịt, (những tiếng như con biếc, con ghiếc, con viếc, con hiếc, chẳng hạn?) Thiết nghĩ ấy là vì miếng thịt chó ta phải gọi là thịt cầy mới tiện bỏ vào mồm. Nếu không, thấy ghê ghê thế nào. Con chó Đông phương nó bị hất hủi, nó ăn tạp lắm, nó lục lọi các đống rác, nó thơ thẩn ngoài đồng tìm chất thừa chất bẩn thỉu... Chó nó ăn cái ấy, mình lại đi ăn chó à? Ăn phải ăn cầy cơ. Trước khi dùng, phải thăng cấp cho nó.

Ở Âu Mỹ, con chó nó là *pet*, là con bạn, là cục cưng. Ở đó địa vị nó cao hơn con vật; ở ta nó thấp hơn con vật.

Ở Âu Mỹ nó là con bạn, là cục cưng. Ở ta, khi có ai hét vào mặt kẻ khác "Đồ chó!" thì đó không hề có nghĩa là "Đồ bạn!" Đồ chó còn tệ hơn là đồ mèo, đồ gà...

Đồ chó, tởm quá, không xơi được; nhưng cầy thì xơi được. Khi ta bỏ một miếng thịt cầy vào mồm thì ta không làm điều gì sai quấy; nhưng người Mỹ mà bỏ vào mồm một miếng thịt bạn thì trời đất quỷ thần nào dung thứ! chuyện không quan niệm nổi.

Do đó chuyện thịt cầy giữa ta và Mỹ không phải là chuyện khẩu vị, cũng không phải là chuyện tình thương đối với loài vật nói chung. Chẳng qua họ và ta không cùng bỏ vào mồm cùng một món thịt, cho nên phản ứng khác nhau vô vàn. Cho nên trong phản đối của họ có sự giận dữ.

– Này này, tôi cần lưu ý bạn: bạn từng hứa chỉ có dữ kiện không có giải thích; thế mà dần dà bạn khe khẽ "trộm nghĩ", khe khẽ đưa "thiển ý". Liệu có can bạn nổi không đây?

– Bạn can, bạn thiệt thòi.

– Ơ! Khiêm tốn đến thế kia à?

– Nói thế là vì bạn thôi. Vừa rồi bạn tuyên bố rằng tôi nhảm khi tôi chưa hề biện giải. Nếu tiếp tục ngăn cản tôi, hóa ra chúa nhảm là bạn. Hãy để tôi biện giải xong, nếu sai, cái nhảm sẽ thuộc cả về phần tôi, có phải là lợi cho bạn không?

Chúng ta vừa bảo Mỹ xem chó như bạn, đó là căn cứ vào một từ ngữ *pet* đã có từ lâu đời. Dần dần mỗi lúc chó mỗi gần người, sát người. Xung quanh bạn, bạn thấy nhan nhản những bà những cô nuôi đôi ba con chó, gọi chó là con trai, con gái, là lũ con (my son, daughter, kids, children)... và thực tình họ xem như con, thương như con: có thế mới chôn cất, mới mồ mả, mới gửi xương cốt bên nhau chứ. Như vậy, chó không còn là bạn, chó đã được kết nạp làm một thành phần trong gia đình người Mỹ. Vì sao vậy? Chỉ vì gia đình Mỹ mỗi ngày mỗi thu hẹp lại, trở nên quá nhỏ bé, quá ít người...

– Đấy! Đấy! Lại...

– Cấm can thiệp. Cấm đàn áp. Hãy nghe đã. Bạn có tưởng tượng nổi trong một gia đình như nhà mẹ Lê*, con cái lủ khủ dùm đề như thế, mà bác Lê gái lại có thể gọi một con cún là "con tôi", mỗi tối cho

"con tôi" lên giường nằm bên mẹ không? Khi trăm tuổi bác Lê gái yên giấc nghìn thu bên mộ con cún được không?

Chuyện ấy thiết tưởng chỉ xảy ra vào trường hợp những bà cụ sống lủi thủi một mình xa con cái, những nàng cao số, long đong, muộn chồng, bỏ chồng, hiếm muộn... Những trường hợp hết sức phong phú trong xã hội Mỹ.

Khi cô đơn quá, kẻ Âu người Á, kẻ trắng người vàng, không ai làm gì khác hơn là quơ vội quơ vàng vào một chút sinh khí cho ấm lòng. Trong một cái truyện ngắn của Linh Bảo, một ông chệt già ở Cựu kim sơn, vào những ngày tàn bơ vơ xa quê hương đã nuôi và cưng một cây chuối trong chậu, bình nhật chăm chút cho ăn phân cho uống nước đều đều, lúc gặp chuyện đau buồn thì cụ chệt già mời chuối cùng uống... rượu* với nhau. Ở Cựu kim sơn có bao nhiêu là chệt già đối ẩm với cây chuối như thế?

Lấy cây chuối làm con còn tệ hơn lấy chó làm con.

– Phen này bạn kẹt với tôi. Bạn bảo gia đình thu nhỏ là lý do, cảnh sống cô đơn là lý do của tình cảm người – chó. Như thế bạn có ý cho rằng người Mỹ mới kiêng thịt cầy trong thời kỳ hiện đại này chăng? Bởi vì xưa kia đâu phải lúc nào gia đình người da trắng cũng ít người? Trong thời nông nghiệp ở đâu đại gia đình cũng đông đảo hơn ngày nay, điều ấy bạn đã biết. Tất nhiên xưa kia người Âu Mỹ đâu thấy cô đơn trong gia đình? Vậy theo ý bạn bắt đầu từ năm nào thì Mỹ kiêng thịt cầy? Bạn định giùm tôi một thời điểm kiêng thịt cầy ở Âu Mỹ. Bạn cố gắng giúp cho.

– Bạn hùng hổ cứ như là Cộng sản lúc vừa đánh hơi thấy mùi thắng lợi.

Bên Tàu, hơn hai nghìn năm trước từ cái quầy thịt cầy của một nhân vật lẫy lừng là danh tướng Phàn Khoái mùi thịt nướng đã xông lên làm thơm trang sách Tư Mã Thiên. Sử sách Tây phương không có cái may mắn ấy. Hoặc giả sử gia Tây phương thời trước không chú ý đến những việc như thế? Hoặc giả người ta có chép nhan nhản mà tôi không hay biết? Hoặc giả người da trắng cổ thời có thói quen nướng

cầy cách lén lút? Chuyện đâu còn đó. Sự thực rồi sẽ có ngày phát hiện. Ngay lúc này hãy giả thiết là người da trắng chưa từng ăn thịt cầy bao giờ. Như thế có gì kẹt cho tôi đâu? Tôi không hề bảo rằng hễ ai không thương chó tất phải xơi thịt chó. Tôi có nói thế đâu? Người da trắng xưa kia rất có thể gia đình sum vầy, vừa không yêu chó quá đáng như ngày nay, lại vừa không ăn thịt chó, có sao? Tốt thôi.

Nếu bấy giờ, xa xưa, da trắng da vàng kẻ ăn người không, có khác nhau là do khẩu vị mà thôi. Ai thích gì ăn nấy, không giận nhau, chê nhau là văn minh hơn kém.

Nhưng cái khác biệt hiện thời không giống như cái khác buổi ấy. Vấn đề chúng ta nêu lên đây là cái khác hiện thời. Hiện thời có yếu tố tình cảm xen vào: ta xơi cầy là họ uất người lên đấy. Sự tình bắt đầu từ bao giờ. Xin thú thực: không rõ. Tôi ngờ rằng cái nghĩa trang đầu tiên dành cho chó mèo ở Âu Mỹ chắc cũng không quá trăm năm. Người Âu Mỹ giã từ chế độ kinh tế nông nghiệp đã lâu, giã từ cuộc sống đồng quê mà về đô thị đã lâu, trong truyện của họ từ lâu lắm không thấy có những gia đình nườm nượp như gia đình họ Giả trong Hồng Lâu Mộng. Trong tiếng nói của họ, một vết tích thành ngữ tương đương với "Tứ đại đồng đường" không hề nghe thấy bao giờ. Gia đình da trắng teo tóp đến đâu thì địa vị con chó cao lên đến đó, tôi chắc thế. Chuyện tình cảm nó dần dà, nó lặng lẽ: đã yêu muốn chết mà lắm khi vẫn chưa biết là mình đã yêu, thỉnh thoảng lại còn đòi để hỏi lại con tim xem đã... Bạn đừng nài ép tôi định rõ ngày giờ của tình yêu, kể cả yêu chó. Kể từ năm Mão? Năm Tuất? Giờ Dần? Giờ Tỵ? Nào ai biết được!

Còn chúng ta da vàng, có thể một phần vì bẩm chất sai con, mắn con: ngay từ buổi sơ khai, cái gì mà đấng tổ tiên đã nêu ngay gương lành, cho ra một lượt trăm trứng nở trăm con. Một gia đình như thế đầu phân đôi cũng không còn một chỗ trống nào cho con chó chen vào. Nguyên tiếng trẻ khóc đủ làm nó nhức óc hoảng hồn.

Thế rồi, đến mãi ngày nay nông nghiệp vẫn còn địa vị quan trọng, nông dân vẫn còn chiếm đa số, nề nếp sinh hoạt nông thôn và tâm lý

nông dân vẫn còn sâu đậm. Các nhân vật tiểu thuyết của thế hệ Nhất Linh thỉnh thoảng lại có người than như bộng về cái "số" đông con; thế rồi các ông bà bảo trợ Mỹ đến thăm những gia đình thế hệ người Việt tỵ nạn lâu lâu bắt gặp một sân quế hòe nghìn nghịt.

Ở những quốc gia đã bước sang nền kinh tế kỹ nghệ, người ta đổ về đô thị, gia đình co rút lại. Xu hướng chung ở Âu Mỹ là thế; nhưng ở ta phương thức sản xuất Đông phương kéo dài chế độ kinh tế nông nghiệp, kéo dài chế độ chính trị phong kiến, kéo dài chế độ đại gia đình... Những cái ấy còn tồn tại không dứt, thì chó còn là... đồ chó, còn bị khinh khi, còn đứng ở bậc thấp nhất của cái thang giá trị... Các loài súc vật.

Tuy nhiên hồi gần đây rõ ràng là nếp sống đô thị đã tràn lan rộng rãi sang lắm nước Á châu. Cái rét đô thị thấm vào thấu xương số người càng ngày càng đông đảo ở Đông kinh, Thượng hải, Hương cảng, Tân gia ba... Hoàn cảnh đặc biệt của những tập thể lưu vong, di cư, tỵ nạn... Càng tăng thêm mức độ giá rét... Do đó giới Tàu già ở Hương cảng đã từ cây chuối hài hước tiến tới một phát kiến sáng giá: là ôm lấy con chim. Con đường Honglok về phía Cửu long là cả một thế giới chim: lớn có, nhỏ có, đủ mầu, đủ loại, giống hát hay, giống múa đẹp, giống mầu rực rỡ... Ở đây có vô số kiểu lồng chim từ thượng vàng đến hạ cám, có những món đồ đựng thức ăn thức uống chạm trổ vẽ vời công phu, cầu kỳ... Các ông cụ mò mẫm đến đây, dạo qua dạo lại ngày này sang ngày khác, ngắm nghía, chọn lựa, rồi móc hầu bao rước chim về hầu hạ, phụng dưỡng. Cho ăn cho uống, quạt nồng ấp lạnh. Sắm những chiếc bình xịt nước li ti cho mát chim vào những hôm oi bức. Ngồi với chim hằng giờ. Mới tờ mờ sáng, các cụ ho hen xong, khạc nhổ xong, liền xách lồng chim rời căn phòng nhỏ hẹp của một cao ốc, xuống đường mua một tờ báo, tìm đến một công viên, người và chim cùng hưởng chút khí trời, rồi các cụ xách lồng chim vào tiệm uống tách cà phê, trò chuyện với nhau, đấu chim, đấu lồng với nhau... Suốt ngày người đâu chim đó. Trong tiệm, trên xe, chỗ nào cũng phải trù liệu sẵn móc cho các cụ treo lồng chim...

Hương cảng Đông phương da vàng đã đến nông nỗi ấy, thì Âu Mỹ há giữ nguyên vị trí cũ sao? Quả nhiên, Mỹ lại nhẩy vọt.

Kỹ nghệ tân tiến và cuộc sống đô thị lại làm phát sinh thêm những diễn biến mới: năm 1960 trong tổng số các cuộc sinh nở ở Mỹ số con sinh ra do phụ nữ không chồng chỉ có 5.3%, năm 1986 tỷ số ấy lên đến 23.4%. Người ta mỗi lúc mỗi ngại hôn nhân. Số người Mỹ ngại ngùng ấy tăng gấp bốn lần trong vòng hăm sáu năm.

Nàng không chồng chàng không muốn vợ, cảnh nhà đâm ra đơn chiếc. So sánh các loại gia đình: gia đình nhiều người, gia đình một cặp, và gia đình một người, theo thống kê năm nay* thì phát triển nhanh nhất là loại gia đình... một người! Đó là chiều hướng phát triển ở mọi nước kỹ nghệ, ngoại trừ ở Nhật bản, tại đây non 2/3 số người già còn sống chung với con cái.

Tình huống mới có nhu cầu mới: một con bạn chó chưa đủ. Con chim của các cụ già Hương cảng trở thành đấng anh hùng của thời đại mới. Trước kia nuôi chim trong nhà là chuyện lai rai, cuối thập niên 80 nó tiến vượt lên như chớp. Giữa năm 1988 khắp Hoa kỳ có gần 58 triệu con mèo, 49 triệu rưỡi con chó nuôi trong nhà. Cùng năm ấy, số chim nuôi chưa tổng kết được, chỉ có con số khá "đại khái" từ 45 đến 100 triệu con. Dịch vụ kinh doanh về chim, tính cả bán chim, bán thức ăn cho chim, lồng chim... số thu lên đến 10 tỷ mỗi năm. Nhưng theo ước tính thì thập niên 90 mới đích thực là thập niên của chim. Bấy giờ chim là số một, là vô địch.

Mỹ đã say mê món nào là say mê ra trò. Chim bé cỡ 10$, 20$ một con cỡ; yến 30$, 40$ một con cỡ; két *Harlequin macaw* cỡ 2.500$ một con cỡ; mà con két *Hyacinth macaw* ngót 30 *inches* giá 10.000$ một con cũng cỡ nữa. Cục cưng mà.

Luận về hiện tượng chơi chim, ông Marshall Myers, phó chủ tịch hội đồng cố vấn ngành chăn nuôi cầm thú để làm bạn trên nước Mỹ, nói quyết rằng đó là hậu quả của lối sống mới, của nếp sống đô thị: thêm nhiều người trong gia đình phải ra ngoài làm việc, thêm nhiều người độc thân, cảnh ở *condo*, ở *apartment*, và thì giờ eo hẹp làm cho thiếu chỗ, thiếu thì giờ nuôi chó...

Chim thắng chó là lẽ đương nhiên, là xu thế của tương lai...

– Xu thế tương lai... Con người tiến từ chó tới chim...

– Tương lai ấy bắt nguồn từ một nhu cầu nguyên thủy: chút hơi ấm. Con người nguyên thủy đã chịu mất cả một chiếc xương sườn để cho có bạn, có cô bạn xong vẫn thấy không bằng lòng:

"Chỉ đôi bạn? Thế vẫn còn chưa đủ".

Đòi thêm con chó. "Một thầy, một cô, một chó... bạn": vẫn chưa đủ. Đời vẫn lạnh lẽo giá băng. Phải thêm vào đôi ba con chim bên mình... Ôi! Vũ trụ, ôi càn khôn: rét quá.

Mai kia, con người đô thị trông thấy ai nhai một miếng thịt chim chắc chắn là đứt từng khúc ruột, là gầm lên chê kém văn minh.

– Có "ôi!" tức đến kết thúc rồi. Kết thúc chuyện thịt cầy, sẵn trớn ngon lành, ta nhấn ga vọt sang vấn đề thịt chuột, nên chăng?

– Không.

– Thì sang thịt ba ba nhé?

– Không nên.

– Ơ, kỳ thị đến thế sao?

– Không phải. Các thứ thịt khác chỉ là thịt. Riêng thịt cầy là thịt, lại là thơ ca, là kinh tế, xã hội, văn hóa, triết lý (ôi)... Nói chuyện thịt cầy, mình ném bậy một hòn đá mà làm rụng lông được vài ba con chim: tiết kiệm năng lượng. Nói về các món thịt kia, lãng phí quá.

Chú Thích:

* Thanh Hiên thi tập.

* "Thái bình mại ca giả" (Bắc hành tạp lục) Bốn câu trên có nghĩa: chẳng thấy cái lệ cung đốn cho thuyền sứ mỗi buổi sáng đó sao? Hết thuyền này tới thuyền khác chở đầy nào gạo nào thịt đến. Người ăn không hết, phải đổ đi. Canh thừa cơm nguội trút cả xuống lòng sông.

* Năm 1989 tòa án Long Beach có xử một vụ mấy người Miên hạ cờ tây.

* Nghĩa: nghĩ rằng mày là giống súc vật, cũng lông cũng xương giống như con người.

* Xóm Cầu Mới của Nhất Linh.

* Cây Chuối Buồn, Mây Tần.

* Của *Monthly Labor Review*, Bureau of Labor Statistics.

TRẦN VŨ

yêu người quan họ

*

Chương chờ cho quan trong và quan đám – trưởng các quan họ cùng những cụ ông, cụ bà của hai làng vào lậy Phật rồi chàng mới dám cùng các thiện nam tín nữ khác vào chùa lễ. Bên chiếu hàng đôi, các thiếu nữ thanh tân của đường quan họ gái cũng đương ríu rít xì xụp lạy. Chương cứ liếc nhìn Thắm mỗi bận cúi đầu vái rồi ngẩng lên, qua khuỷu tay, chàng lại liếc trông cô gái vận áo tứ thân, chít khăn nhiễu điều, sống áo vải mới chảy màu nâu non xuống dáng người nàng ngồi quỳ thật kính cẩn. Đã cả tuần nay, từ ngày trẩy hội, Chương không ngừng nhìn trộm Thắm. Nàng theo đường quan họ huyện Yên phong đến hội Lim hát tranh giải. Trông Thắm hát đối đáp với các trai làng khác, môi đỏ thắm ăn trầu cắn chỉ, tiếng khánh ngân trong trẻo khi cất giọng Lý, tiếng trầm đậm đà khi xuống giọng Tình Tang, chàng không khỏi xao xuyến, bâng khuâng trong lòng. Chương đã định bụng hôm nay bắt chuyện với nàng, vì để lỡ mùa hội rồi thì biết đến bao giờ mới gặp lại nữa.

Chàng còn đang mê mẩn liếc trộm hai cườm tay trắng như gương tàu của Thắm, chập lại mỗi khi nàng uốn cong lưng để bái thì anh cả đường quan họ chàng gọi Chương ra đứng chầu ngoài để sáu người được chọn của hai họ Kẻ – Hạnh. Chàng không biết Kẻ Hạnh Thị Kính, nên đành nhìn Thắm cùng trai gái hai họ hát đối đáp rồi trả lời với nhau. Giọng kẻ của Thắm theo những đồng chinh reo mấy trên thau đồng. Kẻ Hạnh ngày hội là để cầu phúc, nên đến những đoạn hay các bô lão thi nhau ném tiền thưởng quan họ dâng cúng chùa lên cái

mâm đồng để sẵn. Tiếng chiêng chang chang, nhịp trống đánh đua nhịp mõ, tiếng liền chị trả lời liền anh, tiếng những đồng chinh cứ nhấy linh kinh rổn rảng, rộn rã trong lòng Chương. Song chàng biết rõ lắm, chính đôi má đỏ hoa đào, đôi môi cười nụ hàm tiếu của Thắm đem đến cho mình nỗi vui tươi sung sướng ấy.

Mùa hội tháng Giêng năm đó, đồi Lim đông chưa từng thấy. Từng chiếc, rồi lại từng chiếc thuyền nan rẽ sóng con sông Tiêu tương tấp vào đồi. Những mái chèo trai tráng nhịp nhàng đưa thuyền vào bến, những cổ tay con gái vốc nước sông sâu. Trời mây biêng biếc, mặt nước xanh xanh, từng gợn sóng nhỏ lăn tăn ôm lấy quả đồi rồi xuôi chảy xa xa nương về những rặng chè trồng ven sông bát ngát. Từ chỗ chàng đứng, ở sân chùa trông xuống bến, Chương thấy bao nhiêu người xuống đò lên đồi. Thanh niên áo lụa áo the, quần ống xớ, cầm ô lục soạn nhường thiếu nữ áo mớ ba mớ bảy, đội nón quai thao thắt khăn nhiễu tía, cổ đeo vòng kiềng đi trước. Chùa Lim là trung tâm hội. Hội đã một tuần, đến ngày cuối mà hãy còn nhộn, còn vui. Những lọng nan, cờ xí cứ bay nườm nượp theo tiếng trống dồn của cuộc đấu vật phía sau chùa. Chương chờ cho Thắm Kể Hạnh xong, bước ra ngoài rồi chàng mới lấy hết can đảm để gợi chuyện:

– Tôi là Chương, người huyện Tiên sơn, muốn được kết bạn quan họ với người đường xa, đến đây trẩy hội đồi Lim, chẳng hay có còn lẻ đôi một mình?

Chàng vòng tay chào và tự giới thiệu. Câu nói mà Chương sắp sẵn, nhẩm đi nhẩm lại mấy ngày qua không dám thốt. Mãi đến hôm nay, ngày hội chót rồi chàng mới dám lên tiếng. Lúc hỏi Thắm có còn lẻ đôi một mình hay không. Chương có ý giận Thắm cả tuần nay hát đối đáp với người khác mà không chú ý gì đến mình, luôn đi theo sau nàng. Nhưng Thắm tinh ý, đã vòng tay đưa ngang chân mày đáp lễ thật khéo:

– Đừng thấy em lắm bạn mà ngờ, lòng em vẫn thẳng như tờ giấy trong. Cơ may trẩy hội đồi Lim, được chàng kết bạn thật là quý thay.

Thắm chắp tay xá, nhưng mắt không nhìn xuống đất mà lại liếc chàng thật hóm hỉnh, làm Chương quên cả giận hờn của mấy ngày qua.

Chàng bạo dạn xin phép Thắm cho mình được kết đôi với nàng trong buổi hát chót. Thắm chỉ cười sẽ vân vê vạt áo, cắp nón quai thao trước ngực mà không đáp, song qua nụ cười mảnh mai ấy, Chương biết nàng đã thuận lòng.

Hai người vừa ngỏ lời với nhau mà đã thấy họ phải lòng nhau. Thắm e lệ vuốt vành nón, nhưng lâu lâu lại nhìn Chương cười duyên dáng. Chàng thấy mình như ngây ngất say, định hỏi chuyện thân thế cùng làng quê của nàng, nhưng vừa lúc đó hai hàng quan họ kéo hết ra sân chùa, nên Chương không dám đứng gần Thắm nữa. Trời đã quá giấc trưa, mọi người mời nhau lên dẫy nhà hội dùng bữa. Chương nán lại cùng đi sau với Thắm. Hai người bước sóng đôi, cách xa xa chỉ vừa đủ nghe nhau nói.

– Anh Chương!

Hai người vừa đi qua bụi trúc đào thì Thắm lên tiếng gọi chàng trước.

– Thắm bảo gì tôi?

– Anh theo quan họ đã lâu chưa?

– Chẳng giấu gì Thắm, quê tôi là nôi quan họ, vui vầy chúng bạn nên theo đàng đã chẵn tròn hai năm. Thế còn Thắm?

– Anh đã có hỏi thì em thưa: em vào quan họ chưa lâu, giọng chưa hay mấy, hơi chưa được nhiều. Đêm đêm quay xa đánh suốt, ôn câu luyện giọng chờ ngày hội thi. Thế chẳng hay các cụ nhà ta có theo đi cùng?

Thắm trả lời Chương rồi bất ngờ hỏi thăm về cha mẹ chàng. Chương thấy vẻ mặt nàng dường như có vẻ lo ngại, chàng vội đỡ ngay lấy dịp may để tỏ tình:

– Thầy mẹ tôi còn ở phố huyện, mong tôi trẩy hội tìm người kết đôi!

Khi nói câu đó, Chương nhìn Thắm kỹ quá, chàng lại vô tình nhìn phần ức trắng đầy đặn của Thắm để hở ở khoảng yếm khiến nàng đỏ mặt không sao trả lời được. Thắm bối rối cúi nhìn xuống chân đi, không dám bắt chuyện với chàng nữa. Chương cũng đâm lúng túng,

thầm trách mình quá vội vàng. Hai người đi bộ theo đoàn chẳng mấy chốc đến dẫy nhà hội. Chiếc phong linh reo lanh canh trong gió lúc Chương vén màn cửa mời Thắm vào. Mặt nàng hãy còn đỏ vì lời tỏ tình bạo dạn của chàng ban nãy. Phòng hội bỗng tưng bừng vui nhộn. Các đường quan họ anh lăng xăng bắc ghế mời các đường quan họ chị ngồi. Chương cũng thu xếp cho mình được ngồi đối diện Thắm. Mâm cỗ bầy ra, mọi người cùng cầm đũa. Lúc đó Thắm mới lấy lại được vẻ tự nhiên, nâng bát cơm, dâng đũa mời chàng:

– Hôm nay liền anh đã có lòng kết em làm bạn, sẵn có mâm cơm, dù đầu mâm đĩa muối, cuối mâm đĩa vừng, mâm đan bát đàn, cũng xin mời đường quan họ anh dựng đũa chén lên để em được thù tiếp.

Lần đầu tiên ngồi gần người con gái mình yêu thầm, nhớ trộm, tưởng có thể chạm vào nhau được, lại còn dùng bữa chung nên Chương lấy làm lính quýnh. Chàng đỡ vội bát cơm, đôi đũa Thắm đưa, rồi gắp vội hạt cơm quên cả mời nàng. Thấy vậy Thắm không giận, mà còn tinh nghịch trêu:

– Cơm hẩm ăn với rau dưa, quan họ làm khách, em chưa bằng lòng!

Thắm cố tình đùa Chương, làm khó với chàng vì Chương đã dám tỏ tình với nàng khi nãy. Nhưng Phát – một người bạn chàng – đương ngồi ăn bên cạnh, nghe thế liền xăng xái trả lời hộ ngay:

– Ấy! Liền em nói vậy chứ: cơm trắng ăn với tình mình, tuy rằng ăn ít, nhưng mà no lâu đấy ạ!

Phát đối đáp to quá, khiến cả mâm cỗ nghe được cười ồ. Các anh quan họ vỗ tay đôm đốp tán thưởng người bạn Chương, trong lúc các chị quan họ thì lườm lại. Riêng Thắm với Chương vì bị mọi người chú ý, nên cả hai đâm ra ngượng. Chẳng mấy chốc chàng và Thắm được ghép đôi. Họ thẹn quá không dám trò chuyện nữa, chỉ cắm cúi ăn. Chương vừa ăn vừa nhìn trộm cô gái. Nàng cũng tủm tỉm cười lại, lâu lâu còn liếc chàng thật bén. Lòng Chương như lửa đốt.

★

Lửa không chỉ đốt trong lòng chàng, mà còn cháy phừng lên ở

những đống củi mà hai quan trong và quan đám đã gầy lên quanh sân chùa làm nơi thí hát. Vừa dợm khuya, hai đàng quan họ đã rủ nhau lên sân chùa hội thí. Chương cũng đi theo các bạn, nhưng mắt chàng thì cứ nhìn mải mê màu lửa vàng đang bôi loang loáng trên tóc Thắm. Chàng không nghe cả tiếng củi cháy, đang nổ từng bắp khô ran đều đặn. Chương chỉ nghe được tiếng lòng chàng đập theo mỗi bước chân con con của Thắm xê dịch qua lại trong sân. Gió khuya từ bến sông Tiêu tương hất lên rạt rào mùi chè tươi, cả mùi nhựa gỗ lim nhờ nhợ loãng trong không khí. Xa xa ngoài sau chùa, nơi bãi đấu vật ban chiều, những đàn đom đóm bay lăng quăng, lập lòe trông thích mắt.

Đến khi mọi người đông đủ, cụ chủ khảo mới ra giữa sân, bầy hai hàng chén sứ đều nhau. Một cụ ông lễ mễ bưng hai gói trà với vuông nhiễu điều cùng hai quan tiền ra đặt lên mâm làm giải thưởng. Lúc đâu đã ra đó rồi, cụ chánh chủ khảo mới lên tiếng thưa rằng:

– Hội Lim ngày lành, thí tài, cầu phúc. Anh chị em hai họ đã có lòng đến dự. Hội chúng tôi treo giải hai gói trà, một vuông nhiễu điều và hai quan tiền đồng. Tuy là giải mọn nhưng tình sâu. Mong hai họ vãng lai, trai thi mạnh, gái khoe tài, để giật giải. Song hội chúng tôi chỉ treo giải quan họ, còn bốn giọng Tuồng, Chèo, Sẩm, Lý thì cấm, và mỗi giọng Tiền, Hậu, Bắt, Bỉ cũng xin chỉ lấy giọng quan họ. Hai đàng phải hát năm câu Lề, Lối trước để mở đám. Hạn cho đàng nào thắng nhiều câu thì được, bằng chừng không ai thắng cả, thì hội đành giữ lại giải gọi là Giải Cạn...

Cụ chủ khảo đọc xong thể lệ hát thí, thì lui ra, nhường chỗ cho hai đường quan họ lên xếp hàng đứng đối mặt nhau. Ánh trăng khuya chênh chếch, gieo thúng trăng vàng lóng lánh xuống thân mình Thắm, lúc nàng theo các bạn gái xúm xít tụ tập đợi bên họ trai cất giọng mời. Phát đứng cạnh Chương, lấy nan quạt đánh khẽ lên vai chàng:

– Cậu gắng nhé!

Sở dĩ Phát phải khích lệ Chương vì chàng hát còn yếu. Chương vốn nhút nhát, nên gặp những câu hát trữ tình trêu ghẹo, chàng ứng đối ít khi trôi chảy. Bô lão hai họ và những người đi xem hội giấc tối đã tề

tựu đông kín sân chùa. Cụ chánh chủ khảo đánh một tiếng chiêng làm hiệu khai đám. Song bên họ trai hãy còn dùng dằng chưa chọn được giọng chuẩn để theo. Người muốn mở đám bằng giọng Ả Hời, kẻ đòi giọng Sổng, anh cả đường quan họ Chương thì lại thích giọng Hừ La vì anh cho rằng đứng đắn. Đợi lâu quá, bên họ gái có vẻ nôn nóng. Chị cả đường quan họ gái bèn bước ra khỏi hàng, vòng tay thưa:

– Xin các anh ca lên một canh để chúng em được tiếp!

Biết không thể để các liền chị đợi được nữa, anh cả bên họ Chương đành bước ra, hắng giọng Hừ La để mở đầu năm câu Lề Lối:

– Này quan họ chị:

Hừ là vui vẻ thế này
Hội nào bằng hội xe dây giăng già.

– Này quan họ anh:

Hừ là vui vẻ thế này
Vui tầy đám hội đốt cây nhang trầm

Tức thì người chị cả đối lại ngay, như thế có nghĩa là bên họ gái đã nhận lời mời hát đám. Sau năm câu Lề Lối, thì các chị cất giọng trước cho các liền anh đệm theo. Chàng vừa nhịp chân, đánh quạt, vừa theo dõi vẻ mặt Thắm, mỗi khi nàng hát "Ố tang tình tang, tình tang ố tình" thì đôi mày Thắm hơi cau lại làm như nàng giận ai. Hoặc lúc Thắm chuyển giọng kim đệm "Tính tình kim" thì môi nàng lại chúm lại như sắp hôn ai. Hai vai Thắm múa mới thật dẻo, vươn lên thả xuống cho giải lụa đào lục bay theo gió, khi dật dờ ngả rũ dưới chân. Lâu lâu tia mắt của hai người lại chạm nhau làm Chương bồi hồi để lỡ mất một nhịp ca, Phát cứ phải nhắc chừng chàng. Mà Phát dạn lắm, đến lượt mình, người bạn của Chương buông ngay một câu lẳng lơ chòng ghẹo:

Cổ tay đã trắng lại tròn
Để cho ai gối đã mòn một bên?

Nhưng cô gái mặc váy lưới trai, thắt lưng hoa lý, đeo xà tích bạc hát đối với Phát cũng không vừa. Cô vừa nắm giải yếm, vừa chỉ trăng vừa hát đối:

Đôi ta như cúc với khuy
Như kim với chỉ may đi cho liền
Cổ tay tôi trắng mà tròn
Cho chàng gối đỡ, chàng còn trách chi?

Cô gái đối hay quá, khiến người xem vỗ tay đôm đốp tán thưởng. Lúc hát chữ "trách chi" cô nàng dậm mạnh chân còn trỏ vào mặt Phát, làm bạn chàng vừa giận vừa ngượng. Theo tục, đáng nhẽ mỗi cặp chỉ hát một câu, nhưng Phát đang giận nên làm già:

Những là lên núi, xuống nghè
Để tôi đánh trúc, đánh tre về trồng
Tưởng rằng nên đạo vợ chồng
Ai ngờ nói thế, mà không có gì!!

Phát cũng đập mạnh quạt vào lòng bàn tay ra chiều thách thức. Đêm khuya, trời gió thổi rung rung hai chéo váy của cô gái. Hai họ nín thở đợi cô nàng đối đáp. Cứ sau mỗi câu hát lại có một hồi chiêng trống. Đợi đúng ba tiếng trống cô gái mới trả lời:

Trót lời hẹn với nước non
Kịp xe bối chỉ cho tròn bối tơ
Quay tơ phải giữ bối tơ
Quay dăm ba bối đợi chờ bấy lâu
Bây giờ chàng lấy người ta
Như dao cắt ruột em ra làm mười!

Lại có tiếng vỗ tay reo hò. Chương bắt gặp Thắm đang nhìn mình cười tủm tỉm. Nụ cười đưa cả trăng sao vào lòng chàng. Chương chữa vội khăn nhiễu chàng chít trên đầu theo hình chữ nhất cho ngay ngắn, để sửa soạn đến lượt mình ra hát đối với Thắm. Vừa rồi Phát không đối lại được câu trả lời của cô gái, nên bên đường quan họ trai bị thua một điểm. Cụ chủ khảo đập vỡ một chén sứ của đàng trai để ghi điểm thắng cho họ gái. Chương đợi dứt tiếng chiêng rồi chàng mới bước ra. Thắm cũng đã đứng đối mặt Chương, hai người nhìn nhau đồng lõa. Chương hát một câu trữ tình để dò lòng Thắm:

Bây giờ tôi mới gặp mình
Khác gì Kim Trọng thanh minh gặp Kiều
Tiện đây tôi hỏi một điều
Đài gương soi đến dấu bèo cho nhau

– Thưa rằng:

Từ khi ăn một miếng trầu
Miệng ăn, môi đỏ, dạ sầu tương tư
Vì người em phải viết thư
Mượn con chim nhạn đưa thư cho người
Thư rằng em chửa có ai
Trên nghiên dưới mực, giữa cài chữ sen...
Nếu mình có thật yêu tôi; thì:
Yêu nhau cởi áo (ới à) cho nhau
Về nhà (dối rằng cha) dối mẹ
(ớ ơ này a ối a) qua cầu (tình tình tình) gió bay...

Thắm không đợi Chương hỏi tiếp, mà tự nàng đổi giọng Tình Tang. Thắm vừa múa vừa xoay tròn nón quai thao, vạt áo tứ thân phấp phới bay lượn nhịp nhàng làm cả sân mọi người đều say mê ngắm. Bên quan họ trai thấy Thắm hát hay quá, cũng hát đệm theo những câu "Ô giàng giang, ô giáng giang" làm đám hát thật sinh động...

*

– Anh Chương!

Hai người xuống đến bến sông thì Thắm gọi vội tên chàng. Hội Lim vui bao nhiêu, khi tàn lại buồn bấy nhiêu. Hai đường quan họ nam nữ tiễn nhau ra đến tận bãi thuyền đang đậu xâm xấp mặt nước. Hai bên bịn rịn chẳng rời, cứ đi một bước lại hát một câu thề. Thề rằng:

Chén muối đĩa gừng
Gừng cay muối mặn
Xin đừng quên nhau

Chương với Thắm cũng hát với nhau bài giã bạn cuối:

Bây giờ chia rẽ đôi nơi,
Kẻ về người ở, như khơi mạch sầu
Ruột tằm chín khúc quặn đau
Lòng này có tỏ cho nhau hỡi lòng?
Bước đi một bước, một ngừng
Đường về quan họ xem chừng còn xa...

Mặt nước sông Tiêu tương xanh lấp lánh. Trời mây ngan ngát. Mùi gỗ lim từ trên đồi đưa xuống. Xác pháo hồng cuối hội tả tơi. Trên bến bao người đứng, kẻ xuống thuyền. Từng chiếc, rồi lại từng chiếc tách bến rời xa dần. Chương hát xong bài giã bạn thì xúc động lắm, chàng xiết khẽ tay người con gái mắt cũng đã đỏ hoe.

– Thắm về rồi tôi sẽ buồn lắm.

– Anh sẽ nhớ những gì cùng hát với Thắm, anh Chương nhé.

– Tôi sẽ nhớ Thắm mãi.

– Thắm cũng không quên anh.

Chương với Thắm bồi hồi đứng bên nhau, mãi Thắm mới lặng lẽ rút tay về, lấy trong giỏ trao cho Chương một cái cơi trầu.

– Thắm tặng anh cái cơi trầu này để anh về mời trầu thầy mẹ.

– Thắm!

Chương giữ vội tay Thắm không cho rút về nữa. Chàng dúi vào tay nàng thanh quạt mình vẫn thường dùng. Thắm bẽn lẽn cúi nhìn xuống chân. Mặt nước sông mấp mé như muốn cuốn lấy hai người. Mãi Chương mới ấp úng nói được điều chàng ôm ấp mấy ngày qua.

– Thắm về thưa với đẻ định ngày tháng tốt, cho tôi được mời thầy mẹ tôi qua. Thắm thuận nhé? Thắm nhé!

– Thắm đợi anh.

Thắm trả lời Chương thật nhỏ. Nàng không ngừng vân vê sợi vải buộc nón quai thao. Chương muốn được nắm tay Thắm lâu hơn nữa, nhưng chị cả bên đường quan họ gái đã giục Thắm và những người khác xuống thuyền. Chàng đành đứng nhìn Thắm bước xuống cầu phao.

– Anh Chương đừng quên lời thề khi hôm với Thắm!

Vẻ mặt Thắm buồn lịm hốt hoảng lúc nàng xuống thuyền. Mặt nước sông chao nghiêng, tung bắn lên tận chỗ Chương đứng. Nước sông không chỉ làm ướt vải quần ống xớ Chương đang vận, mà còn làm ướt cả nỗi lòng chàng. Thắm ngồi giữa hai chị quan họ bạn. Thuyền tách bến từ từ, chợt gió nổi thổi bay chiếc nón quai thao Thắm đội trên đầu. Chương chạy vội dọc theo bến sông mong với được chiếc nón. Nhưng dòng nước cứ đưa cái nón xa dần rồi chìm mất hút. Chiếc thuyền của Thắm đã xa bờ, Chương chỉ còn trông thấy được thấp thoáng bóng người yêu, để đầu trần ngồi giữa khoang. Mặt sông lớn rộng ra mãi. Trời mây bát ngát một lúc một chan hòa. Đứng ở đồi Lim trông ra như một bức thủy mặc. Chiếc thuyền của Thắm tan vào bức thủy mặc ấy. Chương đứng nhìn theo mối tình của chàng cứ xa dần, xa dần đến khi mất hút. Các đường quan họ trai, bạn của chàng cũng còn đứng lác đác buồn rã rượi ở bến sông. Một năm có một tháng hội, và mười một tháng nhớ người ở xa. Phát cũng đứng bên cạnh Chương ủ rũ. Anh cũng phải lòng cô gái hát đôi mặc váy lưới trai khi đêm. Mãi lâu lắm Phát mới gọi được Chương trở lên am chùa thu vén hành lý để cùng về. Chương lặng lẽ theo bạn trở lên đồi. Bước vào chánh điện chàng trông thấy sư ông đang ngồi kiết già trước tượng bồ tát. Một chú tiểu đang đánh trống chùa ngoài trái hiên sau. Tiếng trống lùng thùng mang gió vọng vẳng khắp sau đồi.

PHÓ NGỌC VĂN

khói sóng

*

con sông thở khi mặt trời vừa khuất
lòng tịnh nhiên như một cụm mây trôi
nghe rất động từ âm cùng thủy tận
tim tự chuông vang vọng vút lên trời

THANH TÂM TUYỀN

trú mưa trên phố hòa hưng

*

Đột nhiên rào trận thiết tha
Lạc trên phố bạn nhớ nhà thân quen
Trú chân hiên dột ướt mèn
Cửa sau lưng đóng nhá nhem mưa dầm
Mưa như xưa xối âm thầm
Réo um gió bạt nhà câm bóng hình
Cố tri trời đội vong tình
Âm u sấm lảng nhạt đềnh chớp khuya
Đạp xe lận lội đường về
Lênh đênh cây tối bộn bề gió lay

vượt biên

*

Cúi trông cố lý mây vô xứ
Ngẩu trắng u mông táp mạn thuyền
Ngút ngọn triều dâng vách sụt lở
Bọt xóa thiên thanh dấp sóng quên

TRIỀU HOA ĐẠI

mây bay tình cũ

*

Rằng xưa
em nhỏ ra chào
ta nghe sông nước thì thào gọi nhau
ngủ ngoan ơi giấc mộng đầu
thương người áo cũ canh thâu đỉnh nguồn
ngắt bông hoa tím trong hồn
thả theo dòng nước
bốn cơn khóc ròng
trưa về cá t vã i châ n son
bóng diều hâu khoác cánh tròn lên khơi
nhớ ai hoa cỏ ngậm ngùi
căn nhà tình cũ nổi lời than van
ngày xưa:
hoa nụng hoàng lan
nay mùa hoa trẩy trên ngàn về kinh
thoảng nghe như tiếng hát mình
xót khoang thuyền sậm
buộc tình héo hon
núi xa
núi vẫn chon von
mây bay, tình cũ chẳng còn nhớ nhau

TRẦN MỘNG TÚ

vàng thu

*

Tôi đứng giữa rừng nhìn thu sang
Chợt rụng trong tôi chiếc lá sầu
Vàng thu lá rụng ngang lòng suối
Hai lá có cùng một nỗi đau

soi gương

*

Then đời, bỗng khóa cửa xuân
Soi gương, bỗng một vết nhăn, cuối mày
Tóc mây, bỗng nhẹ trong tay
Cô đơn, một sợi trắng dài, bỗng đau

suối và lệ

*

Anh bảo em em khóc hân hoan như suối
Để lệ như tình chẩy xuôi một dòng
Nhưng em đã khóc không bằng lệ
Em khóc khô, nên lệ đọng giữa lòng

phụ bản THÁI TUẤN

MAI HÀ

bông giấy

*

Phiền cây bông giấy trước nhà
Hoa không thắm đỏ cho lòng ta vui
Mai sau em cũng ngậm ngùi
Tiếc cây bông giấy không mùi hương bay

nụ cười

*

Ngồi đây nhớ mãi nụ cười
Mai sau ta hỏi cuộc đời ta đâu
Nhìn ra những hạt mưa Ngâu
Hồn ta đã hóa giọt sầu Ngưu Lang

đưa võng

*

Mai về nhớ giấc ngủ trưa
Tiếng em đưa võng. Tiếng mưa bên thềm
Trời nghiêng đổ giọt muộn phiền
Ta nghiêng đổ những nỗi niềm trong tâm

phố cũ

*

Bước theo con phố lặng câm
Em xưa. Lối cũ. Tím bầm ruột gan
Theo em một thuở gian nan
Nay em thiếu phụ. Tiếng khàn ru con

HÀN SONG TƯỜNG

hạ thảo

*

Em hồi sinh trở lại
Quên một lần chết đi
tập từng hơi thở muộn
Quanh nấm mồ vô tri

Em hồi sinh trở lại
Ngàn ngàn ngày hư vô
niềm tịch liêu mù tối
hóa thân buổi dậy thì

Em hồi sinh trở lại
yêu anh trong một ngày
Từng cơn mưa hối hả
rơi xuống mộ hao gầy

Em hồi sinh trở lại
Đêm đầu tiên lạ thường
trăng soi trên mái tóc
gió ủ như phấn hương

Em hồi sinh trở lại
tiếng thủy triều vỡ tan
Cỏ trên mồ đã mọc
mất hút dấu điêu tàn

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

quên lá cho hoa

*

Mời chi tôi chuyến xe đời nhịp lại
Lăn về đâu sao vọng mãi âm buồn
Của con đường riêng một lần đày ải
Tiếng mưa chìm còn đọng cả lời buông

Hãy đi qua đừng làm tôi luống cuống
Lên xe chi? Chẳng đến được nơi mô
Không biết nơi mô hồn thôi chùng xuống
Bến bờ nào thôi vỗ tiếng nấc khô

Ngày ở đây với nhiều hôm gió trở
Chim xa bầy làm lạnh cả đường mây
Phên cách quê người che đời lỡ dở
Nhớ môi quê nhà làm ấm cỏ cây

Có cách nào giữ hoài bàn tay vẫy
Ôi cuộc tình là những chuyến mưa qua
Ôi trong kưa đồng vọng chiếc hôn đầy
Sao xe về quên chở lá cho hoa

NGU YÊN

những sợi tình cho nhau

*

Xin em giữ giùm anh vài sợi
Ngày quen nhau bay xõa lộng gió trời
Dù cắt ngắn cho vừa ngày hôn lễ
Xin giữ thầm trên gáy tóc lả lơi

Xin em giữ giùm anh vài sợi
Thời yêu đương đã quấn quít hình hài
Xin em giữ cho giấc mơ hiu quạnh
Dù bình thường kỷ niệm đã phôi phai

Xin em giữ giùm anh vài sợi
Hôm giã từ đã lóng lánh chia ly
Dù gặp lại có lạnh lùng lơ đễnh
Xin giữ hờ lưu luyến cuối đường mi

Anh vẫn giữ trong tâm tư vài sợi
Những sợi dài sợi ngắn thuở yêu nhau
Nhiều khi nhớ mở ra tìm hương sắc
Nhẹ nhàng vui xa vắng gợi thú sầu

ĐỊNH NGUYÊN

môi điêu

*

Cha lành nhãn ngọt Hưng yên
Chanh chua mẹ gái làng Lim đa tình
Đẻ ra em thật là xinh
Môi điêu của mẹ, giọng lành của cha
Môi điêu em để ăn quà
Giọng lành em hát tình ca cho người
Anh như con nhện giữa trời
Giăng tơ rán bắt nụ cười tiểu thư
Ai ngờ bắt phải tương tư
Nhớ nhung ngại đắng, hững hờ sợ cay
Em như chùm nhãn trên cây
Lồng kia nỡ cửa tay này cho cam
Dù cha mẹ thách trăm quan
Sông Ngô anh quyết mò vàng ca dao
Lẽ nào tát cạn chiêm bao
Không tìm ra giải yếm đào em quên
Cầm bằng leo nhánh nhân duyên
Trăm cuồng chẳng khóc, nghìn điên cũng cười
Môi điêu em lở điêu rồi
Giọng lành em có đôi lời cho nhau?
Ghét, yêu như một quả cau
Bổ ra làm bẩy, ghép vào còn ba
Lựa lời gian dối mẹ cha:
"Của kia thơ thẩn cũng là nho sinh
Cho rằng tốn vải dài lưng
Gầu giai chẳng được, gầu sòng cũng quen..."
Ví dầu mẹ mắng, cha khinh
Trong dâu còn chỗ chúng mình yêu nhau

ISAAC BASHEVIS SINGER
NGUYỄN THỊ KHOA PHƯƠNG dịch

nàng phù thủy

*

Lời tòa soạn: *Isaac Bashevis Singer, nhà văn Mỹ gốc Do thái, được trao tặng giải Nobel về văn chương năm 1979. Ông có tài viết văn dưới hình thức kể chuyện, được Hàn lâm viện Thụy điển ca ngợi là nhà văn viết theo lối kể chuyện tài tình, văn phong tuyệt hảo.*

Ông viết về dân tộc Do thái sống lưu vong, vất vưởng trong những ghetto đông đúc, chật chội ở Âu châu, Mỹ châu. Truyện của ông có thể là truyện hoang tưởng, những điều siêu nhiên và cũng có thể là truyện rất thực ngay trước mắt mọi người. Trong lúc dựng truyện, ông đưa ra ba điều cấm kỵ đối với một nhà văn như sau:

1. *Đừng nên nghĩ mình phải là một nhà chính trị hay một nhà xã hội, hãy tự điều chỉnh mình để trở thành cái được gọi là biện chứng xã hội.*

2. *Đừng tham lam tiền tài và danh vọng.*

3. *Đừng giả trá trong việc sáng tạo, có nghĩa là, đừng dùng những điều hoa mỹ thái quá, đừng làm dáng trong văn phong, và đừng dùng các biểu tượng nông cạn để diễn tả những liên hệ căn bản và không ngừng biến đổi giữa con người và con người.*

Về truyện ngắn, ông cho truyện ngắn là thể loại khó viết nhất. Khác với tiểu thuyết có thể dông dài, theo ông, truyện ngắn phải nhắm thẳng vào cao điểm của cốt truyện. Nó phải có sự căng thẳng và sự căng thẳng này không được đứt quãng. Thêm nữa, sự cô đọng cũng là yếu tố quan trọng. Một truyện ngắn phải có chủ điểm nhất định, không nên lan man quá xa.

Qua truyện ngắn "Nàng Phù Thủy" (The Witch) do Nguyễn thị Khoa Phương chuyển ngữ dưới đây, Văn Học xin hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc văn chương của Isaac Bashevis Singer.

●

(1)

Mark Meitels vừa suy nghĩ vừa lẩm bẩm: "Sống trong một môi trường văn hóa hoàn toàn phục vụ cho sự vị kỷ thì làm sao có thể gọi một người là ích kỷ được?" Nhưng lòng thương yêu chính bản thân mình của Lena thì thật quá quắt. Ngay cả mẹ nàng cũng nhận ra điều đó. Bạn bè của Mark đều cho rằng Lena chỉ có thể yêu mỗi mình nàng thôi. Một bác sĩ cũng gán cho nàng cái bệnh ngã ái quá độ.

Lena vừa ăn sáng xong. Người hầu gái tên Stasia cũng vừa xếp dọn xong phòng ngủ. Lena nằm dài trên chiếc trường kỷ ở phòng khách – nàng là người đàn bà có mái tóc đen búi cao, mắt đen thẫm, lưỡng quyền cao. Mặc dầu nàng đã ba mươi bảy tuổi, trông nàng vẫn giống cô thiếu nữ như khi Mark mới gặp nàng.

Lena không chịu có con. Nàng thường bảo Mark rằng nàng không muốn sinh đẻ để tạo thêm một nhãi con lang thang trong thế giới này. Nàng chẳng bao giờ có ý định làm việc để giúp thêm Mark Meitels. Khi ân ái, nàng liên tục nhắc nhở chàng đừng làm rối tóc nàng hay dừng làm nhăn, rách chiếc áo ngủ bằng lụa của nàng. Chàng hôn đôi môi nhỏ nhắn của nàng nhưng hiếm khi nàng hôn trả.

Lena đang mặc áo kimono hoa hòe và mang hài gắn gù bông giống người Nhật. Cái gù ở nàng cũng nhỏ nhắn, êm ái và mong manh. Nhìn nàng, Mark cứ liên tưởng đến những con búp bê bằng sứ chưng ở các tiệm đồ cổ.

"Anh đi nhé, Lena".

"Ủa? Ừ, anh đi đi".

Chàng cúi xuống hôn trán nàng. Mới sáng sớm mà nàng đã đánh môi son đỏ chói. Móng tay nàng dài, nhọn, được dũa gọt kỹ càng. Nàng vừa ăn sáng xong đúng theo lời dặn của bác sĩ: một quả trứng, một lát bánh mì và một ly cà phê đen. Ngày nào nàng cũng cân, chỉ lên

cân một tí thôi nàng cũng lập tức kiếm cách để sút cân trở lại. Mỗi ngày nàng hết đọc tạp chí thời trang lại đến các tiệm may hay người làm nón, hay tới người làm tóc Stanislaw; thế cũng hết ngày. Đôi khi nàng tản bộ dọc theo đường Marshlkowska để ngắm nghía những mặt hàng bày trong các cửa tiệm. Nàng hay lùng kiếm những đồ giá rẻ và mua đủ loại vớ vẩn mà Mark không tài nào hiểu nổi tại sao – như chiếc hộp con bằng ngà phát ra bài hát "Chào Buổi Sáng" và vô số chuỗi ngọc giả đủ hình dạng và màu sắc, những đôi bông tai, những vòng đeo tay kỳ cục, những sợi dây chuyền chỉ có thể đeo được ở những buổi tiệc hóa trang.

Mark đã nhận ra từ lâu rằng Lena vẫn là một đứa bé, nhưng là đứa bé không mang lại niềm vui mà con trẻ thường mang tới. Nàng là đứa bé hay giận dỗi, được nuông chiều quá độ, sẵn sàng trề môi mím miệng nếu có gì ngăn cản ý muốn bất thường của nó. Mark tự cằn nhằn mình hàng trăm lần "Một lỗi lầm, một lỗi lầm ghê gớm". Nhưng ly dị con người nàng cũng không được: cô nàng sẽ ngã bệnh, mẹ cô nàng sẽ làm ầm lên. Dầu sao chàng cũng đã quen với tính khí bất thường của nàng.

Chỗ ở của họ luôn luôn bóng nhoáng. Stasia sợ Lena lắm và nó làm mọi thứ để chiều bà chủ. Sàn nhà luôn luôn bóng nhoáng, đồ đạc bàn ghế lớn nhỏ đều được lau chùi và đánh bóng hằng ngày. Cũng may, Stasia vừa khỏe mạnh vừa ngoan ngoãn. Con bé làm lụng từ sáu giờ rưỡi sáng đến tối mịt, hai tuần mới xin nghỉ vài giờ ngày chúa nhựt để đi nhà thờ hoặc hẹn hò bồ bịch.

Mark chưa tới bốn mươi tuổi, người khá cao. Chàng dạy Toán Lý cho một trường nữ trung học. Chàng phải viết thêm sách giáo khoa mới kiếm đủ sống. Sách chàng được dùng giảng dạy ở các trường tại Ba lan và được những tờ báo trong ngành giáo dục ca ngợi. Mark đã từng là một sĩ quan của lữ đoàn Pilsudski và được gắn huy chương anh dũng trong cuộc chiến tranh Ba lan – Bolshevik năm 1920. Mark thuộc mẫu người hiếm hoi, làm gì cũng phải tới nơi tới chốn. Chàng biết nhiều thứ tiếng, chơi dương cầm, cưỡi ngựa, và là một trong những thầy giáo giỏi nổi tiếng của Warsaw. Nữ sinh chàng dạy mê chàng như

điếu đổ, nhưng chàng luôn tránh né, sợ tai tiếng. Chàng ít nói nhưng mỗi khi nói chàng đều đi thẳng vào vấn đề. Chàng lịch sự, hòa nhã với đồng nghiệp và học sinh. Ai cũng biết rõ Lena không mang lại cho chàng sự thỏa mãn về tinh thần lẫn thể chất. Trong một lúc buồn nản, Mark đã tâm sự điều này với một người bạn thiết và chẳng bao lâu cái "điều bí mật" đó thành "điều phổ biến!" Chàng giải tỏa năng lực ứ đọng của mình bằng cách đi bách bộ dọc những con đường dài. Mùa hè chàng đi bơi ở Vistula. Trước khi đi ngủ chàng tập tạ, ngâm mình vào nước lạnh và thoa bóp. Việc này làm Lena gây gổ với chàng, nàng than phiền chàng làm ướt sàn nhà tắm, làm bê bối phòng đọc sách.

Lena không chỉ khác với Mark, nàng còn đối nghịch với chàng nữa. Nếu chàng khen một cuốn sách, Lena lập tức tìm cách chỉ trích nó. Nếu chàng ưa một vở kịch, nàng buộc chàng phải rời rạp hát trước khi màn hai bắt đầu. Lena ghét toán, lý và bất cứ cái gì liên quan đến khoa học. Nàng đọc tiểu thuyết của Dekobra và Marguerita. Nàng thích những vở kịch ái tình ủy mị, bi thiết. Nàng hát những bản nhạc dạo của phim nhạc Qui Pro Quo với giọng hát nhỏ nhẹ; yếu ớt. Nàng bắt Stasia nấu những món ăn mà Mark chẳng tài nào ngửi nổi – món súp đựng trong những chén nhỏ xíu để nhấm nháp, món bánh tẩm kem ướt nhẹp và ca cao ngọt quá đỗi. Sau khi ăn tối, Mark thường vẫn thấy đói. Trên đường đi bách bộ mỗi buổi chiều băng qua cầu Praga đến Pelcowizna hay qua Mokotów trên đường đến Wilanów, chàng phải mua thêm một ổ bánh mì lúa mạch hay một bao táo để ăn thêm.

Bệnh ngã ái của Lena được thấy rõ nhất là khi ở phòng ngủ. Nàng cấm chàng đến gần nàng vào những ngày trước và sau kỳ kinh nguyệt của nàng. Nàng không thích nói chuyện trên giường và bịt miệng chàng lại khi chàng nói điều gì nàng cho là thiếu thẩm mỹ. Trước khi đi ngủ, nàng ngồi cả giờ trước gương chải thử nhiều kiểu tóc, hết kiểu này đến kiểu khác, rồi xức dầu, thoa bóp, rồi xịt nước hoa... Nàng luôn nói rằng giao hợp là bẩn thỉu và thô bạo, nàng thúc chàng làm nhanh đi cho xong hoặc than phiền là chàng làm nàng đau. Nếu điều người ta nói hôn nhân là duyên trời định đúng thì có lẽ trời đã kết hợp họ một cách sai lầm hay đã đùa dai với họ.

(2)

Mark thường thu xếp để ra khỏi nhà sớm, đủ thì giờ để đi bộ tới trường. Chàng không thích thấy xe điện trên đường chạy chen chúc và chàng muốn đi bộ cho giãn gân cốt trước khi bắt đầu buổi dạy.

Điều lạ lùng là chàng sinh ra và lớn lên ở Warsaw, nhưng thành phố lại có vẻ xa lạ với chàng; chàng ít có mối liên hệ với Ba lan. Luôn luôn có một hố thẳm ngăn cách hai dân tộc Ba lan và Do thái, mặc dầu người Do thái đã sống trên đất nước Ba lan này có cả tám trăm năm! Thời gian không lấp được hố ngăn cách. Tuy nhiên, với Mark, cả người Do thái lẫn người Ba lan chàng thấy đều xa cách. Đối với người Do thái, không những chỉ những người sùng đạo với chiếc áo thụng và cái mũ trên chóp đầu mà cả những người Do thái tân thời thảy đều xa cách đối với chàng. Cha chàng, một người Do thái bị đồng hóa, một kiến trúc sư, một người cấp tiến và là người vô thần, đã không dạy cho chàng, đứa con trai duy nhất của ông, một tí gì về tôn giáo. Từ nhỏ, Mark đã nghe đầy tai những lời móc họng cha chàng nói về đạo thần bí Hasidim của Do thái giáo và về những vị giáo chủ thối nát, ngông cuồng. Thật ra, chàng chưa bao giờ biết họ theo đuổi điều gì.

Sau Thế chiến Thứ nhất, chủ thuyết quốc gia Do thái phát triển. Đạo luật Balfour được công bố và nhiều người Do thái Chalutzim đi đường thủy trở về Palestine. Ở trường chàng dạy, chương trình học được mở rộng để thêm nhiều môn học về người Do thái chính thống Hebrew, nhưng chàng chưa bao giờ bị lôi cuốn vào Do thái giáo hay xứ Palestine, một vùng đất thưa dân ở Tiểu Á. Chàng càng có ác cảm hơn đối với nhóm Cộng sản Do thái và những hoạt động của họ.

Nếu Mark theo đạo Do thái, cha chàng sẽ không phản đối gì, nhưng chàng không thích Giê su. Những người Do thái đồng hóa ở Warsaw tự cho họ là người Ba lan của niềm tin Môi se. Mark không tin vào cái gì cả ngoại trừ những sự kiện dựa trên căn bản khoa học.

Nhiều bạn cũ của chàng trong lữ đoàn đã được thăng cấp và được giao nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền sau cuộc nổi loạn của Pilsudski vào năm 1926. Mark Meitels đã trở thành xa lạ với họ và

chàng không đến dự những buổi gặp gỡ. Ở đó có quá nhiều phô trương cung kiếm và nhiều người trong bọn quay ra chống đối nhóm Do thái. Báo chí, ngay cả tờ bán chính thức Gazeta Polska cũng châm chọc thiểu số Do thái. Ở Đức, đảng Đức Quốc Xã càng lúc càng có thêm người ủng hộ. Ở Liên sô, chính phủ bỏ tù những người theo Trotsky và đưa hàng triệu nông dân, gọi là Kulaks, đi Tây bá lợi á.

*

Markark Meitels có cảm tưởng chàng là người lạ khi đi bộ dọc trên đường Marshlkowska, nhưng thật sự có nơi nào chàng cảm thấy là quê hương chàng đâu?

Băng qua công trường Grzybow ngày nào chàng cũng gặp chuyện bực mình. Ngay giữa một thủ đô Âu châu, người Do thái thành lập một khu vực riêng của họ. Những người đàn bà mang đầu tóc giả đội mũ có dây, bán trái cây hư, đậu hột, đậu trái, bánh khoai, đậy dưới những miếng giẻ rách. Họ rao hàng giọng rầu rĩ ngọng nghịu. Những người đàn ông râu đen, đỏ, vai khom xuống và những đôi giày cao ống nặng nề, lún sâu vào những chuyện buôn gian bán lận. Những đám tang đi ngang qua rất thường xuyên – một cỗ xe tang đen bóng, con ngựa phủ bằng vải đen chỉ chừa hai lỗ nhỏ cho hai mắt, người than khóc kêu gào nhức nhối. Mark Meitels nhủ thầm: ngay cả ở Baghdad người ta cũng chưa thấy những chuyện động trời như thế.

Giữa cảnh tượng hỗn độn đó lại có những vụ rượt đuổi nhau. Những thanh niên áo quần rách rưới, mũ vải phủ xuống che cả mặt, đánh cắp ở đâu ra chiếc cờ đỏ hét toáng lên: "Liên bang Sô viết muôn năm! Đả đảo Phát xít! Chính quyền phải về tay công nhân và nông dân!..." Chúng bị cảnh sát mang súng và dùi cui rượt đuổi.

Ngay cả trường nữ trung học chàng dạy cũng không còn như trước nữa. Những thầy giáo cũ hoặc đã hồi hưu hoặc đã bị sa thải. Nhiều người đã chết. Thầy giáo mới hầu hết là những người theo quốc gia chủ nghĩa Do thái. Dạy lũ con gái toán Logarit và lượng giác thật không đi đến đâu cả: chúng đâu có để tâm vào toán học, chúng cũng chẳng thấy toán học có ích lợi gì. Tất cả chỉ mong mỏi có một điều –

có mảnh bằng để lấy được tấm chồng tốt và sinh con đẻ cái. Hầu hết lũ con gái đã nẩy nở chín mùi đầy khêu gợi, chân tay chúng thể hiện khát vọng giao hợp và sinh sôi nẩy nở.

Đặc biệt có một cô gái mà Mark cảm thấy những cố gắng của chàng thật sự là con số không. Cô tự gọi mình là Bella mặc dầu trên giấy khai sinh cô tên là Beile Tzypa Zylbernsteln. Mark dạy từ lớp năm trở lên nên chàng có cơ hội biết rõ học sinh mình. Bella sinh ra trong một gia đình nghèo. Cha cô là nhân viên chạy việc cho một tiệm bán dầu và xà phòng ở đường Gnoyna. Ngoài Bella ra ông ta còn cả nửa tá con nữa ở nhà. Nhà trường đã giảm học phí của Bella đến mức tối đa mà cha cô vẫn không trả nổi mấy đồng *zlotys* học phí của cô. Ước gì cô có khả năng một chút! Cô luôn luôn đội sổ. Cô đã lên đến lớp tám nhưng Mark biết rằng ngay cả những nguyên tắc căn bản nhất của môn số học cô cũng chưa nắm vững. Thật ra môn nào cô cũng kém. Ở lớp sáu và lớp bảy, lớp nào cô cũng học lại lớp và ai cũng thấy rõ là cô sẽ không bao giờ tốt nghiệp được.

Ông hiệu trưởng đã cho gọi bố mẹ Bella vào nói chuyện và khuyên họ nên kiếm một trường huấn nghệ cho con bé học, nhưng họ nhất định rằng cô con gái lớn của họ sẽ có bằng tú tài, sẽ vào đại học và trở thành một bác sĩ hay ít ra là một nha sĩ.

Ngoài chuyện học dốt, Bella còn xấu tệ – một cô gái quê mùa nhất trường. Cái đầu cô quá lớn so với thân thể, lông mày mọc thấp và như lún sâu vào, còn cặp mắt thì đen và lồi ra – cặp mắt bò – mũi thì cong quặp, ngực lớn, mông rộng, chân vòng kiềng. Mẹ cô lo cho con ăn mặc được trang nghiêm nhưng bất cứ cái gì Bella mặc vào trông đều buồn cười. Các nữ sinh khác gọi cô là Con Quái.

Mark nhận rằng việc lập đi lập lại, giải thích các nguyên tắc toán học cho Bella là bổn phận của chàng. Chàng bắt đầu bằng định lý: mười đồng xu *groschen* cộng với mười *groschen* nữa thành hai mươi *groschen*. Nếu đem những con số bằng nhau cộng với mười xu *groschen* thì sẽ có những con số bằng nhau, hoặc đem nhiều con số bằng nhau, mỗi số trừ đi mười xu thì cũng sẽ có những con số bằng

nhau... Nhưng mặc dầu những định lý có rõ ràng mấy đi nữa Bella cũng chẳng thể nào nuốt trôi được. Cô há mồm, mở đôi môi dày để lộ ra cái miệng đầy răng lởm chởm, cười trừ cầu tài với vẻ phục tùng của một con thú đang cố gắng tiêu hóa một khái niệm của con người.

Nhưng ít ra Bella cũng có một lãnh vực thiên phú – lãnh vực cảm xúc. Cô ngồi ở bàn học, nhìn dán cặp mắt đen vào Mark. Từ đôi mắt toát ra một thứ tình yêu và lòng thành kính như thỉnh thoảng ta thấy được trong mắt của một con chó. Mắt cô theo dõi từng động tác của chàng, môi mấp máy lập lại từng chữ chàng nói ra. Khi Mark gọi tên cô, cô run rẩy và mặt tái lại. Có lần chàng gọi cô lên bảng, cô bước đi run rẩy làm Mark cứ tưởng cô sắp ngất xỉu đến nơi. Viên phấn trong tay cô rơi xuống, cả lớp cười ồ.

Có lần Mark bảo cô ở lại sau khi tất cả học sinh đã ra về. Chàng cố gắng kèm thêm cô ta. Chàng bảo cô ngồi vào ghế và bắt đầu lại từ đầu. Con người nguyên thủy khám phá ra con số như thế nào? Bằng cách dùng những ngòn tay... Mark Meitels cầm cườm tay của Bella lên. Tay cô ướt đẫm và run rẩy. Ngực cô phập phồng. Cô nhìn chằm chập vào chàng trong sự sợ hãi và ngây ngất tột độ làm chàng choáng váng. Chàng tự hỏi "Không biết con bé thấy ở mình cái gì?"

Chàng dùng đầu ngón trỏ bắt mạch tay Bella. Mạch máu cô đập loạn xạ và mạnh như đang lên cơn sốt nặng. Mark hỏi: "Cái gì vậy Bella, bệnh hả?"

Cô giựt tay về và bật khóc như trẻ con. Chỉ trong một giây mặt cô méo xệch và ướt đẫm như mặt một cô bé vừa bị cú đấm đau.

(3)

Lena thường tự làm thầy thuốc cho mình. Nàng cứ uống thuốc hoài. Khi nàng bảo rằng nàng không được khỏe, Mark cho là không có gì quan trọng, nhưng chẳng bao lâu chàng thấy mặt nàng hơi vàng. Rồi cũng chẳng bao lâu sau trở thành bệnh nặng – bệnh ung thư tì tạng. Bác sĩ không cho Lena biết điều này nhưng rõ ràng là nàng cảm thấy nàng không còn sống được lâu. Một nhóm chuyên gia có vấn

khuyên nàng nên vào bệnh viện vì ở nhà nàng khó có được sự chăm sóc cần thiết – nhưng Lena từ chối, ngay cả việc vào một dưỡng đường tư. Mẹ nàng khuyên nàng nghe lời bác sĩ nhưng Lena không đổi ý, mẹ nàng phải thuê một y tá riêng để chăm sóc nàng tại gia. Ba người đàn bà – mẹ nàng, Stasia và bà y tá – trông chừng Lena. Vị bác sĩ đến thăm bệnh mỗi ngày nhưng nàng vẫn không khá hơn. Bác sĩ đã nói thật với Mark – bệnh ung thư đã lan đến các cơ quan khác và không còn hy vọng gì nữa.

Mark rất lấy làm kinh ngạc: một Lena đã từng được chiều chuộng, làm ồn lên mỗi khi móng tay gãy hay chỗ trám răng rớt ra nay lại chấp nhận số phận một cách im lặng và cam phận. Nàng mặc chiếc áo lụa nằm trên giường, được thoa phấn, tô son, tẩm nước hoa và tóc tai, móng tay được làm kỹ, nàng đọc tạp chí thời trang như trước. Mẹ nàng mua cho nàng những cuốn tiểu thuyết Pháp và Ba lan mới nhất cùng các tạp chí có hình ảnh viết bằng tiếng Ba lan hay tiếng nước ngoài.

Lena có ít bạn gái: hai hay ba người bạn học cũ hồi còn học ở trường nữ trung học, trong số đó có cô em họ nàng. Nàng viết một chúc thư phân phát những vật dụng của nàng sau khi nàng qua đời – cái áo lông, áo đầm, nữ trang và số vòng vàng còn lại.

Chỉ đến bây giờ Mark mới nhận ra rằng cái tính ích kỷ của Lena thật ra là cái bản năng của một người không đủ quyền năng và không muốn mất nó quá sớm. Một đêm kia khi chỉ còn hai người, chàng quỳ bên cạnh giường nàng và xin lỗi nàng về những lời cay chua quở trách chàng đã nói với nàng và những hiểu lầm đã xảy ra trong mối quan hệ giữa hai người. Lena mơn trớn tóc chàng (mái tóc đã thưa đi ở giữa, bắt đầu lộ ra một chỗ hói) và nói: "Anh đã rất tốt với em. Không phải lỗi của anh. Lần sau nên tìm một người khỏe mạnh hơn".

"Không Lena ạ, anh không muốn người nào khác".

"Tại sao không? Anh luôn mong ước có một đứa con, mà em thì không muốn để lại một đứa con mồ côi".

Sau buổi nói chuyện đó Mark cứ thắc mắc mãi "Nàng nói vậy có

nghĩa là nàng biết trước mình sẽ không sống lâu ư? Thật sự có cái gì siêu nhiên giúp người ta biết trước tương lai của mình sao?"

Thật là một câu đố khó hiểu – chàng yêu Lena rồi trở thành xa lạ với nàng qua những ngày tháng chung sống, những tháng năm trôi qua không chút thân mật thật sự nào cả – và đoạn cuối hiện tại, có lẽ chàng lại yêu Lena nữa rồi, nhưng rõ ràng là nàng không tiếp nhận một thứ tình cảm nào nữa. Nàng trở nên cứng nhắc, trầm ngâm hơn và hoàn toàn đắm vào cái thế giới riêng của nàng. Nàng buộc chàng ngủ ở chiếc trường kỷ trong phòng khách. Càng ngày nàng chỉ bận tâm đến những tạp chí có hình ảnh, những câu chuyện nông cạn về các hoàng gia vương quốc, về những nhà triệu phú Mỹ hay những minh tinh màn ảnh Hollywood. Mark không hiểu những thứ này có thật sự gây cho nàng sự thích thú hay không hay chỉ để tìm quên. Chàng ý thức được rằng sự xa lạ giữa chàng và Lena sẽ không bao giờ giảm đi được. Càng lúc càng rõ ràng là nàng muốn tránh chàng. Nàng chẳng bao giờ gợi chuyện với chàng và khi chàng nói với nàng, nàng trả lời cụt ngủn cho qua chuyện, mắt không rời cuốn tạp chí. Có lẽ nàng có điều giận chàng nhưng quyết định đem mối giận đó theo nàng xuống mồ.

Bác sĩ đã thành thật nói với Mark rằng điều duy nhất chàng có thể làm được là cho nàng uống thuốc để làm dịu cơn đau, cho đến khi nàng nhắm mắt.

Một thời gian ngắn sau, Lena hoàn toàn bỏ đọc sách. Khi nào Mark mở cửa vào phòng ngủ, chàng cũng thấy nàng ngủ. Có lúc nàng nằm mắt mở to, đắm chìm trong những suy nghĩ mà không một người khỏe mạnh nào biết được. Dần dần nàng lơ là với cả cái diện mạo của nàng, bỏ dùng mỹ phẩm và không gọi điện thoại cho mẹ nàng nữa.

Dường như bây giờ Lena chỉ có một nguyện vọng duy nhất – không ai quấy rầy nàng. Nhưng khách khứa cứ kéo đến. Những người bạn gái nàng ghi tên trong chúc thư mang đến hoa và đủ loại thức ngon vật lạ hay những tạp chí mà Lena không thèm ngó tới. Vị bác sĩ cứ buột miệng nói những câu thông thường được tính toán sẵn để khích lệ bệnh nhân: "Cô ấy đã ăn súp rồi ư? Tốt. Cô ấy đã uống thuốc rồi à? Tuyệt

hảo!" Ông ta ra lệnh mở cửa sổ cho không khí bên ngoài vào. Khi bà y tá bảo rằng bà ta đã tắm cho bệnh nhân bằng nước cồn xong, ông ta cao giọng nói: "Rất tuyệt!" Nếu Mark Meitels có mặt ở nhà khi ông tới thăm bệnh, ông sẽ khuyên chàng trước khi ra về: "Ông đừng quên giữ gìn sức khỏe. Trông ông cũng không được khỏe lắm". Ông ta bảo Mark uống vitamin, thứ thuốc mà vào thời đó ở Ba lan vẫn còn là thứ mới mẻ.

Trong suốt thời gian khủng hoảng này Mark vẫn phải tiếp tục dạy tại trường nữ trung học và phải hoàn tất cuốn sách giáo khoa hình học được dự trù đăng lên báo vào một ngày đã quy định sẵn.

Mùa Đông trôi qua và mùa Xuân đã tới. Các nữ sinh lớp tám có vẻ coi trường học là một thứ trò đùa. Các cô không xem Mark là thầy giáo nữa, không đứng dậy khi chàng vào lớp, nói với chàng với vẻ chọc ghẹo, bóng gió và cười cợt. Các cô ăn mặc khêu gợi dù nhà trường cấm. Mặc dầu đang sửa soạn thi cuối năm và phải thức khuya nhiều đêm nghiền ngẫm sách vở, các cô chỉ xem các môn học như những cái vỏ cứng cần được đập vỡ ra rồi đem vứt đi. Mẹ các cô nóng lòng chờ cháu ngoại đem lại niềm vui cho họ. Cha các cô mong chóng trút gánh nặng phải nuôi con gái. Mark có cảm tưởng chàng đã đánh lừa các nữ sinh trong suốt thời gian chàng dạy chúng và cuối cùng bị chúng lột mặt nạ – những cặp giò đẹp và chiếc mũi thẳng quan trọng hơn định đề Euclid. Giá trị duy nhất của bằng cấp là nó có thể bảo đảm sự kết hợp đôi lứa thuận lợi cho các cô.

Các nữ sinh coi Bella là một trường hợp vô vọng – như các bạn của Lena đối với Lena. Bella không có chút hy vọng nào lấy được mảnh bằng. Để cô lên đến lớp tám đã là một điều tai tiếng cho nhà trường. Ông hiệu trưởng nhất định không cho cô dự kỳ thi cuối năm. Cũng có vài cô lớp tám có điểm thấp nhưng xuất thân từ những gia đình giàu có và còn xinh đẹp nữa. Một trong số các cô này đã đính hôn, vị hôn phu của cô chiều nào cũng đến đón.

Mark Meitels tránh Bella. Không cách nào chàng có thể giúp cô được. Cô ngồi ở bàn học, miệng há hốc nhìn chàng, nửa như đang cười,

nửa như van lơn với vẻ thành kính trong đôi mắt. Rõ ràng cô tin rằng chàng có thể giúp cô đổi ngược thế cờ. Nhưng cô đã lầm. Đến giờ xét ai được dự thi chàng chẳng có cách nào hơn là bỏ phiếu loại cô ra.

(4)

Sức khỏe Lena dần dần xuống dốc vào những tuần cuối. Bác sĩ luôn cho nàng uống thuốc nhưng nàng vẫn đau đớn. Mặt nàng thay đổi đến độ hầu như không thể nhận ra nàng được nữa. Nó trở nên nâu vàng, cứng đơ như mặt tượng sáp. Người ta nấu món gà mái tơ cho nàng ăn nhưng nàng chẳng đụng tới, người ta đút thuốc cho nàng uống nhưng thuốc thường nhiễu ra khỏi miệng. Khi nói, giọng nàng quá yếu không ai nghe ra.

Lena chờ thần chết nhưng thần chết không vội gì bắt nàng đi. Tim nàng cứ đập mặc dù ngập ngừng và yếu ớt. Các cơ quan khác vẫn tiếp tục hoạt động dưới một hình thức nào đó.

Mẹ Lena chẳng bao giờ có mối liên hệ thân mật với Mark. Bà luôn cảm thấy con gái bà có thể lấy một người khá hơn một thầy giáo. Từ khi Lena bệnh, mẹ nàng ngưng hẳn nói chuyện với chàng. Bà nhìn chằm chặp vào chàng và ám chỉ là chàng chịu trách nhiệm về cái chết của con bà. Chàng không trả được cả tiền bác sĩ, thuốc men, y tá, để bà phải trả hết các chi phí này.

Lena mất gần trước kỳ thi cuối năm. Nàng bảo y tá đỡ nàng quay vào tường. Bà y tá vào bếp đun ít nước và khi trở ra Lena đã đi. Mark không dự phần coi lo kỳ thi. Sau đám tang, có người ở trường điện thoại cho chàng hay Bella không được thi, còn trong số nữ sinh dự thi có hai cô không tốt nghiệp.

Mẹ vợ chàng đề nghị chàng tổ chức bảy ngày ma chay ở nhà bà nhưng Mark bảo rằng chàng không tin vào những nghi thức đó. Chàng không chịu đọc kinh cầu siêu đạo Do thái khi hạ huyệt. Tại sao phải tham dự vào những nghi thức mà chàng không chút tin tưởng? Cầu nguyện với một Thượng đế ngàn đời im lặng, một Thượng đế mà mục tiêu và sự hiện hữu không rõ ràng thì có ý nghĩa gì chứ? Nếu Mark đã

có lúc nhìn nhận rằng con người có linh hồn thì bệnh của Lena chứng minh cho chàng thấy điều này hoàn toàn vô lý. Cơ thể Lena rã tan cùng với cái gọi là linh hồn của nàng. Suốt thời gian nàng bệnh không có một dấu hiệu nào ngụ ý nàng đang tới một hành tinh nào đó. Nếu linh hồn Lena còn sống thì nó sẽ làm gì? Để đọc tạp chí thời trang ư? Để tiêu phí thời gian nhìn ngắm các cửa tiệm trưng bày đồ đạc dọc đường Marshlkowska ư? Còn nếu linh hồn Lena trở thành khác với cái đã có trên mặt đất này thì nó không còn là linh hồn của Lena nữa!...

Mark Meitels nghe nhiều về vị pháp sư Ba lan Kluski mà người ta công nhận là tại những buổi cầu hồn của ông ta, họ thấy người chết để lại dấu tay trong chậu sáp. Chàng có đọc những bài tiểu luận của nhà thần học Ba lan, giáo sư Ochorowicz và những bài của Conan Doyle, Barrett, Sir Oliver Lodge và Flammarion. Đã có lúc chàng nghĩ: "Có lẽ đúng? Dù sao con người cũng không biết gì nhiều về thiên nhiên và những bí mật của nó!" Nhưng bệnh tình của Lena đã xóa đi tất cả những ảo tưởng này của chàng. Không có gì còn lại sau cái chết của nàng ngoại trừ một sự trống rỗng sâu đậm và cái cảm giác mọi sự đều là hư ảo. Không có và không thể có sự khác biệt cơ bản nào giữa Lena và những con gà mái tơ người ta nấu cho nàng ăn mà ngày hôm sau bị ném vào thùng rác.

Mark Meitels nhận được một số thư chia buồn, điện tín và cả vài bó hoa nhưng không ai đến thăm cả. Các thầy giáo tản mát đi nghỉ hè và cô tớ gái Stasia thì về quê. Chàng không có một người bạn thân nào ở Warsaw cả. Theo thói quen chàng đi bộ nhiều vào ban ngày và ở nhà một mình vào buổi tối. Chàng không vội bật đèn lên mà cứ ngồi trong bóng tối. Hồi nhỏ chàng sợ người chết. Một đám tang có thể làm chàng rợn tóc gáy. Nhưng bây giờ chàng có gì để sợ hãi Lena? Đầu chàng gọi: "Lena, nếu linh hồn em hiện hữu hãy cho anh thấy một dấu hiệu nào đó..."

Nhưng cùng lúc chàng biết sẽ không có dấu hiệu nào hiện ra cả.

Thật kỳ lạ, khi mối buồn rầu về cái chết yểu mệnh và cuộc sống vô cảm của Lena lắng xuống, đầu óc Mark lại nghĩ về Bella. Điều này

làm chàng ngạc nhiên. Lý do nào làm chàng nghĩ về một cô gái xấu xí và ngu xuẩn? Nhưng ngay khi chàng ngưng buồn chán về Lena và số phận của nàng, tư tưởng chàng lại quay sang Bella – không thể tránh được. Bella đang làm gì? Cô bé cảm thấy thế nào về sự thất bại của chính mình? Cô có biết vợ mình đã chết không? Những nữ sinh khác – những cô đẹp, có khả năng và những cô được mến chuộng – hầu như chàng đều quên hết, nhưng khuôn mặt Bella cứ quanh quẩn trước mắt chàng. Trong bóng tối, chàng thấy như cô nàng đang đứng trước mặt – cái trán hẹp, mũi bự, môi dày, đôi mắt to lồi. Chàng tưởng tượng mình cởi hết quần áo cô nàng ra. Con bé với bộ ngực vĩ đại, mông nhô ra, chân vòng kiềng chắc trông tởm lắm!

Cô gái này mang dấu tích ngông cuồng trong người. Trong cô có những tiếng cười, tiếng khóc của nhiều thế hệ những người đàn bà nguyên thủy sống trong hang động, đấu tranh chống thú dữ, chí rận, sự đói khát và đàn ông của thời tiền sử.

Trong những điều chàng nghĩ về Bella, điều làm chàng mỉm cười là khi nhớ lại chàng đã dạy toán cho con bé như thế nào. Về mặt tri thức con bé thua Euclid đến hàng ngàn năm, thế mà cha mẹ con bé lại muốn nó trở thành một học giả chứ không kém hơn. Cha mẹ của một cô gái như vậy thì trông giống cái gì nhỉ? Con bé phải mang cái *gene* của người nào trong người nó chứ. Một ý muốn kỳ lạ bắt đầu hình thành trong Mark Meitels – phải tìm cho ra Bella. Chàng không có địa chỉ của Bella, và những người nghèo như gia đình cô ta thì không có điện thoại. Địa chỉ của con bé chắc được lưu giữ ở trường nhưng giờ này nghỉ hè, trường đang đóng cửa. Mark thừa hiểu điều này thực là vô lý. Một người đang có tang ai lại đi an ủi người khác. Và rồi chàng sẽ nói gì với con bé đây? Tốt hơn nên để con bé sống kiểu của nó. Thiên nhiên tự lo liệu hết mọi thứ trong trời đất, từ con vi khuẩn, con rệp đến con cá voi, và cũng sẽ lo liệu cho đời sống Bella hay tiêu diệt con bé, điều mà dựa trên một quan điểm cao cấp cũng là một hình thức lo liệu.

Mark tự dặn mình thôi đừng nghĩ tới những chuyện vô công rồi nghề ấy nữa. Bình thường, chàng có cách đặt kỷ luật cho trí óc chàng,

nhưng bây giờ thì chàng bó tay, hình ảnh Bella không chịu lánh đi. Mark tự nghĩ: "Không biết mình có sắp điên không đây!"

Một buổi chiều chàng chợt nhớ ra cha của Bella giúp việc cho tiệm bán dầu và xà phòng trên đường Gnoyna. Gnoyna là con đường ngắn, có được mấy tiệm loại ấy đâu? Nhưng bây giờ đã quá trễ – tất cả các tiệm chắc đã đóng cửa. Thôi để ngày mai...

Mark bắt đầu đi lui đi tới trong cái phòng tối chứa đầy sự bất an làm chàng bối rối. Đầu óc chàng bị sự tò mò về cô gái kinh tởm kia chế ngự, cùng lúc với cảm giác như đam mê. "Có thể thế được ư? Mình đã yêu cô ả rồi ư? Đúng vậy, nhưng như thế thì mình điên mất rồi..."

Chàng kinh ngạc lắng nghe những xung đột rối loạn trong trí chàng. Không hiểu sao cái cô Bella này ám ảnh chàng mỗi lúc mỗi nhiều. Chàng mắc chứng có thể gọi là chứng tư tưởng cố định. Có lúc chàng có cảm giác kỳ lạ Bella đang gọi chàng, kêu lớn tên chàng. Chàng thấy cô nàng thật rõ, thấy tất cả những nét cong của khuôn mặt nàng và toàn bộ nét kỳ dị của cơ thể nàng. Ước muốn tìm ra nàng, nói chuyện với nàng tăng lên từng phút, từng phút... Chàng quyết định "Mình cứ đến Gnoyna. Đôi khi họ mở cửa muộn... Có thể có người cho mình biết tin tức mình cần".

Mark vội vàng ra đi. Chàng có cảm tưởng nếu chàng chạy, chàng sẽ tới đó trước khi quá trễ. Cùng lúc, cái phần trí tỉnh táo trong chàng tự vấn chàng: "Cái gì đang xảy ra cho mày thế? Mày chạy đi đâu vậy? Mày theo đuổi cái điên rồ gì đây?" Chàng đóng rầm cửa lại, sắp phóng xuống các bậc cấp thì tiếng điện thoại sắc nhọn, dồn dập réo vang trong căn chung cư của chàng. Chàng reo lên: "Đích thị là cô bé rồi. Cô bé đã đáp lại sự kêu gọi thần giao cách cảm của mình". Chàng chộp lấy cái chìa khóa và mở cửa, chàng mò mẫm một lúc lâu mới mở được cửa. Vào hành lang chàng đụng vào cái ghế và bị trầy ở đầu gối. Điện thoại vẫn tiếp tục reo suốt thời gian đó. Đến khi chàng đến gần được điện thoại thì nó ngưng bặt. Mark chụp lấy ống nghe và nói lớn: "Hello? Ai đấy? Trả lời đi!..."

Chàng cảm thấy một luồng nóng lan khắp người và trong phút

chốc cơ thể chàng ướt đẫm mồ hôi. Chàng đặt ống nghe xuống và nói lớn: "Đúng là cô ả rồi. Đồ quái gở!"

Sự giận dữ và xấu hổ xâm chiếm lấy chàng. Chàng không còn là Mark Meitels nữa mà là một nạn nhân mê tín bị một ma lực lôi cuốn đi không thể nào thoát ra được.

(5)

Mark lại sửa soạn đi, lần này không phải để đến đường Gnoyna mà đến một tiệm ăn dùng bữa tối. Đúng thế, chàng ăn không thấy ngon, nhưng hoàn toàn bỏ quên chính mình thì thật là vô lý. Chàng quyết định: "Việc đầu tiên là ngày mai mình đi xa, đến một nơi nào đó, đến Zakopane hay đến bờ biển..." Chàng vừa đi được vài bước về phía cửa, điện thoại lại reo. Chàng chạy đến cầm điện thoại lên trong bóng tối, cố nén hơi thở đang dồn dập nói: "Hello?"

Có tiếng ấp úng ở bên kia đường dây. Đúng Bella rồi. Mark bắt được những tiếng rời rạc thiếu mạch lạc. Cô nàng đang cố gắng để tiếng nói khỏi bị nghẹn. Mark sửng sốt lắng nghe. Chàng nghĩ thầm "Tin được điều này không? Trên đời có chuyện thần giao cách cảm sao?"

Chàng nói lớn: "Có phải Bella Zylbernstein đó không?"

"Thầy nhận ra tiếng em à?"

"Đúng thế Bella. Tôi nhận ra tiếng cô".

Cô gái ngừng một lúc.

"Em gọi thầy vì nghe thầy có chuyện buồn".

Cô tiếp, giọng ngập ngừng: "Em rất tiếc... Toàn thể lớp đều chia buồn... Riêng em cũng gặp chuyện không may... Nhưng so với chuyện buồn của thầy..." Cô ta bỏ lửng câu nói.

Mark hỏi: "Cô đang ở đâu đấy?"

"Dạ trên đường Prosta... Nơi gia đình em ở..."

"Nhà cô có điện thoại ư?"

"Dạ không. Em gọi từ một tiệm đồ ngọt".

"Cô muốn ghé nhà tôi chơi không?"

Im lặng. Một lúc sau cô nàng mới nói, giọng run run: "Nếu đó là điều thầy muốn... Thật là một vinh hạnh lớn cho em... Thầy không thể biết được... nhiều như thế nào..." Cô bỏ lửng câu nói.

"Hãy đến đây và đừng gọi tôi là thầy nữa".

"Vậy gọi bằng gì ạ?"

"Bằng gì cũng được. Gọi Mark không cũng được".

"Ồ. Thầy chỉ nói đùa. Em cảm thấy rất buồn... Em đau khổ cho thầy... Cái ý tưởng rằng..."

Mark chỉ dẫn rõ ràng cách đến nhà chàng. Cô cứ cám ơn mãi. Cô lập đi lập lại rằng cô đã đau khổ thay chàng như thế nào. "Thật vô cùng đau đớn, vô cùng. Cả ngày lẫn đêm..."

Một lúc sau Mark gác điện thoại.

Chàng tự hỏi: "Cái thứ điên khùng gì đây? Có phải thần giao cách cảm không hay là thôi miên? Chắc chắn đây không phải là ngẫu nhiên. Mình phải cẩn thận với cô gái này mới được". Chàng tự cảnh cáo mình: "Loại gái này dễ ngông cuồng lắm đây".

Chàng bật đèn lên. "Có thể cô nàng đang đói, mình nên mời cô ta cái gì chứ". Chàng vào bếp và bắt đầu lục lạo đống soong chảo. Từ khi Lena mất chàng ít khi ăn cơm nhà nên bây giờ thức ăn mà chàng tìm được là một ổ bánh mì đã cũ và nhiều hộp cá nục. Chàng dự tính "Mình sẽ đưa nàng đến một tiệm ăn nào đó". Nhưng mà tiệm ở đâu? Người quen của chàng có thể tình cờ bắt gặp. Chàng sẽ thấy xấu hổ nếu bị bắt gặp đi với một cô gái chỉ một thời gian ngắn sau khi Lena mất, nhất là với một cô gái xấu tệ như thế. Ở trường chàng có cái luật ngầm rằng thầy giáo không được thân thiện với nữ sinh. Cuối cùng chàng quyết định: "Ta sẽ mua lên vài ổ bánh mì và xúc xích".

Chàng xuống lầu mua xúc xích, bánh mì và trái cây. Chàng vội vàng vì sợ Bella đến quá sớm (có lẽ cô nàng đi taxi) và không gặp chàng. Chàng bỗng nghĩ: "Nếu linh hồn Lena ở đây và thấy được điều mình đang làm thì sao? Nếu trên đời này có chuyện thần giao cách cảm thì

sao linh hồn không ở lại lâu hơn sau cái chết? Không, chắc đầu óc mình không được tỉnh táo lắm sau mấy chuyện bối rối vừa qua".

Chàng đợi một lúc lâu nhưng không ai đến. Chàng bật tất cả đèn trong phòng khách lên rồi lại tắt đi, chỉ để một ngọn nhỏ. Chàng ngồi ở chiếc trường kỷ, vểnh tai nghe ngóng từng tiếng động ở cửa trước. Có lẽ nàng lạc đường. Cô ta thật không được tích sự gì...

Chuông cửa trước bỗng vang lên chát chúa. Mark chạy đến mở cửa và thấy Bella mặc bộ đồ đen, đội mũ lát, tay cầm một bó hoa. Cô nàng có vẻ già dặn hơn thường ngày. Cô đứng thở dốc, mồ hôi vã ra.

Chàng kêu lên: "Ồ, đem cả hoa đến nữa. Cho tôi ư?"

Cô trả lời, dịch từ một câu nói tiếng Yiddish ra tiếng Ba lan: "Vâng, biếu thầy... Thầy không nên đau khổ thêm nữa".

Mark cầm cổ tay cô gái đưa vào phòng khách. Chàng cắm hoa vào lọ và cho nước vào. Chàng tự nhủ: "Không biết cô nàng kiếm đâu ra tiền mua hoa đây? Có lẽ cô nàng đã tiêu hết cả đồng xu cuối cùng". Chàng cảnh cáo mình: "Mình sẽ tử tế với cô nàng nhưng mình cũng sẽ không cho cô nàng một hy vọng nhỏ nào".

Bella gỡ mũ ra. Lần đầu Mark ngạc nhiên thấy mái tóc Bella đẹp. Tóc màu hạt dẻ, dầy và bóng tự nhiên. Cô nàng ngồi xuống ghế, cúi nhìn vào chân mình đang mang vớ và giày đen. Cô nàng có vẻ lúng túng về cái bộ dạng thô kệch của mình – bộ ngực quá lớn, mông thô, mũi diều hâu, mắt lồi. Mark kết luận là cặp mắt kia không phải là mắt bò con. Chúng phản chiếu sự sợ hãi và tình yêu ngàn đời của người phụ nữ.

Cô nàng để cả hai tay trên cái xách tay – đôi bàn tay quá khổ đối với một nữ sinh. Mark nhận thấy tay cô dính đầy mực như mới ở trường về. Cô nói: "Chúng em nghe tin về những chuyện đã xảy ra cho thầy, cả lớp đều buồn. Các nữ sinh khác không đến dự đám tang được vì đang kỳ thi, em thì không được phép dự thi... Nhưng chắc thầy không nhận ra em ở đám tang?"

"Hả? Không. Rất tiếc là tôi không thấy cô".

"Em có đến dự".

"Bây giờ cô làm gì?"

"Ô, em thì làm gì cũng được. Mọi người ở nhà đều chán ngán em, một cách cay đắng nữa là đằng khác. Họ đã phí tiền cho em và còn nhiều thứ nữa để đổi lấy con số không. Dù sao, cái bằng không phải là tất cả. Em đã học được một ít – văn chương, lịch sử và hội họa. Em sẽ không bao giờ giỏi toán được, môn đó thật quá khó".

"Không có toán cô vẫn có thể là người tốt".

"Có lẽ. Em đang kiếm việc làm nhưng mọi người trong nhà em bảo là nếu không có bằng sẽ không kiếm ra việc đâu. Có một mục quảng cáo rao tìm người giúp việc cho một tiệm bán sô cô la và em đã đến xin. Họ trả lời là đã tìm ra người và họ cũng không đòi hỏi gì đến bằng cấp cả".

"Các bà cố, bà nội của chúng ta đâu có bằng cấp gì mà họ cũng là những người đàn bà tốt".

"Vâng, dĩ nhiên. Mẹ em không đọc báo được, vậy mà bà muốn em làm bác sĩ. Em không có khả năng học ra bác sĩ..."

"Vậy cô muốn làm gì? Lấy chồng và đẻ con?"

Đôi mắt của Bella có vẻ cười cợt. "Vâng, đúng. Nhưng ai chịu lấy em? Em yêu trẻ con. Em yêu chúng kinh khủng. Không cần phải là con của chính em. Em sẽ lấy một người góa vợ, đã có con và sẽ nuôi lũ trẻ như con của mình vậy. Ngay cả..."

"Tại sao lại không nuôi con của chính cô?"

"Ô, em chỉ nói vậy thôi. Dĩ nhiên con mình thì tốt hơn, nhưng..."

Yên lặng. Tiếng đồng hồ phòng bên cạnh vang lên.

Bella bỗng hỏi: "Hay là em có thể làm một cái gì cho thầy? Em có thể quét dọn, lau chùi – mọi thứ. Nhưng Chúa ơi, không phải để được trả lương đâu".

Mark hỏi: "Tại sao cô lại làm việc không công cho tôi?"

Bella suy nghĩ một lúc và mỉm cười, mắt cô nàng nhìn dán vào chàng – đôi mắt đen nóng bỏng, "Em sẽ làm bất cứ cái gì cho thầy. Như người ta thường nói bằng tiếng Yiddish: *hãy rửa chân và lấy nước uống*..."

(6)

Mark bước tới đặt tay lên vai cô gái. Đầu gối chàng đụng vào đầu gối cô ta. Chàng hỏi: "Có phải điều cô vừa nói là sự thật không?"

"Vâng. Nhiều hơn bất cứ cái gì trên thế gian này".

"Hơn cả cha mẹ cô nữa ư?"

"Hơn nhiều".

"Tại sao?"

"Ồ, em không biết. Bởi vì thầy giáo thật thông thái còn em là con bò ngu ngốc. Khi thầy cười trông thật thích, khi thầy nghiêm thầy nhướng cặp lông mày lên và mọi sự trở nên thật là..." Cô không nói hết câu. Hơi nóng phát ra từ người cô, thứ hơi ấm thỉnh thoảng người ta cảm thấy được khi đứng gần một con ngựa.

Mark hỏi: "Tôi có thể làm bất cứ điều gì tôi muốn đối với cô chứ?"

"Vâng, bất cứ điều gì".

Chàng hỏi và kinh ngạc bởi lời nói của chính mình "Tôi cắt cổ cô được không?"

Bella run rẩy: "Vâng, được. Máu sẽ ào ra và em sẽ hôn lưỡi dao".

Dục vọng xâm chiếm lấy chàng. Một thứ thèm khát bao năm nay chàng không hề cảm thấy. Một tiếng nói bên trong chàng cảnh cáo chàng, "Đừng làm điều ngu xuẩn! Bảo con bé về nhà ngay!"

Chàng nói lớn: "Được. Tôi vào lấy con dao".

"Vâng".

Chàng vào bếp mở ngăn kéo trong bóng tối, lấy ra con dao trong đống đồ dùng nhà bếp. Chàng thừa biết rằng đây là một trò chơi nhưng là một trò chơi thu hút chàng mãnh liệt. Chàng trở ra với con dao. Bella ngồi trên ghế mặt tái lại, đôi mắt chờ đợi. Một sự ngây ngất kỳ quái toát ra từ người cô gái, một thứ nhiệt tình làm chàng choáng váng.

Chàng nói: "Bella, chẳng bao lâu nữa cô sẽ chết. Hãy nói ra những điều cô cần nói".

"Em yêu thầy".

"Cô đã sẵn sàng chết chưa?"

"Vâng, sẵn sàng".

Chàng đưa lưỡi dao vào cổ cô ta. "Tôi cắt được chưa?"

"Dạ được".

Mark đặt dao trên tủ. Chàng nhớ lại câu chuyện trong Thánh kinh có đoạn Chúa ra lệnh cho Abraham giết con trai mình là Isaac và thiên sứ kêu lên: "Không được đụng đến cậu ta..." Chuyện xảy ra giống như một sự lập lại cái gì đã xảy ra từ trước.

Chàng hỏi: "Tình yêu của cô kéo dài được bao lâu rồi?" Giọng chàng nghiêm trọng như giọng một bác sĩ đang chữa trị một con bệnh trầm trọng. Chàng cảm thấy tiếng cầm cập của răng mình.

"Dạ từ ngày em gặp thầy lần đầu".

"Và yêu suốt từ đó đến nay?"

"Vâng, cả ngày lẫn đêm".

Chàng đứng lặng người, lắng nghe hơi thở của chính mình. Mũi chàng tự nhiên thở mạnh. Chàng nói: "Cô có biết rằng dù sao tôi cũng đã có vợ rồi?"

Bella không trả lời một lúc lâu: "Vâng, em biết, nhưng em đã nguyền cho cô ấy chết".

"Vậy cô là phù thủy ư?"

"Vâng, em là phù thủy".

Lúc đó Mark giật mình nhận ra Bella giống những bức hình hay bức chạm trổ những bà phù thủy trong sách vở cổ xưa. Cô nàng chỉ thiếu những lọn tóc rối và nếp da nhăn. Nhưng mấy bà phù thủy đó khi mới sinh ra cũng đâu có già. Có lẽ họ cũng đã bắt đầu dùng bùa phép từ khi còn trẻ. Mark tự nhủ đó chỉ là điều mê tín, nhưng cái chết của Lena thật bí ẩn. Ngay cả bác sĩ cũng nói bệnh nàng rất kỳ lạ, đã bột phát quá thình lình. Lena đã giữ đúng phép vệ sinh. Nàng không ăn thức ăn có dầu mỡ, không hút thuốc, không uống rượu. Chứng ung thư của nàng bành trướng nhanh một cách khó tin. Mark bỗng nhớ lại

điều Lena từng nói: "Có người đã nguyền rủa tôi. Họ thèm khát cái gia tài của tôi..."

Sự ngây ngất mờ dần trong mắt Bella. Cô nhìn chàng nghiêm trọng với vẻ bận tâm lo lắng.

Chàng nói: "Tôi không tin vào chuyện tầm bậy đó, chỉ nói bậy thôi. Nhưng vì cô tin chuyện đó, vậy đứng vào quan điểm của cô, cô đã giết một người".

"Đúng vậy. Chúa sẽ trừng phạt em về chuyện đó".

"Cô nghĩ rằng tôi sẽ cưới cô?"

"Em cũng không biết nữa".

"Cô đã nguyền rủa như thế nào?"

"Em cầu cho cô chết đi. Nửa đêm em thức dậy và cầu cho cô chết đi".

"Nhưng cô chưa hề biết mặt cô ấy mà".

"Em có biết. Trước em có đến đây nhiều lần, không vào trong nhà, chỉ đứng ở ngoài, em đợi cho đến khi cô nhìn ra cửa sổ. Có một lần em rung chuông và hỏi cô cần người làm không. Cô nói: "Tôi không thuê người lạ". Rồi cô đóng sầm cửa lại".

"Việc cô làm thật điên rồ".

"Vâng, điên rồ".

Mark nhìn về phía tủ kéo nơi chàng để con dao.

"Cô đáng tội chết nhưng tôi không phải là kẻ sát nhân. Về mặt này tôi vẫn còn là người Do thái. Nhưng tôi sẽ không bao giờ có quan hệ gì với cô nữa. Hãy đi đi và đừng bao giờ trở lại. Cô cũng có thể nguyền rủa tôi nữa".

"Không, em sẽ cầu phúc cho thầy đến khi em chết".

Bella ra vẻ như sắp đứng dậy, nhưng rồi vẫn ngồi lại.

Mark nói: "Điều đó có nghĩa là tất cả những thứ cô nói chỉa buồn đều là giả dối. Cô rất mừng khi nghe cô ấy chết?"

"Không phải. Em không ngờ là em có những quyền lực đó. Khi nghe tin em vô cùng sửng sốt và..."

Mark nói, không biết lưỡi chàng sẽ đưa chàng đến đâu: "Cô thật là một con lừa ngu ngốc. Nếu cô để ý lo học, bây giờ có lẽ đã có bằng cấp rồi. Bây giờ cô thành cái gì đây? Cô gặp tôi đây là lần cuối. Tôi rất yêu Lena và từ đây tôi sẽ ghét cô như ghét một con nhện".

Mặt Bella không còn chút máu: "Và em sẽ yêu thầy đến chết".

"Đó là điều ngu ngốc, điên rồ".

"Không phải".

Mark hỏi: "Có phải cô gọi điện thoại cho tôi hồi chiều không? Tôi vừa mới đi ra thì điện thoại réo. Khi tôi đến gần thì đã quá muộn. Có phải cô gọi không?"

"Dạ phải".

"Tại sao chỉ chiều nay mới gọi?"

"Dạ vì em phải gọi".

"Tất cả điều cô nói đều là ảo tưởng. Cô vẫn còn là người của thời Trung Cổ. Tôi bắt đầu hiểu tại sao người ta thiêu sống phù thủy. Những người như cô thật đáng chết. Cô thật giống một mụ phù thủy". Chàng nói và rồi thấy ân hận về lời nói của mình.

"Vâng, em biết".

"Ồ, tôi không có ý nói vậy. Cô có sẵn lòng làm người yêu của tôi không?" Chàng hỏi, tự ngạc nhiên về chính lời nói của mình. "Tôi muốn nói là làm tình nhân, không phải là vợ. Tôi thấy xấu hổ nếu bị bắt gặp đi trên đường với cô. Tôi hoàn toàn thành thật với cô".

Mắt Bella lóe lên những tia giận dữ lẫn chế giễu: "Thầy làm gì em cũng được".

"Khi nào?"

"Bây giờ..."

(7)

Ba giờ sáng, Bella bắt đầu mặc quần áo. Ngọn đèn nhỏ tỏa ánh sáng mờ ảo trong phòng ngủ. Mark mệt quá không giúp được cô nàng. Chàng nằm trên giường, mắt nhắm mắt mở nhìn Bella gắng sức nhét

bộ ngực cô vào chiếc áo. Mới hai mươi mà bộ ngực cô chảy xuống như hai quả lắc treo lủng lẳng. Bụng cô bề ngang phình to ra, lông đen lốm đốm ở bụng. Mông nhô phồng ra hai bên như hai cái chậu. Tóc phủ lòa xòa xuống, cặp lông mày ngắn và chiếc mũi quặp. Đôi mắt lồi nhìn ra cửa, sợ hãi, như mắt con thú bị săn đuổi đang chạy trốn giữa các lùm cây.

"Một con mẹ phù thủy! Phù thủy!" Mark tự nhủ. Chàng không ngờ cô gái trẻ này, một cô gái đồng trinh, có thể si cuồng đến thế. Cô bám vào thịt chàng, cắn vào vai chàng, nói những tiếng kỳ lạ và rên lên man dã làm chàng sợ đánh thức hàng xóm. Chàng đã thề thốt sẽ cưới cô. "Làm sao điều này có thể xảy ra được? Mình mất trí rồi sao? Hay thật sự có phép thần?"

Mark nghe tiếng Bella nói: "Mẹ em sẽ hoảng lên! Chắc bây giờ bố mẹ em đã gọi cảnh sát, không còn nghi ngờ gì nữa. Hy vọng ông gác cổng sẽ mở cửa cho em".

"Em còn tiền lẻ không?"

"Ồ không. Em trả tiền taxi hết cả rồi".

"Có ít tiền lẻ trong túi quần tôi".

"Quần của thầy đâu? À, nó đây rồi, ở trên sàn nhà..."

Cô cúi lượm quần chàng lên lục lọi các túi quần. Mark nhìn sửng sốt. Cô làm như đã là vợ chàng không bằng. Chàng dứt khoát "Ừ, mình phải chấm dứt".

Bella lấy ra vài đồng xu và để cái quần cẩn thận xuống ngăn tủ. Cô đi lại với đôi chân lông lá. Mark tự nghĩ: "Làm sao đôi chân to lớn như vậy có thể mang giày đàn bà cho vừa?"

Bella hỏi: "Em nói với bố mẹ thế nào đây? Bố mẹ sẽ cho đây là điều tội lỗi dễ sợ!"

"Em muốn nói với họ sao cũng được".

Bella bảo: "Nếu thầy ân hận em có thể đi thẳng tới cầu Vistula và chấm dứt mọi chuyện".

"Tôi không ân hận gì cả".

"Đời sống em không đáng giá hai xu. Em có thể đi về nơi của vợ thầy. Dù sao cô cũng sẽ trả thù em".

Mark uể oải nói: "Người chết không thể trả thù".

"Ồ, họ có thể trả thù chứ. Em thấy cô trong giấc mơ. Cô cầm con dao găm và một cái khăn đầy máu. Cô hét vào mặt em và nhổ nước bọt..."

Mark không trả lời. Trong đời chàng, chàng đã trải qua với nhiều người đàn bà khác nhưng chưa ai làm chàng kiệt sức như cô gái này. Không chừng cô nàng đang thụ tinh cũng nên. Mình đã quên đề phòng. Thật chết người, chàng nghĩ. Toàn thân chàng cảm nhận một điều gì kỳ diệu. Làm sao mọi việc xảy ra như thế được nhỉ? Lý trí của mình ở đâu? Toàn thể thủ đô Ba lan sẽ chế giễu mình. Mình sẽ không thể ở lại dạy ở trường nữ được nữa. Học sinh sẽ cười vào mặt mình.

Bella nói: "Thôi em đi đây. Ít ra cũng đưa em đến cửa chứ".

Chàng ra khỏi giường và loạng quạng bước theo cô.

Trong cái áo đen và chiếc mũ lát, làn tóc rối xõa ra dưới mũ trông cô thật kỳ quái!

Chàng cầm tay cô, nóng và ẩm ướt. Cô đứng gần chàng đến nỗi ngực cô đè ép vào người chàng. Cô nói: "Ước gì em không phải về nhà. Bố mẹ sẽ làm khổ em. Thầy có thật yêu em không? Em van thầy, đừng lừa dối em. Nếu đây chỉ là chuyện qua đường, hãy cho em biết".

"Để làm gì chứ? Để em chạy ra cầu Vistula ư?"

"Vậy có nghĩa là thầy đã dối em?"

"Bella, tôi không thể cưới em".

Im lặng. Trong ánh sáng lờ mờ của sớm mai, chàng chỉ thấy đôi mắt cô. Chúng phản chiếu một cái gì ngông cuồng, hoang dã. Chàng sợ cô nàng sẽ nhảy chồm tới chàng như con thú dữ mà chàng thì quá yếu để chống cự.

Cô nói: "Thôi được. Vậy là hết. Chào thầy".

"Em đi đâu vậy?"

"Điều đó can dự gì đến thầy? Nhưng đừng nghĩ xấu về em. Cách em yêu thầy, không ai yêu thầy được như thế đâu".

"Bella, tôi van em, đừng làm điều ngu xuẩn".

"Chết không phải là ngu xuẩn".

Chàng kêu lên: "Bella, hãy ở đây!" Không còn là Mark Meitels nói nữa mà là một sức mạnh nào đó trong chàng đã lên tiếng nói cuối cùng. Chàng tiếp: "Chúng ta không thể ở Warsaw nhưng ngoài kia là một thế giới rộng lớn. Chúng ta sẽ đi Kraków hay có thể đi cả nước ngoài nữa. Anh nghe người ta có thể xin chiếu khán đi Cuba hay Honduras nữa. Mọi sự đâu có nghĩa lý gì nếu chúng ta được gần nhau".

"Em sẵn sàng theo anh tới chân trời góc biển".

Họ đứng trong bóng tối, suy gẫm. Hơi thở Bella nặng nề, nóng bỏng. Một mối đam mê mới lại xâm chiếm chàng.

"Vào trong đi em".

"Chờ em. Mẹ bị yếu tim. Mẹ có thể chết vì lo lắng".

"Bà ấy không chết đâu. Còn nếu bà chết cũng chịu thôi!"

"Kẻ sát nhân ngọt ngào của em!"

"Em thật là phù thủy sao?"

"Dạ, nhưng anh đừng cho ai biết".

"Làm sao em làm phù thủy được?"

"Em cầu nguyện Thượng đế, có lẽ cầu nguyện ma quỷ thì đúng hơn. Em cũng không biết là cầu nguyện ai khi vào giường nằm em tự nhiên phát ra lời cầu nguyện. Anh không thể rời em được và đó là sự thật. Chúng ta giống hai con chó bị xiềng lại với nhau..."

"Vào trong đi em".

"Nếu anh muốn chúng mình trốn khỏi Warsaw chúng ta hãy đi ngay bây giờ đi".

"Đi ngay sao?"

"Vâng, đi hôm nay".

"Anh có bàn ghế, giường tủ, sách vở..."

"Cứ để mọi thứ lại. Bố mẹ chắc lo lắng chết đi được, nhưng mà em đã giết một người rồi, bây giờ giết thêm một người nữa có sao đâu?"

"Họ không chết đâu. Trên đường đi chúng ta sẽ điện tín về cho họ".

"Cũng được. Từ ngày đầu tiên ở lớp năm khi anh vào dạy toán em đã mơ có được anh và chưa có phút giây nào em không nghĩ đến anh. Honduras ở đâu? Ở châu Phi hở?"

"Em học địa lý em phải biết nó ở đâu chứ?"

"Em không nhớ gì cả. Suốt bốn năm nay em chỉ nghiên cứu có mình anh chứ không cái gì khác".

"Lại đây".

Chàng ôm ngang lưng nàng, đi khệnh khạng vào phòng ngủ, ngang qua phòng khách. Mặt trời đã lên, chiếu tia nắng hồng qua cửa sổ. Mặt Bella giống như tắm máu. Những chùm tia lửa tóe ra từ mắt cô. Chàng đứng cạnh, nửa người trần truồng. Họ nhìn vào gương.

Chàng nói: "Nếu trên đời có những thuật huyền bí thì có lẽ cũng có Thượng đế".

Chàng không thể đợi đến phòng ngủ đã đẩy nàng xuống thảm – một nàng phù thủy tắm đầy máu và tinh dịch, một con thú mà mặt trời đang lên biến nó thành một mỹ nhân.

Tìm đọc:

Thơ BÙI GIÁNG

Việt Thường xuất bản

giá 12 Mỹ kim

P.O. Box 523 Station Place d'Armes
Montréal, Quebec H2Y-3H3 CANADA

THỤY KHUÊ

VÕ PHIẾN VĂN HỌC MIỀN NAM TỔNG QUAN

*

Trở lại một thời kỳ văn học đã qua, viết lịch sử hay nhìn về quá khứ của một đời người có chỗ giống và không giống nhau: văn chương cũng như con người gắn liền với sinh mệnh lịch sử của một dân tộc. Con người là cái nhân, văn chương và lịch sử là cái quả: con người làm nên văn chương và lịch sử. Nhưng khi con người vĩnh viễn ra đi, khi những biến cố lịch sử chấm dứt hoặc chuyển qua giai đoạn khác, *văn chương tồn tại*. Giá trị văn chương vĩnh cửu, trong khi lịch sử và con người chỉ là những trạm nghỉ trên con đường vô tận quá khứ – tương lai.

Viết văn học sử về một thời kỳ nào tức là chụp bức ảnh đầy đủ những khuôn mặt văn học của thời đó. Nhưng chụp ảnh rõ và đẹp chưa đủ, nhà phê bình còn phải chú thích và bình giảng, nói một cách khác phải "phụ đề". Bức ảnh chỉ là phần kỹ thuật hay hình thức, nội dung chứa đựng trong phần mô tả hay phụ đề.

Nếu thể hiện cả kỹ thuật đến nội dung một cách hoàn hảo, nhà phê bình giúp cho thế hệ hiện tại nhìn rõ khuôn mặt văn chương thời họ sống, giúp cho thế hệ tương lai khi muốn trở về dĩ vãng, không phải quanh quẩn, lạc đường.

Nếu không có văn học sử, thế hệ này sẽ chạng vạng, không nhận rõ dung nhan mình; thế hệ sau, muốn tìm tòi tra cứu, sẽ gặp khó khăn, đôi khi lạc đường, nhưng không vì thế mà tuyệt lộ.

*

Văn học miền Nam tổng quan của Võ Phiến ra đời vào tháng Tám 1986, được độc giả hải ngoại nhiệt thành chào đón vì nhiều lẽ:

– Trong thời kỳ cực thịnh nhất của các sách báo miền Nam, chưa

có tác giả nào lưu tâm đến vấn đề văn học, cho nên đây là công trình biên khảo đầu tiên về thời kỳ văn học 1954–1975.

– Sau biến cố 75, người ra đi mang những tâm trạng khác nhau: một số "tiêu cực" buông trôi trong chán nản, bối rối, tuyệt vọng; một số "tích cực" mang hoài bão quật khởi trở về chiếm lại quê hương; một số muốn quên hẳn quá khứ để hội nhập với đời sống mới. Tựu trung đều là những hình thức mất niềm tin.

Viết *Văn học miền Nam tổng quan* Võ Phiến muốn gợi lại một thực tại chính trị của xã hội *miền Nam tự do* với nền *văn học tự do* đối chọi với thực tại chính trị của xã hội *độc tài miền Bắc* với nền *văn học cộng sản*.

Cho nên, với cộng đồng di tản, *Văn học miền Nam tổng quan* là một cái mốc để tựa, trong lúc các cội rễ khác đã lung lay. *Văn học miền Nam*, trái với những tác phẩm trước của Võ Phiến, đem lại niềm tin cho một cộng đồng hoang mang, tan tác. Tác phẩm, vì thế, xuất hiện đúng lúc và cận nhân tình.

Về phần Võ Phiến, trước khi viết, ông đã do dự nhiều và ông thổ lộ trong bài tựa "*Trước hết mình không phải là một nhà phê bình biên khảo gì ráo mà tự dưng xông ra làm công việc biên khảo phê bình là chuyện không nên*".

Ngần ngại không muốn viết nhưng "*nghĩ đi nghĩ lại chán chê rồi tôi lại quyết định cứ viết cuốn sách này*".

Vì sao?

Vì "*Ta không thể ngăn chặn được việc phá hủy, không thể bảo tồn được cái thành tích văn học nọ, thì ngay lúc này cũng nên có một tổng kết, một kiểm điểm sơ lược, để về sau những ai lưu tâm còn có chút căn cứ biên khảo. Không thế, sao đành*?

Văn học miền Nam 54–75 không có phê bình, văn học miền Nam đang bị tiêu hủy. Chưa hết. Chung quanh nó còn diễn ra lắm trò lố bịch: tôi muốn nói đến câu chuyện "văn học giải phóng miền Nam". Nhà nước Cộng sản dựng lên một nền văn học, cho cán bộ nghỉ ngố om sòm

về nền văn học ấy cố gây ra cái cảm tưởng đây mới là nền văn học chân chính của miền Nam" (tựa, tr.21–22).

Trước cảnh tan hoang của miền Nam bại trận, trước tình trạng bắt bớ, tù đầy và tiêu hủy sách vở, thái độ của Võ Phiến phản ánh sự phẫn nộ và hoang mang của đồng bào di tản thời điểm 1975–1985. Võ Phiến đã viết *văn học miền Nam* với tâm cảm của người ra đi, từ xa nhìn về quá khứ của quê hương "*đã mất*", vì đối với ông "*lần này không còn đâu là đất trở về nữa, dù chỉ về để chết*" (tr.322). Trong tâm trạng ấy, ông có cái nhìn bi quan về tương lai văn học nước nhà mà có lẽ ngày nay không còn phù hợp nữa.

Hiện tại (1990), chúng ta có thể bình tĩnh nhìn lại vấn đề dưới một khía cạnh khác: trên báo chí hải ngoại những năm gần đây thấy xuất hiện một số câu hỏi thời thượng: có hay không có một nền văn chương lưu vong? Có hay không có một nền văn học phản kháng? Phản kháng thật hay phản kháng giả? Tìm cách phủ nhận hoặc xác nhận văn học phản kháng cũng như đề cao "sứ mệnh tự do" của người cầm bút hải ngoại... Khi nêu lên những vấn đề ấy, dường như nhiều người trong chúng ta chưa thoát khỏi lối suy nghĩ "lớn lao", cường điệu không thiết thực: một phong trào văn học "thật" hay "giả", "có" hay "không có", không phải vì ông này, bà nọ bảo là thật thì nó thật, bảo là giả thì nó giả, bảo là có thì nó có, bảo là không thì nó không.

Sự thể không đơn giản thế và cũng không thuộc quyền thẩm xét của mỗi cá nhân hay một tập đoàn lãnh đạo. Nếu chúng ta viết được những gì giá trị, *trong cũng như ngoài nước*, thời gian sẽ bảo tồn, trân trọng. Còn nếu chúng ta chỉ sản xuất ra những gì tựa tựa như văn chương, thì dù cho "sứ mệnh" có "cao cả" đến đâu; có đặt tên hoa mỹ, có phủ nhận, xác quyết lẫn nhau cũng chỉ hoài công mà thôi, thời gian sẽ trả lời rằng không.

Điều cốt yếu của người sáng tác và người phê bình là làm việc với *cái tâm* của mình, thêm tài càng hay.

Kinh nghiệm trước mắt cho ta thấy hệ thống văn chương chỉ đạo hiện hành trong nước – với những tác phẩm ca tụng một chiều – được

các ngòi bút cận chính quyền coi như có nhiều "đỉnh cao" của xã hội chủ nghĩa Việt nam đang bị thời gian lôi cuốn vào thời kỳ tự hủy.

Cho nên, *đề cao* hay *phá hủy* các tác phẩm không phải là việc làm trong thẩm quyền của con người. Văn chương có giá trị tự tại. Con người tạo tác phẩm, nhưng khi tác phẩm hoàn tất nó thoát khỏi mọi thẩm xét võ đoán hoặc những đàn áp bằng bạo lực của con người. Ngày nay không ai có thể làm công việc của Tần Thủy Hoàng.

*

Trở lại tác phẩm của Võ Phiến, về vấn đề tựa, "*Hai mươi năm văn học miền Nam*" (in ở trang trong) hợp lý hơn "*Văn học miền Nam*", nhưng nếu nói "*Hai mươi năm sinh hoạt văn học miền Nam*" thì càng chính xác hơn nữa.

Võ Phiến mở đầu tác phẩm bằng hai thời điểm 1954 và 1975 mà ông cho là "ngộ nghĩnh". Tiếng "ngộ nghĩnh" báo hiệu cái "ton" của quyển sách: vui, dí dỏm.

Thực ra 1954 và 1975 là những mốc quan trọng: cắt đứt và nối lại đất nước trong đau thương, ly tán con người, khó tìm thấy vẻ gì ngộ nghĩnh trong đó. Vậy ngộ nghĩnh chỉ là lối nói "phá thể", một lối đùa cợt với sinh mệnh rất thông thường của Võ Phiến: "*Ở Hànội, có lần phọt lên một tràng cười lớn, tức lúc Nhân văn – Giai phẩm ra đời. Thế rồi tịt*" (tr.139). Võ Phiến có lần giải thích thái độ của mình trong bài Thế Cuộc: "*Mọi thái độ trịnh trọng đều hóa ra buồn cười*".

Võ Phiến viết *Văn học miền Nam tổng quan* theo thể tùy bút pha lẫn ký, cũng là một lối phá thể, thoát hẳn khuôn sáo bình thường của các sách biên khảo hay lý luận khô khan.

Ưu điểm của lối viết này: hành văn nhẹ nhàng, dí dỏm, ít dùng danh từ Hán Việt, hấp dẫn độc giả như một thiên phóng sự:

"*Chàng có cầm bút nàng mới cầm vững được cây bút của nàng, không thế, bút nàng trước sau rồi cũng đến rơi mất. Các nữ sĩ cần đến tán trợ của chồng, trong khi ấy nam phái không cần: dù vợ làm gì đi nữa, chồng vẫn cứ viết văn làm thơ được như thường*" (tr.46).

Đối với một tác phẩm nhận định văn học, lối viết phóng túng trên

đây có những nhược điểm: rườm rà, không chính xác, đôi khi đi xa sự thật: tình hình chồng viết, vợ viết theo không phải là tình trạng chung, cũng không phải là quy luật của các nhà văn phụ nữ: nhiều người viết từ khi chưa có chồng.

*

Về phần nội dung, Võ Phiến chia tác phẩm làm ba chương:

Chương đầu: khái quát về văn học miền Nam: tình trạng của các nhà văn, độc giả, tình hình xuất bản. Bối cảnh và những đặc điểm của văn học miền Nam.

Chương hai: các giai đoạn văn học, ông chia thời kỳ này thành hai giai đoạn:

Giai đoạn I từ 1954 đến 1963

Giai đoạn II từ 1964 đến 1975

Trong mỗi giai đoạn ông vẽ lại bối cảnh xã hội và chính trị của miền Nam, kể lại sinh hoạt các nhóm chính chủ trương các tạp chí văn học như Sáng Tạo, Văn Hóa Ngày Nay, Bách Khoa... Ông có nhắc đến tạp chí Mùa Lúa Mới xuất bản tại Huế mà ít người biết đến.

Chương ba: gồm các bộ môn: tiểu thuyết, tùy bút, thi ca, kịch và ký.

Phần kết ghi các danh biểu và tiểu sử các tác giả.

*

Sau khi đã phân đoạn như trên, Võ Phiến không làm công việc phê bình và nhận định văn học, ông không đề cập đến những yếu điểm mà độc giả cần biết về một nền văn học như:

– Những tác giả và các tác phẩm tiêu biểu.

– Những trào lưu tư tưởng chính hoặc những khuynh hướng văn học có ảnh hưởng mạnh trong văn đàn, vào các tác phẩm, có tác dụng phản ánh xã hội, phản ánh tâm trạng con người. Những đoạn viết về Sáng Tạo, Văn Hóa Ngày Nay, Bách Khoa... (tr.183–195) chỉ ghi nhận một vài đường hướng, chú ý đến những mâu thuẫn, tương quan và sinh hoạt của các nhóm.

Mặc dù Võ Phiến có trực tiếp ghi nhận tính chất một số tác phẩm, hoặc gián tiếp – dưới hình thức châm biếm – nhận xét giá trị một số nhà văn, nhưng ông không cho độc giả cái nhìn rõ ràng, nghiêm túc của một soạn giả biên khảo. Cho nên, người đọc có cảm tưởng như, đối với ông, Nhã Ca, Thụy Vũ cũng quan trọng như Khái Hưng, Thanh Tâm Tuyền.

Nhưng nếu chúng ta đọc *Văn học miền Nam tổng quan* trong tinh thần một cuốn tùy bút hay bút ký có tính chất phóng sự và châm biếm về những sinh hoạt văn nghệ, xã hội và chính trị của miền Nam từ 54 đến 75; trong tinh thần đó *Văn học miền Nam tổng quan* là một cuốn sách giá trị: phong phú về giai thoại, dồi dào về hình ảnh, sắc sảo về nhận xét, linh động và hấp dẫn người đọc.

Độc giả cảm nhận mỗi tiểu đoạn của tác phẩm như những bài tạp luận ngắn, trong đó phần luận và phần phiếm xen kẽ, phần tài liệu và phần nhân chứng hòa hợp với những nhận xét, đôi khi sâu sắc, tinh tế, sinh động; đôi khi mỉa mai, châm biếm về xã hội miền Nam, về tình hình chính trị của miền Nam, về tình trạng sinh sống của giới cầm bút, các nhóm, tình hình độc giả, nghề xuất bản, báo chí; những đặc điểm của lối sinh hoạt ấy, điều kiện ra đời của một số tác phẩm, cách sống của một số nhà văn, tâm tình của họ... Đôi khi ông lật lại dĩ vãng để so sánh, đôi khi ông ngoảnh ra miền Bắc để thấy sự khác biệt, dị hợm.

Lối viết linh hoạt ấy Võ Phiến sở trường, người đọc tìm thấy không khí chính trị và văn học miền Nam đầy sinh lực của một cơ thể cường tráng lúc đầu, trở thành bệnh hoạn, của một miền Nam rã rời vì chiến tranh, sa ngã trong tệ đoan xã hội khi đã đến hồi xụp đổ.

Đôi chỗ là những dòng ký thác tâm tình một thế hệ cũ (Nhất Linh) còn đó mà như đã ra đi, một thế hệ mới (Sáng Tạo) vừa đến, bừng bừng sức sống, muốn mở đường cho văn học nhưng chưa định ra chiều, tìm ra hướng.

Đôi chỗ góp nhặt những mẩu tâm tình đắng cay hay bù khú của một số nhà văn viết báo, viết bạo – Nói theo Thụy Vũ, phải "đi khách" để kiếm tiền – tạo ra những tác phẩm "không phải là văn chương".

Võ Phiến đã phản ánh được khá nhiều bộ mặt và tâm trạng con người trong một thời thế mà tiền bạc trà trộn vào nhân phẩm, chết chóc rình mò mỗi đầu con lộ.

*

Một vài vấn đề cần đặt lại với nhà văn:

1. *Phái tính của độc giả: độc giả đổi giống và trụt tuổi.*

Võ Phiến nhiều lần đề cập đến phái tính và tuổi tác của độc giả, ông viết: *"Như chúng ta đã biết, người độc giả tiêu biểu của giai đoạn 54–63 là đàn ông, sau giai đoạn sau 63 là đàn bà, là con gái, rồi lại là thiếu nữ"* (tr.230).

"Thật vậy, đầu thời kỳ, những kẻ đọc Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến... phải là đàn ông, cuối thời kỳ đám độc giả trung thành của tủ sách "Trăng Mười Sáu" Nhã Ca, độc giả của Lệ Hằng, của sách dịch Quỳnh Dao... Chắc là thuộc phái thứ hai [...].

... Giai đoạn trước là của những Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Bình Nguyên Lộc, Mặc Đỗ... Không một ai trong số ấy có hạng tri kỷ vị thành niên cả. Không có thiếu niên nào khoái đọc "Thần Tháp Rùa", "Mưa Đêm Cuối Năm", "Bốn Mươi"... Sau đó là giai đoạn của Nhã Ca "Bóng Tối Thời Con Gái", của Nguyễn thị Hoàng, của Hoàng Ngọc Tuấn "Hình Như Là Tình Yêu"... tức là của nam nữ thanh niên thuộc tuổi đôi mươi. Sau nữa, đến giai đoạn của Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, của Nhã Ca "Trăng Mười Sáu", của Hoàng Ngọc Tuấn "Thư Về Đường Sơn Cúc"... là giai đoạn của tuổi sợ ma, tuổi biết buồn, tuổi thích ô mai, của "tuổi ngọc", tuổi ngu ngơ...

Gớm, mới hồi nào người lớn làm văn chương để thưởng thức với nhau, nói toàn chuyện cao xa, chẳng thèm biết đến các oắt tì kia muốn gì; bây giờ bao nhiêu danh sĩ xúm ùa nhau tán tụng o bế các cô các cậu kỹ quá. Cả văn cả nhạc cùng nhau gây thành một cao trào thiếu nhi: lão nhạc sĩ Phạm Duy độ ấy cũng xoắn xuýt hơi nhiều xung quanh "tuổi mười ba, tuổi mười bốn" không sao?

Kể ra đổi giống và trụt tuổi là chuyện xảy ra ở khắp nơi, là chuyện thường tình, thuận lẽ [...].

...Người ta phải hãnh diện về vai trò của đàn bà và trẻ em trong sinh hoạt văn nghệ nước nhà. Tuy nhiên, về mặt nghệ thuật, chuyện không hẳn luôn luôn đáng mừng. Tôi nghĩ đến trường hợp những tác giả bị các độc giả "thân ái" của mình nắm tay lôi tụt theo, lôi từ tuổi cao xuống tuổi thấp, từ một tuổi trung niên đầy tâu tư xuống một lứa tuổi ô mai nũng nịu hay toe toét chẳng hạn" (tr.84–85–86).

Trên thực tế, các giai đoạn văn học không thể lần lượt kế tiếp nhau theo tuổi tác một cách giản dị và đơn thuần như thế.

Thời kỳ đầu (từ 54 đến 63) xuất hiện những tác phẩm như Thần Tháp Rùa (Vũ Khắc Khoan), Chữ Tình, Mưa Đêm Cuối Năm, Đêm Xuân Trăng Sáng (Võ Phiến) Đêm Giã Từ Hànội, Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời (Mai Thảo), Bếp Lửa (Thanh Tâm Tuyền), Bốn Mươi (Mặc Đỗ), Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử (Nguyễn Mạnh Côn), Ký Thác (Bình Nguyên Lộc)... dành cho độc giả trí thức (cả nam lẫn nữ). Đồng thời có những tác phẩm dễ hơn của Nhật Tiến, Doãn Quốc Sĩ, Duy Lam, Linh Bảo, Nguyễn thị Vinh... dành cho thanh thiếu niên hoặc độc giả trình độ vừa. Những tác giả kể trên, trừ một vài người, phần đông vẫn giữ phong cách viết của mình trong thời kỳ sau. Thiếu nhi, luôn luôn thiếu sách, trừ sách giáo khoa và loại sách hồng dịch Contesse de Ségur hoặc các truyện thần thoại.

Độc giả của Duyên Anh, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Hoàng Ngọc Tuấn... thuộc một thành phần khác, phức tạp và cần được phân tích cặn kẽ hơn cũng như hiện tượng "tuổi ô mai", tuổi sợ ma, tuổi mười ba, mười bốn... liên hệ tới văn minh tiêu thụ.

Hiện tượng Quỳnh Dao (độc giả nữ) đi song song với hiện tượng Kim Dung (độc giả nam).

Thời kỳ sau, từ 64 đến 75, các tác phẩm giảm trình độ, theo tôi, không phải vì các lý do: độc giả đổi phái (từ nam ra nữ) hay trụt tuổi (từ người lớn xuống con nít). Nguyên nhân có lẽ phức tạp và cần tìm hiểu kỹ càng hơn.

Ở miền Nam, hệ thống báo chí phát triển trước 54, vì số người bình dân đọc báo cao. Vũ Bằng ghi tâm lý người đọc:

"Tâm lý người đọc báo xứ mình – Nhất là ở miền Nam – rất là phức

tạp. Họ muốn đọc những tin tức giựt gân, nhưng lại không ưa cái kiểu viết tin cụt lủn. Tin tức phải nhiều, mà lại viết dài dòng một chút, điểm một tí văn chương lại càng hay, ngoài ra, phải có xã thuyết thì mới là báo đứng đắn, có một tí ti "hạt muối", "cuốn phim" nói đụng chạm đến người này người nọ, một hai bài khảo cứu – mà lại phải khảo cứu đọc dễ dàng mà nhẹ và vui – ở trang trong tí ti thơ, truyện ngắn và nhất là truyện dài xã hội, ái tình thật nhiều, vô lý cũng được, nhưng cần nhất là phải lâm ly, rùng rợn, hồi hộp, say mê, gay cấn" (Vũ Bằng, bốn mươi năm "nói láo" tr.205)

Một sự kiện khác: sự hiện diện của tiểu thuyết rẻ tiền cũng từ rất sớm, sau 54 Vũ Bằng đã nhận thấy: "*Đa số độc giả ở đây (trong Nam) đều say mê những đoạn tả vú vê với những bàn tay xiết chặt, hơi thở hổn hển với những bộ đùi dài, trắng nõn dạng ra, những con mắt lim dim với những tiếng rên rỉ, lâm ly trong đêm khuya hiu hắt gió vàng... Nên một số ký giả được hình hương chỉ vì lúc nào cũng xen vào trong tiểu thuyết, phóng sự những câu văn nhạm nhở làm giựt gân người đọc*" (Vũ Bằng sđd tr.225)

(chữ "đa số" của Vũ Bằng cần được xem lại)

Tiểu thuyết rẻ tiền là một hiện tượng xã hội, kể cả các xã hội được gọi là "lành mạnh" hoặc "tân tiến" không thể quy nạp là thứ sản phẩm của chiến tranh, vì đàn ông bận chiến trận, *đàn bà viết rất "bạo" cho đàn bà* (nhàn rỗi và có tiền) *đọc thấy thích như mó vào trái cấm*, như lời ông Mặc Đỗ, báo Văn số ra ngày 8–6–73.

Thêm vào đó, ảnh hưởng văn minh tiêu thụ Tây phương càng ngày càng trầm trọng với sự hiện diện của người Mỹ. Âu châu cũng bị ảnh hưởng ấy, trước ta, vào khoảng những năm sau chiến tranh (45–50), các phim ảnh, sách hình, truyện trinh thám, khoa học giả tưởng... Những thứ giống như văn hóa mà không phải văn hóa (paralittérature) mà Võ Phiến đã nhắc đến trong các chương văn hóa Tiêu Khiển, Truyền Thông và Thương Mại (tr.225–230).

Học sinh mỗi ngày một nhiều, số thanh thiếu niên có tiền túi tiêu riêng mỗi ngày một gia tăng, đưa đến một thị trường tiêu thụ sách báo phong phú hơn trước.

Từ đó phát sinh một số nhà văn có khuynh hướng thương mại, viết nhanh, viết truyện ăn khách cho mọi lứa tuổi. Trong khuynh hướng ấy, ở những thời điểm, mức độ và sức hấp dẫn khác nhau có: Hoàng Hải Thủy, Văn Quang, Chu Tử, Duyên Anh, Nhã Ca, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ...

Một số nhà văn giá trị khác như Mai Thảo, Bình Nguyên Lộc, Túy Hồng... trước viết cẩn thận, sau không "giữ mình" nữa, cũng xông vào viết *feuilleton*, Túy Hồng kể về trường hợp mình:

"Một người đàn bà sùng bái văn chương như tôi, lòng một tấc để mà tâm niệm "văn chương là sứ mạng thiêng liêng gắn liền với quê hương" nay bỗng dưng viết tiểu thuyết rẻ tiền cho các báo hàng ngày, tôi quyết định vậy vì tôi yêu Thanh Nam hơn hết những người tôi yêu. Một hoặc hai năm, nhà văn cho ra đời một tryện dài thì tác phẩm có giá trị, đằng này, anh viết như cái vòi rồng, như đấu võ rừng, anh phá sản mất rồi. [...]. Tôi lấy một người viết feuilleton nên tôi phải viết feuilleton để bằng người ấy... giữ gìn ngòi bút làm chi? Phá luôn!"

và viết về Thụy Vũ:

"Thụy Vũ kể lại chuyện bị một ông chủ báo đe nẹt:

– Cô Thụy Vũ phải viết như thế này mới lôi cuốn độc giả: đầu tiên vào phải cho hai nhân vật làm tình ngay: thời gian là mười lăm phút, không gian là từ phòng khách vô tới phòng ngủ, hai nhân vật phải làm tình ba lần.

Vốn là cô gái miền Nam thẳng tính, Thụy Vũ đốp lại ngay:

– Trong mười lăm phút mà làm tình ba lần, ông làm thử có được không?"

(Túy Hồng, "Đến khi mất tiếng nói", Văn Học số 5 tháng 6–86).

Tóm lại, hiện tượng tiểu thuyết "tuổi ngọc", tuổi sợ ma... Nhắm vào lớp thanh thiếu niên; các sách dịch của Quỳnh Dao và Kim Dung nhắm vào độc giả người lớn; tiểu thuyết nhật trình nhắm vào độc giả bình dân; tiểu thuyết rẻ tiền và những phim ảnh khiêu dâm nhắm vào thị hiếu một số người khác...

Những hiện tượng ấy phát triển cùng một lúc với văn minh tiêu

thụ, không thuộc vào phái tính hoặc sự trụt tuổi của độc giả hoặc khán, thính giả.

Đồng thời, với sự phát triển văn hóa Tây phương, độc giả trí thức được hưởng sự phổ biến rộng rãi các tác phẩm giá trị ngoại quốc (dịch hoặc nguyên tác) với những trào lưu tư tưởng của thế kỷ hai mươi: khuynh hướng siêu thực, triết thuyết Các Mác, triết học hiện sinh, tiểu thuyết mới...

Cho nên, nói chung, giai đoạn sau, độc giả sống trong môi trường văn hóa đa dạng hơn giai đoạn trước về cả phẩm lẫn lượng: sáng tác giá trị trong nước có thể không phong phú bằng giai đoạn trước nhưng bù lại những tác phẩm ngoại quốc làm dồi dào thị trường chữ nghĩa, cho phép độc giả đủ mọi tầng lớp tìm thấy món ăn tinh thần hợp khẩu vị của mình.

*

2. *Chính quyền Ngô Đình Diệm:*

Điểm thứ hai khiến chúng ta thắc mắc là cái nhìn lạc quan của Võ Phiến về chính quyền Ngô Đình Diệm.

Dưới ngòi bút Võ Phiến "*rõ ràng chính quyền lúc bấy giờ là một chính quyền được mến yêu, và lãnh tụ là một nhân vật được tin tưởng (tr.163). Đối với Tổng thống Diệm, dân chúng "biểu tình đông đảo, công kênh nhau chờ đón nhẫn nại bên đường*" (tr.162) và "*ở miền Nam trong hai mươi năm tuyệt nhiên không có thứ thơ văn ca ngợi lãnh tụ, xưng tụng các nhân vật quyền thế*" (tr.41).

Một mặt khác, tuy không thích kiểm duyệt, nhưng Võ Phiến cũng sẽ sẵn sàng bênh vực chế độ kiểm duyệt báo chí dưới thời đệ nhất Cộng hòa. Ông cho rằng *Mục Kiểm Duyệt* không có vẻ gì hung tợn cả, hơn nữa vì *kế hoạch phá hoại hiểm độc của nhiều cán bộ văn hóa Cộng sản nằm vùng, cho nên, chế độ kiểm duyệt bấy giờ không phải là không cần thiết* (tr.95–96).

Tổng thống Ngô Đình Diệm có lệ khi ông hay bà Ngô Đình Nhu đi kinh lý, học sinh các trường trung tiểu học công lập được nghỉ để đi đón ở hai bên vệ đường, tay cầm cờ xí tung hô, vậy việc *biểu tình đông đảo* để đón lãnh tụ không chứng tỏ sự mến yêu lãnh tụ đến từ lòng dân;

mà dù cho nếu có thật chăng nữa, cũng chỉ là chuyện đáng buồn, biểu hiện trình độ dân trí thấp.

Về mặt ca ngợi lãnh tụ, tiêu biểu có Thanh Nam đặt lời cho bản nhạc "Suy Tôn Ngô Tổng Thống" với những câu "Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống Muôn Năm" hát kèm với bài quốc ca.

Tổng Thống Diệm chủ trương độc đảng (Cần Lao Nhân Vị); kiểm duyệt báo chí; kỳ thị tôn giáo; triệt hạ đối lập, bỏ tù các ông Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán... kết án tử hình Hồ Hữu Tường, Nhất Linh tự tử vì chống chính quyền. Hồ Hữu Tường nhờ viết cho tạp chí song ngữ Anh – Pháp Pacific, xuất bản tại Paris, được giới trí thức ngoại quốc biết tiếng, nên năm 1957, khi bị kết án tử hình, Albert Camus kêu gọi các nhà văn, trí thức, học giả ký giấy yêu cầu đình chỉ án lệnh xử tử. Về việc thủ tiêu Nguyễn Phan Châu, Hồ Hữu Tường viết:

"Còn Tạ Chí Diệp, đến năm 1963, mới bị mật vụ của Ngô Đình Diệm bắt cột lại quăng xuống sông Nhà Bè. Độc giả mới đọc sơ qua, chắc lấy làm lạ vì trên mặt báo, không có tên này. Nhưng mà, độc giả ắt sẽ không còn ngạc nhiên, nếu biết rằng Tạ Chí Diệp ấy đích thị là Nguyễn Phan Châu" (*).

(Bốn mươi mốt năm làm báo, Hồ Hữu Tường, tr. 174)

Ở một lập trường đối lập, Vũ Bằng nhìn chế độ kiểm duyệt báo chí và suy tôn lãnh tụ dưới thời Tổng thống Diệm:

"Hầu hết các báo đều hiền như con cừu. Gan lắm thì im lặng, không công kích, không nói bóng nói gió một câu đến chính quyền, còn lại bao nhiêu báo khác thì a dua, nịnh bợ không tiếc lời, hơn thế, lại còn tiếc là sao chữ Việt mình nghèo quá, để cho mình không đủ chữ để mà nịnh cho thực đã... Vì thế, ta đã thấy có ông nhà báo xin đến ngâm thơ cho Tổng thống nghe; có ông đề nghị lập tượng Tổng thống ở chợ Bình tây và có ông được Tổng thống tiếp kiến về viết bài ca tụng Tổng thống, ví Tổng thống với mặt trời trong dinh Độc Lập. [...].

...Ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng, các đường phố một số mật báo viên, có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chính phủ, ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hễ thấy viết một câu nào xa

xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón Cộng sản lên đầu, cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù lòa, què quặt, bán thân bất toại" (Vũ Bằng, sđd, tr.207–209).

Cái nhìn lạc quan của Võ Phiến và bi quan của Vũ Bằng nói lên hai quan điểm đối chọi nhau của nhà văn về chính quyền Ngô Đình Diệm, tượng trưng cho ý niệm dân chủ thực sự trong một quốc gia: trung bình với các con số kề cận 50, xấp xỉ trên 50% ủng hộ chính quyền, xấp xỉ dưới 50% đối lập với chính quyền.

Tổng thống Ngô Đình Diệm đắc cử ở miền Nam với những tỷ lệ từ 80% đến 90% số phiếu và phương cách thống trị của đảng Cộng sản ở miền Bắc: đối lập 0%. Những con số ấy nói lên thực trạng của hai chữ tự do và dân chủ trên đất nước từ 1954, và còn kéo dài đến ngày nay.

*

3. Về mặt thi ca Võ Phiến nhận định "*một nền thi ca không tình ái*".

Theo ông, thi ca miền Nam không được mọi người chú ý đến, không được ngâm nga, không được in lại... vì "*người đời đa số thích ngâm nga những câu tình tứ, hoa mỹ, không mấy ai ưa thích những lời học hắc, đắng cay*" (tr.286).

Nhận xét của Võ Phiến có phần hơi khe khắt. Võ Phiến không thích thơ tự do, không ưa thơ "mới" (tức thơ hiện đại), ông trích dẫn những câu thơ không đẹp của Nguyễn Đức Sơn. Có người hỏi: khi làm công việc phê bình, người ta còn có quyền "thích" nữa hay không? Dường như không.

Thi ca miền Nam có khía cạnh dằn vặt, đau khổ của thời cuộc; khó hiểu, khúc mắc của triết lý; bi đát, thảm khốc của chiến tranh; mang dấu vết những quằn quại suy tư về thân phận con người và cũng có *khía cạnh muôn thuở của tình yêu...*

Thi ca miền Nam đa dạng hơn thi ca trước 45. Thơ miền Nam của những Đinh Hùng, Hoàng Trúc Ly, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư... về tình yêu nhiều câu đắm say, nồng

nàn, tha thiết lắm, nhưng lối diễn tả khác trước, thường thường mới hơn, không trau chuốt bằng, nhưng thật hơn, gần gụi với rung động con người hơn.

Thi ca miền Nam không được mọi người biết đến vì những lý do:

– Trong đời sống văn minh vật chất của thế hệ này – không phải chỉ riêng ở miền Nam, mà ở đâu cũng vậy – người ta không có thì giờ để ngâm nga mấy câu thơ hay. Lớp trẻ không viết thư tình, họ điện thoại cho nhau hoặc nghe nhạc tình để nhớ nhau.

– Sở dĩ chúng ta thuộc thơ thời kỳ trước 45, phần lớn nhờ công trình của Hoài Thanh – Hoài Chân trong Thi Nhân Việt Nam cũng như chúng ta biết rõ về văn học Việt nam trước 45 hơn là biết về hai mươi năm văn học miền Nam nhờ Vũ Ngọc Phan đã lựa chọn, nhận định tường tận từng tác giả trong Nhà Văn Hiện Đại, một công việc phi thường mà sau này chưa ai thực hiện được.

Khi soạn Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh – Hoài Chân viết: "*Lắm khi xem một trăm bài thơ, chỉ có một bài trích được. Tôi đã đọc tất cả một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở*" (Thi Nhân Việt nam, tr.392).

Hiện nay chưa có ai làm công việc kiên trì ấy cho nền thi ca miền Nam sau 54, những bài thơ hay không được phổ biến, cho nên chúng ta chưa biết thực thụ và cặn kẽ bộ mặt của thi ca miền Nam từ 54 đến 75 ra sao.

*

Will và Ariel Durant, sau khi viết xong bộ sử thế giới, tự hỏi: "*Công lao khó nhọc của mình có cống hiến được chút gì không?*" vì "*phần lớn lịch sử là những điều phỏng đoán, phần còn lại là những thành kiến*".

Những cái nhìn về dĩ vãng, khó có thể khách quan và trung thực vì làm sao chúng ta biết được *đích xác* những gì *đã* xảy ra quanh mình? Cho nên, một sự kiện văn học hay lịch sử có thể nhìn dưới nhiều khía cạnh khác nhau, qua những ngòi bút khác nhau, với những nhạy cảm khác nhau. Nêu lên những vấn đề trên đây với nhà văn là để trình bày với độc giả những cái nhìn khác quan điểm của Võ Phiến, không phải

để khen chê, cũng không phải để phủ nhận cái công trình khó nhọc và khó khăn của tác giả, mà chỉ là một cách *tìm hiểu* và mở rộng tác phẩm.

*

Trong nghề phê bình văn học, viết tổng quan rất khó, khi phải tổng hợp những phê phán thành từng trào lưu văn học sử. Các nhà phê bình ít khi thành công trong việc này, như trường hợp bài tựa của Hoài Thanh – Hoài Chân trong Thi Nhân Việt nam và bài Tổng Quan của Vũ Ngọc Phan đăng trên báo Tiền Phong số ngày 16–12–1945.

Võ Phiến không chuyên phê bình, và đi từ tùy bút, truyện ngắn, luyện cái nhìn cục bộ, tập trung nhãn tuyến vào một chi tiết thành tác phẩm; khi thành công, chi tiết ấy trở thành biểu tượng. Người viết văn học sử, ngược lại, thoạt tiên phải có cái nhìn toàn bộ, rồi từ "tổng quan" đó, chọn những tác phẩm tiêu biểu đồng quy về một nhận định. Võ Phiến phải khó khăn lắm mới vận dụng được một lúc hai quy luật và không phải lúc nào ông cũng thành công.

Nghiệm cho cùng, các nhà văn nhà thơ hiện đại, không mấy ai viết về văn học sử. Võ Phiến giải thích lý do: *"Riêng phần tôi, trót múa may vung vít khá nhiều, bây giờ viết về thời kỳ văn học đó mình lại "nhận định" về những hoạt động của mình thì sự lố lăng biết để đâu cho hết"* (Tựa, tr.17).

Vì tránh "nhận định" mình, nên Võ Phiến cũng ngại nhận định và đánh giá người khác, do đó, ông đặt các nhà văn trên một bình diện gần như ngang nhau.

Võ Phiến viết *"Văn học miền Nam"* dưới hai ngòi bút: ngọn bút của nhà văn và ngọn bút của người nhận định nhà văn. Tác phẩm, vì thế, mang hai tính chất: ngọn bút phóng khoáng, hóm hỉnh của nhà văn Võ Phiến đi quanh co vào chi tiết, mô tả kỹ càng những giai thoại; châm biếm, cợt nhả với những hình hài "ngộ nghĩnh" trong bức tranh mình vừa mới vẽ; ngọn bút nhận định nhà văn (hay ngọn bút phê bình văn học) điều chỉnh lại những "quá đà" nếu có – ở những chương, đoạn đứng đắn, nghiêm chỉnh, mang tính chất hài hòa lại cho tác phẩm. Tuy nhiên, sự tránh nhận định, đánh giá người đồng thời và kể

khai các nhà văn trên một bình diện ngang nhau khiến người đọc lạc vào tác phẩm như một khu rừng, không tìm thấy những câu trả lời chính xác của một tác phẩm văn học sử.

*

Tầm quan trọng của "*Văn học miền Nam*" nằm ở chỗ: là tác phẩm đầu tiên viết về thời kỳ 54–75, là tác phẩm mở đường cho một giai đoạn văn học, cho một thế hệ thiếu phê bình.

Văn học miền Nam:

– Giúp người đọc có một ý niệm rộng rãi về *hai mươi năm sinh hoạt văn học* trong bối cảnh chính trị và xã hội của miền Nam.

– Giúp cho người đi sau, muốn viết phê bình, có một điểm tựa, một cái nền, một căn bản, từ đó tìm tòi, lựa lọc, đào sâu vấn đề một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Điểm cuối cùng là *tấm lòng* của Võ Phiến đối với văn học, *tấm gương* cần cù và nhẫn nại của một đời người hết lòng với chữ nghĩa và quê hương.

Tấm lòng và *tấm gương* ấy mở rộng trong *Văn học miền Nam* và trải dài trong toàn bộ tác phẩm Võ Phiến.

Chú Thích:

(*) Tạ Chí Diệp là thí sinh đầu tiên đỗ tú tài triết học tại Huế (1945) (khi Hoàng Xuân Hãn tổ chức thi thử bằng Việt ngữ). Việt minh lên nắm chính quyền, Tạ Chí Diệp ra Hànội theo Hồ Chí Minh vào hoạt động tại khu V. Ở đây, Tạ Chí Diệp móc nối với Nguyễn Hữu Lộc, hoạt động trong nhóm Quang Thùy, một tổ chức ngầm trong nội bộ của Việt minh, chủ trương "theo kháng chiến, chống thực dân". Đến khi Việt minh theo Tàu thì đám Quang Thùy chống Tàu, và chống luôn Cộng sản. Nhóm Quang Thùy bị bắt, các tay lãnh đạo bị kết án tử hình. Tạ Chí Diệp cùng người chú là Tạ Quang Phùng thoát được. Vượt biển từ Qui nhơn vào Sàigòn, đổi tên là Nguyễn Phan Châu làm giáo sư Việt văn. Nguyễn Phan Châu làm báo Đông Phương với Hồ Hữu Tường, báo Đông Phương in bản thuyết trình "*Thuyết trình về trung lập chế*" có ảnh hưởng mạnh trong và ngoài nước (Theo Hồ Hữu Tường, bốn mươi mốt năm làm báo).

VÁCLAV HAVEL

nghĩ về kafka

*

Lời tòa soạn: *Václav Havel, kịch tác gia, đương kim tổng thống Tiệp khắc, đọc bài diễn văn trên đây khi ông được trường đại học Hebrew ở Jerusalem chọn trao tặng bằng tiến sĩ danh dự hồi tháng Tư năm 90 vừa qua. Bản dịch dựa theo bản Anh ngữ của Paul Wilson đăng trên tạp chí The New York Review of Books số ra ngày 27-9-90*

Đây không phải là cấp bằng tiến sĩ danh dự đầu tiên tôi được trao tặng, nhưng lần nào tôi cũng mang một tâm trạng tương tự: một cảm giác xấu hổ thực sâu đậm trong lòng tôi. Việc học vấn của tôi bị gián đoạn nhiều, do đó tôi mang mặc cảm không xứng đáng, và cũng vì thế tôi đón nhận cấp bằng này như món quà tặng kỳ lạ, như cái gì khiến tôi không chế ngự được nỗi hoang mang. Tôi có thể dễ dàng tưởng tượng ra một người trông rất quen thuộc xuất hiện bất cứ lúc nào, giật mảnh bằng ra khỏi tay tôi, túm lấy gáy tôi và ném tôi ra khỏi phòng, bởi vì tất cả đều là sự nhầm lẫn chất chồng lên do sự to gan lớn mật của chính tôi.

Tôi chắc quý vị đã biết lối diễn tả kỳ quặc này của tôi đang dẫn tới đâu: tôi muốn dùng cơ hội này để thú nhận mối liên hệ gần gũi và lâu bền của tôi với một trong những đứa con hiển hách nhất của dân tộc Do thái: nhà văn Franz Kafka, sinh thời sống ở Praha. Tôi không phải là người chuyên môn về Kafka, và tôi không nhiệt tình đi tìm đọc thứ văn chương hạng hai nói về ông. Tôi cũng không thể nói tôi đã đọc tất cả những gì Kafka viết ra. Tuy vậy, tôi dám đoan chắc về lý do đặc biệt khiến tôi thấy gần gũi với Kafka: đôi khi tôi có cảm tưởng chỉ có

tôi mới là người thực sự thấu hiểu Kafka, và không ai khác cất công làm cái việc để các tác phẩm của ông trở nên dễ hiểu hơn cho tôi. Thái độ hơi thiếu nghiêm túc trong việc tìm hiểu tác phẩm của ông bắt nguồn từ cảm giác mơ hồ của tôi là tôi không cần phải đọc đi đọc lại những gì Kafka viết vì tôi đã biết rõ những gì trong đó rồi. Ngay cả trong tôi, tôi cũng nghĩ là giá Kafka không hiện hữu, và giá tôi là nhà văn có ngòi bút hay hơn thì chính tôi cũng đã viết được những gì Kafka viết.

Những gì tôi vừa phát biểu nghe có vẻ kỳ quặc, nhưng tôi chắc quý vị biết tôi muốn nói gì. Điều tôi muốn nói là ở Kafka tôi tìm thấy một phần những kinh nghiệm của riêng tôi về thế giới, về chính tôi và về sự có mặt của tôi trên cõi đời này. Một cách ngắn gọn và tổng quát, tôi sẽ cố nêu ra ở đây đôi ba dạng thức tương đối dễ định nghĩa của những kinh nghiệm này.

Một trong những kinh nghiệm đó là cái cảm giác thấy mình đáng tội, một cảm giác sâu thẳm, vô định và vì thế hết sức mơ hồ, như thể ngay chính sự hiện hữu của tôi cũng là một thứ tội lỗi nào đó. Rồi là cảm giác rất mạnh về sự cách biệt nói chung, từ chính tôi và từ những gì chung quanh vốn là nguyên nhân gây nên cảm giác đó, một kinh nghiệm về sự trấn áp không sao chịu đựng nổi, một nhu cầu lúc nào cũng phải tự giải thích, tự chống chế về mình với một ai, một cõi lòng mơ ước được thấy lại sự trật tự không sao hoàn tất của sự vật, sự mơ ước gia tăng khi dải đất tôi bước qua ngày càng trở nên hỗn loạn. Đôi khi tôi thấy có nhu cầu xác định lại lai lịch của mình bằng cách hét vào mặt người khác để đòi hỏi quyền lợi của mình. Dĩ nhiên, sự phẫn nộ như thế thực tình không cần thiết, và thường nó cũng chẳng lọt đến tai người cần được nghe, nó vĩnh viễn tan biến vào những hố đen chung quanh tôi. Bất cứ cái gì tôi va chạm đều trước tiên cho thấy bề mặt phi lý của nó. Tôi có cảm giác lúc nào cũng lọt lại đằng sau lưng những nhân vật đầy quyền lực và lòng tự tin, những người tôi không bao giờ có cơ vượt lên chứ đừng nói là mô phỏng cho giống. Tôi thấy tôi đáng ghét, chỉ đáng làm trò cười cho người ta nhạo báng.

Tôi có thể nghe quý vị đang phản đối - rằng tôi đang tự đặt mình

vào những quan niệm này của Kafka chỉ vì trên thực tế tôi là một người hoàn toàn khác biệt: một người chiến đấu âm thầm và bền bỉ cho một điều gì, một người mà lý tưởng của hắn ta đã đưa hắn ta lên đến địa vị nguyên thủ một quốc gia.

Vâng, tôi chịu nhận, một cách nông cạn, tôi có vẻ như đối nghịch với tất cả những gì gọi là K. - Josef K., người trắc địa K., và Franz K. - mặc dù tôi vẫn trung thành với tất cả những gì tôi nói về tôi. Tôi chỉ muốn thêm, theo ý kiến của tôi, chính cái cảm giác sâu thẳm nhất này của tôi, cái cảm giác bị loại trừ, không thuộc về một nơi chốn nào, không được thừa hưởng một gia tài nào đã là động lực tiềm ẩn thúc đẩy mọi nỗ lực kiên trì trong tôi. Hơn nữa, tôi cũng có thể nói rằng chính niềm ước mơ tuyệt vọng mong mỏi một trật tự nào đó đã khiến tôi tiếp tục lao đầu vào những cuộc phiêu lưu bấp bênh, trắc trở. Tất cả những gì đáng kể mà tôi thực hiện được, tôi hoàn tất chỉ để che đậy cái cảm giác tội lỗi gần như siêu hình của tôi. Lý do trung thực đằng sau sự việc lúc nào tôi cũng phải sáng tạo nên điều gì, tổ chức xếp đặt một việc gì chỉ vì tôi muốn mình chứng cho cái quyền được phép hiện hữu mà thôi, một quyền lợi luôn luôn bị đặt câu hỏi nghi ngờ.

Quý vị có thể thắc mắc một người nghĩ về mình như thế lại có thể làm tổng thống một quốc gia được ư? Điều đó mâu thuẫn lắm, nhưng tôi chịu nhận một điều là nếu ở địa vị tôi ngày hôm nay tôi là một tổng thống tốt hơn những người khác, chỉ bởi vì ở đâu đó dưới những tầng lớp sâu kín nhất của công việc tôi đang làm có thường trực nỗi nghi hoặc về con người tôi và về sự chính đáng tôi cầm quyền trong tay. Tôi là loại người mà quý vị không chút mảy may ngạc nhiên nếu đang giữa thời hạn làm tổng thống, tôi bị gọi lên và điệu ra chịu xét xử trước một tòa án mờ mờ bóng tối, hay bị dẫn thẳng đến một công trường đập đá. Tôi cũng không ngạc nhiên chút nào nếu tôi đột nhiên nghe tiếng chuông báo hiệu và thức giấc thấy mình nằm trong xà lim của nhà giam, và rồi, với nỗi bàng hoàng chưa tỉnh, tôi đi kể cho những người bạn tù của tôi nghe tất cả những gì xảy đến cho tôi trong vòng sáu tháng qua.

Càng ở thấp, vị trí tôi có vẻ càng phù hợp. Càng ở trên cao, tôi

càng nghi hoặc nhiều về sự nhầm lẫn nào đó đã xảy ra. Và mỗi bước đi trên con đường này, tôi đều cảm thấy thuận lợi cho tôi xiết bao khi làm tổng thống mà biết được là vào bất cứ thời điểm nào, và rất chính đáng, tôi cũng có thể bị đẩy ra khỏi chức vụ của tôi.

Đây không phải là một bài diễn từ, cũng không phải một bài tiểu luận. Đây chỉ là đôi điều tản mạn ngắn ngủi về Kafka và về chức vụ tổng thống của tôi. Thiết tưởng, thật thích hợp khi những điều này được diễn tả ở Jerusalem trong trường đại học Hebrew bởi một người Tiệp. Có lẽ, tôi đã ném xuống bàn nhiều lá bài hơn là tôi muốn ném, và có lẽ những cố vấn của tôi sẽ phản đối tôi dữ dội. Nhưng sự sẵn sàng để bị phản đối cũng chính là một thí dụ khác cho thấy sự thuận lợi của cái ảo giác khi tôi luôn luôn chuẩn bị cho những điều tệ hại nhất xảy ra.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn quý vị đã dành cho tôi cái vinh dự này, và sau khi nói ra những gì ở đây, tôi thấy thực xấu hổ phải lập lại rằng tôi đón nhận niềm vinh dự đó với một cảm giác vô cùng xấu hổ.

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán si và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

TRƯƠNG VŨ

người đọc sách với cái thật, giả trong văn(1)

*

Gần đây, trong những tranh luận về chuyện có hay không có một phong trào văn chương phản kháng tại quốc nội, một số luận cứ hay tiêu chuẩn đã được trình bày nhằm làm nền tảng thẩm định sự *có, không* hay *thật, giả* của một phong trào văn chương. Tôi sẽ không bàn đến trong bài này là "có hay không có một phong trào văn chương phản kháng tại quốc nội" hay "cái tính phản kháng của những tác phẩm thuộc phong trào đó thật hay giả, và nếu thật, thì phản kháng đến đâu". Tôi chỉ muốn trình bày một số quan điểm của cá nhân mình, một người đọc sách, về một số thái độ, luận cứ, hay tiêu chuẩn phán đoán mà tôi nghĩ là cần được xét lại. Tựu trung, những điều tôi trình bày sẽ quy tụ quanh cái liên hệ giữa những sáng tác văn học với những người đọc sách cùng với vị trí và khả năng của họ trong việc nhận diện cái thật, giả trong văn.

Chúng ta thường nghe nói đến những bản tuyên ngôn hay thông điệp chính trị xây dựng trên sự gian dối hay phát sinh từ những tham vọng cá nhân đã lường gạt được cả một hay nhiều thế hệ. Nhưng, không mấy ai nghe nói đến khả năng lường gạt có tính quy mô của một sáng tác văn học. Lý do có thể rất đơn giản: những sáng tác văn học muốn đạt giá trị cao về nghệ thuật khó thể được xây dựng trên những suy nghĩ và cảm xúc không thật. Và, nếu vì lý do nào đó, người cầm bút xây dựng tác phẩm của mình trên sự gian dối, cái gian dối đó sẽ rất khó đánh lừa được cùng một lúc khối óc và con tim của người đọc sách. Ngoại trừ trường hợp, người đọc sách là một người chưa trưởng thành, hoặc, trong cả đời anh ta, anh chỉ đọc được độc nhất có một loại sách. Người Cộng sản biết rõ điều đó. Họ biết được rằng những

sáng tác xây dựng trên sự gian dối mà họ muốn phổ biến không có khả năng chinh phục người đọc nên chỉ còn có cách là dùng bạo lực ngăn chận không cho người dân của họ đọc bất cứ loại sách vở nào khác. Đốt sách vở hay tịch thu sách vở không do Cộng sản xuất bản là những chuyện thường thấy ở Việt nam sau ngày 30 tháng Tư 1975. Tuy nhiên, kết quả đã hoàn toàn không như ý muốn của họ. Sách vở tuyên truyền cho chế độ Cộng sản không chinh phục được lòng người. Dân chúng vẫn công khai hay lén lút đọc sách của những tác giả không Cộng sản. Và, tùy hoàn cảnh, tùy tài năng, và ở những mức độ khác nhau, người viết có lương tri vẫn tìm cách bày tỏ được với người đọc những suy nghĩ hay cảm xúc chân thật của mình. Thực tế là như vậy, nhưng không phải người chống Cộng nào cũng đồng ý với nhau là người Cộng sản đã thất bại trong việc sử dụng văn chương như một vũ khí tuyên truyền cho chế độ. Một số người chống Cộng, vì không tin rằng Cộng sản đã thất bại trong lãnh vực này, nên cảm thấy có nhu cầu phải bảo vệ người đọc, nhất là người đọc ở hải ngoại, chống lại những ảnh hưởng không tốt của sách vở Cộng sản. Không ai dám bảo thiện ý bảo vệ người đọc như thế này là sai quấy. Điều sở dĩ phải nói đến ở đây là thường khi những phương thức được áp dụng hay những thái độ bày tỏ đã đi quá đà để phạm đến những lỗi lầm không nhỏ. Lỗi lầm ở mức độ *trí thức* như, để biện minh cho quan điểm của mình, đã nêu ra những luận cứ dựa trên những sự kiện không đúng với sự thực. Lỗi lầm ở mức độ *nhân bản* như, không tỏ được sự độ lượng tối thiểu đối với đồng bào đã sinh ra hoặc lớn lên trong chế độ Cộng sản không do sự lựa chọn của họ, đòi hỏi quá nhiều cái khí phách và lòng hy sinh của người khác mà quên nghĩ đến cái khí phách và lòng hy sinh của chính mình. Lỗi lầm ở mức độ *ý thức* như, coi thường sự hiểu biết về Cộng sản và trình độ phán đoán chính trị của đồng bào mình ở hải ngoại, xem họ như những trẻ thơ cần ngăn cản không cho lại gần đống sách cấm. Lỗi lầm ở mức độ *chiến lược* và *chiến thuật* như, thay vì khai thác tận cùng bất mãn của những người đang phục vụ chế độ, lại tìm mọi cách chứng minh rằng những người này thật ra rất thương yêu chế độ, và dùng những từ ngữ không tốt đẹp dành cho họ khiến cho những đồng bào lớn lên trong chế độ Cộng sản nhưng có sự tự trọng và kiêu hãnh rất

bình thường về khung cảnh trưởng thành của mình, cho dù bất mãn chế độ đến đâu cũng sẽ khó cảm thấy thoải mái để đứng chung chiến tuyến với những người đã trưởng thành trong một hoàn cảnh xã hội khác. Và, tệ hại nhứt là lỗi lầm ở mức độ *lý tưởng* như, nhân danh lý tưởng tự do để tước đoạt tự do của người khác.

Có rất nhiều điều cần xét lại. Tuy nhiên, trong giới hạn của phần trình bày ở đây, tôi sẽ chỉ bàn đến những vấn đề liên hệ đến tương quan giữa người đọc sách và cái thật, giả trong văn.

Điều tôi muốn bàn đến trước tiên là một luận cứ khá phổ biến cho rằng phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở 1956 mới đích thực là một phong trào phản kháng vì có *tính cách tự phát*, trong khi đó phong trào "văn chương phản kháng" được bàn đến ở thời điểm này chỉ là một phong trào văn nghệ cởi trói do Nguyễn văn Linh khởi động, sách của họ được phép xuất bản, họ vẫn được tiếp tục ăn lương, và chưa có ai ở tù.

Tôi muốn khẳng định ở đây một điều. Đó là, *phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đích thực là một phong trào phản kháng*. Tuy nhiên khi khẳng định điều này tôi chỉ có thể dựa trên nội dung của chính những tác phẩm văn chương của phong trào đó. Sự khẳng định sẽ không hợp lý nếu đòi hỏi thêm yếu tố là phong trào đó phải có tính tự phát chớ không được quyền nương theo những khe hở của một chủ trương chính trị nào đó rồi mới bùng lên sự phản kháng. Sự khẳng định cũng sẽ không hợp lý nếu dựa trên sự kiện là sách của phong trào đó được xuất bản công khai hay xuất bản chui, và hoàn toàn trở nên khôi hài nếu dựa vào yếu tố là những nhà văn phản kháng phải thất nghiệp, chớ không được lãnh lương. Thực tế, trong suốt hai năm kể từ lúc khởi đầu vào 1956 đến khi chấm dứt vào 1958, những nhà văn thuộc Nhân Văn Giai Phẩm là những người có lãnh lương và tất cả những bài văn thơ mà chúng ta có được hiện nay đều xuất hiện trên những báo chí xuất bản công khai. Tuy nhiên, điều tôi muốn nói ở đây là cái luận cứ cho rằng phong trào Nhân Văn Giai Phẩm có tính tự phát để dựa vào đó phủ nhận tính phản kháng của phong trào văn chương hiện tại là một luận cứ không phản ảnh sự thật.

Nếu xét đến những vụ nổi dậy quy mô và có tính dây chuyền trong thế giới Cộng sản, chúng ta phải nghĩ đến hai mấu thời gian: 1956 và 1989. Ở cả hai, sự khởi dậy đều nổi đi từ Đông Âu. Ở 1956, sự nổi dậy thất bại sau khi bị đàn áp nặng nề và có những trường hợp đẫm máu như cuộc nổi dậy ở Budapest (Hung gia lợi) và Poznan (Ba lan). Ở 1989, sự nổi dậy không bị đàn áp ở Đông Âu, ngoại trừ Romania, cuối cùng thành công ở Đông Âu, và ảnh hưởng dây chuyền của nó còn tiếp tục tung hoành ở các quốc gia còn lại trong khối Cộng sản, kể cả Liên sô. Có một điều giống nhau ở hai cuộc nổi dậy. Đó là, sự nổi dậy sở dĩ có được và lớn mạnh được là nhờ nương theo một chủ trương chính trị có tính cởi trói của Liên sô. Ở 1956, đó là chủ trương xét lại của Khrushchev. Ở 1989, đó là Perestroika và Glasnost của Gorbachev. Trở lại biến cố 1956. Một năm trước đó, *Bài Thơ Cho Người Trưởng Thành* của nhà thơ Ba lan, Adam Wazyk, xuất hiện trên tạp chí Văn Hóa Mới ở Warsaw, ngày 21 tháng Tám 1955, như một phát súng đầu tiên của cuộc cách mạng trí thức Đông Âu. Bài thơ đó đã làm thức tỉnh những người cầm bút có lương trl trong toàn thế giới Cộng sản. Ngay sau đó, văn nghệ sĩ ở các quốc gia Đông Âu bắt đầu đòi hỏi quyền sáng tác theo lương tâm của người cầm bút. Sự đòi hỏi sở dĩ không bị đàn áp mạnh vào lúc đó cũng một phần do chủ trương nới lỏng chính trị tương đối ở Liên sô sau khi Khrushchev lên cầm quyền nhằm giải tỏa phần nào những bất mãn quá lớn tích tụ trong suốt thời kỳ Stalin. Đến tháng Hai 1956, Khrushchev chính thức hạ bệ Stalin và ban hành chủ trương xét lại. Tháng Ba năm đó, tuyển tập Giai Phẩm Mùa Xuân xuất bản tại Hànội trong đó có một bài thơ nổi tiếng của Trần Dần, bài *Nhất Định Thắng*, đã gây tức tối cho những người cầm quyền Cộng sản. Tuy nhiên, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm chỉ thực sự bắt đầu ồ ạt sau khi Giai Phẩm Mùa Thu tập I do cụ Phan Khôi chủ trương, ra mắt vào ngày 29 tháng Tám 1956 và bán nguyệt san Nhân Văn số I ra đời ngày 15 tháng Chín 1956. Như vậy, cả hai cùng xuất hiện sau hoặc cùng lúc với đợt học tập đầu tiên về chủ trương xét lại của Liên sô do Hànội phát động vào tháng Tám năm đó, sau khi đặc sứ Mikoyan của Khrushchev đến Hànội vào tháng Tư để giải thích chính sách này, cũng như sau khi Mao Trạch Đông ban hành chính

sách Trăm Hoa Đua Nở ở Trung quốc, và sau khi những tạp chí phản kháng tương tự ở Đông Âu, như tạp chí Tháng Năm của Tiệp khắc ra đời vào tháng Năm năm đó. Cuối cùng, cũng giống như số phận của những nhà văn phản kháng khác trong thế giới Cộng sản, những nhà văn phản kháng Việt nam đều bị đàn áp. Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm kéo dài được hai năm, kể cả thời gian họ viết cho báo Văn, tờ báo chính thức của đảng Cộng sản Việt nam. Một điều không lấy gì làm hãnh diện nhưng cũng cần phải được nhắc lại ở đây, là trong suốt thời gian hai năm đó, kể từ lúc phong trào được khởi xướng cho đến lúc hoàn toàn bị triệt hạ, *những người cầm bút ở miền Nam Việt nam đều im tiếng*, mặc dù lúc đó miền Nam có đường dây theo dõi những sinh hoạt ở miền Bắc và các nhật báo ở miền Nam, như tờ Tự Do, có một mục đặc biệt hằng ngày nói về các sinh hoạt ở miền Bắc(2). Nhưng, khi các nhà văn của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm thua cuộc và đa số phải viết bài nhận tội, thì một số nhà văn miền Nam lên tiếng phê bình họ là thiếu khí phách. Điều may mắn là một năm sau đó, nghĩa là ba năm sau khi phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bắt đầu xuất hiện, cuốn sách đầu tiên và duy nhất của miền Nam viết về biến cố này một cách quy mô, do cụ Hoàng văn Chí soạn, xuất bản ở Sàigòn(3). Kể từ đó, miền Nam chính thức công nhận Nhân Văn Giai Phẩm đích thực là một phong trào văn chương phản kháng tại miền Bắc.

Thật rất dễ đánh giá một phong trào phản kháng sau khi nó đã kết thúc. Thật rất dễ ca ngợi một người hùng sau khi biết chính xác người đó đã thực sự ngồi tù hay đã nằm yên trong lòng đất. Cái khó khăn là sự can đảm nhận diện những sự việc như vậy trong khi nó đang xảy ra. Đó là điều mà chúng ta đang làm ở đây khi cố gắng nhận diện những gì đang thực sự xảy ra trên quê hương. Và đặc biệt, trong trường hợp này, cố gắng, nhận diện và đánh giá một dòng văn chương tại quốc nội. Nhận diện và đánh giá một cách nghiêm chỉnh và can đảm. Có thể bực dọc và dè dặt nhưng cũng có thể thương yêu và nhạy bén. Có thể lo âu nhưng cũng có thể hy vọng. Và, tôi cũng đồng ý với rất nhiều người là có rất nhiều cái *có thể* ở đây nữa. Có thể những nhà văn như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Dậu, Phạm thị Hoài... chỉ là

một "lũ văn nô" làm công việc tuyên truyền cho chế độ. Có thể là cái phong trào văn chương phản kháng này chỉ là một thứ "phản kháng quốc doanh" do Nguyễn văn Linh bày ra. Nhưng để biện minh hay phủ nhận những cái "có thể" đó, người đọc sách phải trực diện với chính tác phẩm. Truyện Kiều hay, dở là do cái giá trị từ tự thân của tác phẩm và ở nơi người đọc có cảm nhận được cái hay, dở đó không. Không ai bảo truyện Kiều hay, dở là vì lúc tạo dựng nên tác phẩm vĩ đại này, cụ Nguyễn Du có gian díu với ai không, và lúc đó, cụ thích vua Lê hơn, hay chúa Trịnh hơn, hay người hùng Nguyễn Huệ hơn, hay cụ được ai mớm ý cho, hay cụ có lãnh lương hay thất nghiệp.

Nguyễn văn Linh mời gọi mọi người tham dự vào các chương trình đổi mới cũng giống như Gorbachev và các lãnh tụ Cộng sản Đông Âu mời gọi dân họ tham dự vào Perestroika và Glasnost hay những chương trình đổi mới tương tự. Dĩ nhiên, không phải những người lãnh đạo Cộng sản này bỗng dưng trở nên nhân ái mà chỉ vì đó là cách duy nhất để bảo toàn được quyền lực của đảng họ càng nhiều càng tốt, hay ít ra, cũng bảo toàn được sinh mạng cho chính họ. Đây không phải là chuyện đổi mới theo đúng nghĩa của nó mà chỉ là một trò chơi chính trị mới, ít nguy hiểm hơn cho cả đôi bên. Những người phản kháng chế độ Cộng sản ở Đông Âu chấp nhận tham dự trò chơi này không phải là vì họ nhẹ dạ, mà vì họ tin rằng đó là một cơ hội lớn để họ phục hồi sức mạnh và cuối cùng họ có thể đánh gục chế độ. Và họ đã tính đúng. Những đòi hỏi, lúc đầu của họ rất khiêm nhường, chỉ đòi hỏi thực thi hoặc phản kháng chế độ đã không thực thi đúng những hứa hẹn của chủ trương đổi mới. Để rồi, sau khi có thêm hậu thuẫn quần chúng và sau khi củng cố được lực lượng, họ đòi thêm, và cứ thế, họ đòi cái cuối cùng, tức *sự hủy bỏ vai trò lãnh đạo chính trị của đảng Cộng sản để xây dựng một chế độ chính trị đa nguyên*. Có thể có người muốn chủ trương đòi hỏi cái cuối cùng ngay lập tức. Tuy nhiên, cho đến nay, chỉ thấy phương thức đầu thành công mà không thấy phương thức sau thành công. Cơn bão chính trị 1989 khác hẳn cơn bão chính trị 1956. Nhiều người lại thích lấy cái phản ứng của người Cộng sản ở 1956 để đánh giá phản ứng của người Cộng sản ở 1989 cũng như khư khư đòi đem cái phương thức chống Cộng đã thất bại ở 1956 áp dụng vào chuyện

chống Cộng ở 1989 mà lờ đi cái phương thức mới vừa thực sự mang lại thành công. Ở quanh thời điểm 1956, uy tín của nhà văn phản kháng Nga, Boris Pasternak, bị triệt hạ và ông ta liên tục bị khủng bố tinh thần cho đến khi chết. Ở 1989, uy tín của Pasternak hoàn toàn được phục hồi ở Nga, sách của ông được nhà nước xuất bản và được ca tụng không hết lời. Và, khi người trí thức phản kháng Sakharov từ trần, ông trùm Cộng sản Gorbachev cũng đã biết ngỏ lời ai điếu rất "bi thương". Cho nên, thật khó dựa vào phản ứng của người Cộng sản ở 1989, hay sau đó, để nhận diện cái thật, giả của một nhân vật phản kháng hay một phong trào phản kháng. Một ngày nào đó, có thể Nguyễn văn Linh là đạo diễn chính cho những vở tuồng bắt bớ hay ca ngợi một số nhân vật nào đó đúng theo những mưu toan nào đó của ông ta. Những giả, thật sẽ lẫn lộn với nhau, và nếu chúng ta không bằng cái thông minh của chính mình để đánh giá từng trường hợp, từng con người, mà chỉ xem Nguyễn văn Linh bỏ tù ai thì hoan hô và thăng chức ai thì đả đảo, thì coi chừng, chính chúng ta sẽ phải trả một giá quá đắt cho chính thái độ chính trị đơn giản đó.

Việt nam không nhất thiết phải giống Đông Âu. Nguyễn văn Linh có thể gian manh hơn Gorbachev. Những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần văn Thủy... có thể chỉ là những "văn nô", và văn chương của họ đầy rẫy những gian dối. Nhưng, để đánh giá cái dòng văn chương đó, để nhận diện những gian dối đó trong văn, anh phải trực tiếp nhìn vào tác phẩm của họ. Và, phải chính anh, người đọc sách, bằng khối óc của anh, bằng con tim của anh, anh đánh giá được cái thông minh hay ngu xuẩn của người viết và cảm nhận được cái xúc động chân thành hay giả dối của họ. Và, có thể, anh sẽ đồng ý với một người phê bình văn học là Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương quả thật tài hoa, và Trần Mạnh Hảo với tác phẩm Ly Thân thì chỉ có phản kháng mà thiếu văn chương. Cũng như, có thể anh sẽ không đồng ý với một nhà phê bình nào đó coi Hoàng Phủ ngọc Tường cũng là một nhà văn phản kháng vì anh nhận ra rằng văn chương của ông Tường còn kém cỏi và chứa đầy rẫy mặc cảm. Dĩ nhiên, anh vẫn có thể lầm. Nhưng, thà anh trả giá cái lầm lẫn cho sự thiếu thông minh, thiếu sắc bén của chính anh, còn hơn là phải trả giá cái lầm lẫn cho sự nô lệ một

cách máy móc vào phản ứng có tính toán của kẻ thù, hay cho cái ngu xuẩn của người khác.

Việt nam có thể không giống như Đông Âu. Nhưng nhìn vào những diễn biến chính trị đang tiếp tục xảy ra trên toàn thế giới kể từ 1989, ta có thể tiên đoán là Việt nam có nhiều sác xuất để giống Đông Âu hơn là giống A phú hãn. Và tự thâm tâm, tôi mong Việt nam sẽ không là A phú hãn. Không phải tôi sợ súng đạn. Cũng không phải tôi sợ đẫm máu. Nhưng, nếu ở Đông Âu, tôi đã thấy được sự thành công của những người chống Cộng thì ở A phú hãn, cho dù với nhân lực và vũ khí dồi dào như vậy, hiện thời không mấy ai tiên đoán được ngày nào kháng chiến quân sẽ trở về thủ đô Kabul của họ trong vinh quang. Ở Tiệp khắc, không một giọt máu đổ. Ở A phú hãn, máu đổ hằng ngày, và, cuộc đổ máu lớn nhất lại không phải do đánh nhau với kẻ thù mà lại do thanh toán nhau trong nội bộ, khi một lực lượng kháng chiến quân phục kích tiêu diệt toàn bộ một lực lượng kháng chiến quân khác không cùng hệ phái. Tuy nhiên, lý do chính để tôi mong Việt nam giống như Đông Âu hơn là vì, khi thẳng thắn với chính mình, tôi thực sự không tin là sức mạnh của chúng ta còn là sức mạnh ở súng đạn nữa, trong khi sức mạnh súng đạn của kẻ thù vẫn y nguyên đó. Cho nên nếu vì chiến lược buộc phải đánh địch ở nhiều mặt khác nhau, thì mặt trận chính vẫn không nên là mặt trận của súng đạn. ***Sức mạnh của chúng ta là ở cái đầu và con tim. Và, ở những nơi này, người Cộng sản yếu nhất.*** Chính những ý thức về văn minh, về tiến bộ, về tự do, về dân chủ, cùng với khát vọng được sống một đời có phẩm cách của mọi con người ở thời đại này đã đánh gục chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Âu, chớ không phải là súng đạn. Nhưng, nếu muốn đánh gục Cộng sản như ở Đông Âu thì không thể quên được tầm quan trọng của các phong trào phản kháng, bao gồm văn chương phản kháng, cùng với ý thức trách nhiệm và trình độ hiểu biết của người dân. Nếu dân trí Việt nam thật cao, tình trạng Việt nam sẽ gần với Tiệp khắc. Nhưng, nếu dân trí thấp, tình trạng của Việt nam sẽ gần với Romania, hay tệ hơn. Đọc sách và tự do lựa sách để đọc là một phương cách để nâng cao dân trí. Còn hơn thế nữa, đó là một nhu cầu không thể thiếu và không nên thiếu, trong đời sống tinh thần của mỗi con người.

Đối với người Việt nam đang sống đời lưu vong ở hải ngoại, trong một hoàn cảnh mà những nghi kỵ đối với tất cả những gì xuất phát từ quê hương vẫn còn quá lớn, thì những sáng tác văn chương phải nằm trong số những sản phẩm tinh thần được dụng đến trước tiên. Bởi vì, cái gian dối ở đâu tôi không dám nói, cái gian dối trong văn rất khó đánh lừa được ai.

Chú Thích:

(1) Về các chi tiết liên quan đến Nhân Văn Giai Phẩm, tác giả dựa vào cuốn *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản tại Sàigòn năm 1959, Trưởng ban biên tập là Hoàng văn Chí. Về các chi tiết liên quan đến các phong trào phản kháng ở Đông Âu trước 1970, tác giả dựa vào cuốn *Czechoslovakia, Since World War II* của Tad Szule, do The Viking Press (New York) xuất bản.

(2) Trong thực tế, có thể có những cá nhân đã lên tiếng về biến cố này trong thời gian đó. Tuy nhiên, con số này chắc phải rất ít để không tạo được một âm vang nào đáng kể để có thể xem là một sự cộng hưởng của giới cầm bút miền Nam đối với phong trào phản kháng ở miền Bắc.

Sách *Hai Mươi Năm Qua, 1945–1964: Việc Từng Ngày* của Đoàn Thêm (nhà xuất bản Xuân Thu ở California tái bản) có ghi nhận biến cố Quỳnh lưu và một cuộc biểu tình lớn ở Sàigòn ngày 13–11–1957 kỷ niệm một năm ngày Quỳnh lưu. Trong sách, có rất nhiều ghi nhận dành cho biến cố Budapest cũng như phản ứng của miền Nam về biến cố này. Chẳng hạn, ngày 9–11–56, hội Nạn nhân Cộng sản Việt nam gửi Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc *một bức thư viết bằng máu* ủng hộ cuộc khởi nghĩa Hung gia lợi. Sau đó, ngày 28–11 và 11–12, lần lượt gửi tặng tị nạn Hung gia lợi số tiền hai triệu rưỡi đồng Việt nam và bảy chục ngàn Mỹ kim. Cuốn sách ghi rất đầy đủ những chuyện từng ngày liên hệ đến đời sống chính trị và xã hội Việt nam. Ghi đủ, từ việc thành lập hội Văn Bút Việt nam ngày 21–10–57, đến việc Đại tá Townsend được gặp người yêu tại Clarence House ngày 26–3–58. Nhưng, *vẫn không có một ghi nhận nào dành cho Nhân Văn Giai Phẩm hay phản ứng của miền Nam đối với Nhân Văn Giai Phẩm từ ngày phong trào này khởi xướng cho đến khi kết thúc.* Tuy nhiên, sau khi phong trào kết thúc, có vài ghi nhận về phong trào này, kể cả việc các đoàn thể Văn hóa Sàigòn ra tuyên ngôn ngày 15–6–58 bảo vệ Tự do Văn hóa, chống lại chính sách đàn áp văn hóa của Hànội (Xem các chương 1956, 1957 và 1958).

(3) Theo giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, ngoài cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc đã dẫn ở chú thích (1), còn có ít nhất hai tài liệu khác nói về biến cố này, trong đó có một tài liệu viết bằng tiếng Anh cũng của cụ Hoàng văn Chí.

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

CHƯƠNG IX

NGUYỄN ĐỨC LẬP

Chỉ tay vô cái ghế ở trước mặt, ông chủ Thạnh biểu Hai Quờn:

– Bay ngồi xuống đó đi.

Hai Quờn vẫn đứng ké né, có hơi bối rối:

– Bẩm chủ, chủ cứ dạy...

Giọng của ông chủ Thạnh cứng rắn hơn:

– Thì bay cứ ngồi xuống đó đi.

Hai Quờn e dè nhìn chủ, y rất ngạc nhiên về thái độ của chủ. Mọi lần, cần sai bảo y một điều gì, ông chủ Thạnh chỉ cần nói một vài câu ngắn gọn, rồi y cứ y kỳ theo đó mà thi hành. Chưa bao giờ y được phép ngồi đối diện với chủ để bàn bạc chuyện nhà.

Không thể đừng được, Hai Quờn phải ngồi xuống ghế. Dáng điệu của y bối rối, tội nghiệp. Vẻ mặt của y vừa nghiêm trọng, vừa sợ sệt. Lúng ta lúng túng, y không biết để hai tay vào đâu cho phải. Lúc đầu, y khoanh trước ngực, lưng thẳng băng như con nít đang sắp sửa trả bài trước một ông giáo già nghiêm khắc. Rồi, có lẽ, thấy như vậy hơi kỳ cục, hoặc không được thoải mái, y đan hai bàn tay vào nhau rồi kẹp ở giữa hai đầu gối. Ở thế ngồi nầy, cái lưng của y khum xuống, cong vòng.

Ngó điệu bộ của Hai Quờn, ông chủ Thạnh tủm tỉm cười. Ông nói bằng một giọng hòa hưỡn:

– Tao có nhiều chuyện muốn bàn với bay... Bay cứ ngồi cho tự

nhiên. Làm gì mà bay cúm rúm giống như tội nhơn đứng trước Tòa Áo Đỏ vậy?

Không nghe trấn an còn đỡ, nghe rồi, Hai Quờn càng bối rối hơn. Lý do nào mà y được hân hạnh ngang nhiên ngồi trước mặt chủ và bàn tay đôi chuyện nhà với chủ? Đã đành là y được chủ nuôi nấng từ hồi cha chết, được chủ thương yêu, tin cậy như con cái trong nhà, được chủ đứng ra cưới vợ cho, nhưng đối với y, chủ là chủ, tớ là tớ, trên dưới phải phân minh. Bất giác, y tự thấy mình quan trọng hẳn lên. Y lố mắt tròn vo, nhìn ông chủ Thạnh, chờ đợi.

Sau một cái tằng hắng, ông chủ Thạnh ân cần:

– Hai à, đường quyền Ngọc Trản dưới tay anh Hương Hào là đường quyền vô địch. Kể cả những tay sừng sỏ nhứt, chưa ai qua được ông thân của bay qua mười thế. Bay học được nghề ruột của cha, nhưng, bay giao đấu chơi chơi với bạn làng thì tao thấy, còn như phát triển hết tinh túy của đường quyền thì tao chưa hề thấy qua...

Không nắm chắc được chủ ý của ông chủ Thạnh, Hai Quờn nôn nóng:

– Bẩm chủ, "phụ nghiệp, tử năng thừa" chủ vẫn dạy. Con không bao giờ dám xao lãng chuyện luyện tập.

Ông chủ Thạnh gật gù có vẻ hài lòng:

– Ừ, "văn ôn, võ luyện", bay phải rán nhớ...

Đột nhiên, miệng lưỡi ông trở nên lơ lửng:

– Bay đã ở lâu trong nhà nầy. Tao vẫn coi bay như con. Tao với anh Hương Hào đãi nhau như bạn cố tri. Ảnh chết chỉ để lại có mình bay...

Mặt mũi của Hai Quờn bứt rứt ngó thấy. Y nghĩ rằng chắc là y đã phạm phải một lỗi lầm gì to lớn lắm, khiến cho ông chủ Thạnh phải ra lời giáo huấn. Y thểu não:

– Bẩm chủ, con có điều chi sơ xuất, xin chủ ra ơn chỉ dạy.

Ông chủ Thạnh lắc đầu:

– Không. Bay không có lỗi gì hết... Mà ví dầu bay có lỗi lầm gì đi

chăng nữa, là người trên trước, không lẽ tao lại để bụng mà chấp nhứt bay. Bay cứ nhớ lại đi, từ ngày bay vô ở nhà nầy, tao rầy la bay thì có, nhưng giận bay thì tuyệt đối không.

Cặp mông của Hai Quờn bắt đầu rọ rạy trên mặt ghế. Y cảm thấy khó chịu như bị ai đó bất nhơn bắt kiến vàng bỏ vô ống quần. Chưa bao giờ, nói chuyện với y mà ông chủ Thạnh lại dông dài rào trước đón sau như vậy hết. Y nhẩm lại trong đầu để xem một cách kỹ lưỡng rằng y có vô ý làm điều gì khiến cho chủ phải phiền hà hay không. Rõ ràng là không mà. Trong thời gian mấy tháng trở lại đây, không nói ra miệng nhưng y biết chủ có nhiều điều lo nghĩ. Có những lúc chủ ngồi thừ người, có những lúc chủ mò mẫm đi trong đêm tối. Tình trạng nầy, trước đây, không hề có ở chủ. Thấy chủ như vậy, bụng dạ y cũng rối rắm lăng quằng. Muốn hỏi chủ, để chia sớt nỗi lo với chủ, nhưng y không dám hé môi. Y chỉ còn biết bày tỏ lòng trung thành với chủ bằng cách cố gắng xốc vác thêm nhiều công việc trong nhà...

Điệu bộ nóng nảy không yên, nét mặt suy nghĩ của Hai Quờn, không qua khỏi đôi mắt của ông chủ Thạnh. Ông mỉm cười:

– Hai à, thời gian gần đây, trong nhà xảy ra lắm chuyện, mà ngoài đường, ngoài xá cũng không êm...

Hai Quờn rụt rè:

– Con thấy chủ có nhiều lo lắng...

Ông chủ Thạnh ngăn lại:

– Bay để tao nói hết...

Hai Quờn xẻn lẻn ngó xuống. ông chủ Thạnh tiếp liền:

– Nếu nói theo lúc bình thường, một mình bay, với đường quyền Ngọc Trản, dư sức bảo vệ nhà nầy. Lại thêm đám trai bạn trong nhà, nhiều đứa "nghề" cũng khá khiển.

Hai Quờn có hơi tự đắc:

– Bẩm chủ, con không dám thị võ nghề riêng mà khinh thường hết thẩy thiên hạ. Nhưng, con còn ở đây, Tư Hoài với Sáu Hộ còn ở đây, mấy đám trộm cướp lục lục thường tài không dám bén mảng tới đâu.

Ông chủ Thạnh trầm ngâm:

– Trộm cướp tầm thường làm sao mà dám tới làng nầy. Hương quản Thành, dưới tay ông thân bay mặc dầu, nhưng "nghề" của y không dễ có mấy tay giang hồ qua được.

Ông chợt thở dài:

– Trộm cướp thường tài, nói tới làm chi.

Ông lắc mạnh đầu một cái, như muốn xua đuổi một vài ám ảnh, rồi cả quyết:

– Tao muốn nhờ bay một việc.

Hai Quờn lại ngạc nhiên. trước nay, đâu bao giờ, nói với y, mà ông chủ Thạnh dùng tiếng "nhờ". Y mau mắn:

– Chủ cứ dạy.

Ông chủ Thạnh gật gù:

– Người ta nói: "người thượng trí thì chuyện chưa xảy ra đã biết rồi, còn kẻ hạ ngu thì chuyện xảy rồi mà vẫn chưa biết". Tao với bay chưa chắc là người thượng trí, nhưng đã ngóng hơi thấy chuyện, tức khắc mình phải lo mà đề phòng.

Ông chủ Thạnh nhìn sâu vô mắt Hai Quờn, nói gằn từng tiếng:

– Tao nói ra điều nầy, bay đừng tự ái gì hết thảy. Nhà mình cần phải tăng cường thêm vài người thầy võ và cần phải tổ chức phòng thủ cho nghiêm ngặt. Tất cả chuyện nầy, tao nhờ vô một tay của bay. Sự an nguy của nhà nầy, bay toàn quyền định đoạt.

Hai Quờn rùng mình. Y không ngờ được một trách nhiệm nặng nề như vậy mà ông chủ Thạnh lại giao phó vào tay y. Y vừa hãnh diện được chủ tin cậy tối đa, vừa lo lắng vì sợ nhiệm vụ không tròn, có thể di hại tới chủ. Còn đang lúng túng, y đã nghe ông chủ Thạnh nói tiếp:

– Bay chịu khó đi một chuyến, tìm vài người thầy võ, mời về đây...

Hai Quờn phân vân:

– Nhưng, con chưa từng giao thiệp hay qua lại ở ngoài đời. Làm cách nào con tìm cho được.

Ông chủ Thạnh buông nhẹ:

– Ông thân bay, hồi còn sống, giao thiệp rộng. Bay cứ việc từ đầu

mối đó mà phăng lần tới, ắt sẽ tìm ra... Không lẽ bạn bè cũ của ông thân bay mà bay không nhớ được một người nào.

Hai Quờn hăng hái:

– Chủ đã dạy như vậy thì xong lắm. Con đã biết chỗ mà đi... Nội nhật ngày mai, con sẽ lên đường...

Ông chủ Thạnh hài lòng:

– Ừ, bay sắp xếp, lấy một thằng bạn, chèo ghe cho bay đi.

Ông đứng dậy, vỗ vai Hai Quờn:

– Đây cũng là một lần cho bay tiếp xúc với giới giang hồ để học hỏi kinh nghiệm ở đời...

Sáng sớm hôm sau, Hai Quờn lên chào ông chủ Thạnh. Y được chủ trao cho một số tiền mặt bộn bàng, một số tiền mà từ nhỏ tới lớn, cho dù có nằm chiêm bao, y cũng chưa hề cầm được trong tay. Y lúng túng:

– Chủ đưa chi mà nhiều quá vậy?

Ông chủ Thạnh giải thích:

– Bay bước chưn ra ngoài, ắt có nhiều chuyện để xài. Người lễ nghĩa gặp nhau chốn trang nghiêm, còn khách giang hồ gặp nhau ở quán rượu.

Ông còn ấn vô tay Hai Quờn một cái gói nhỏ, bọc bằng giấy hồng đơn. Ông dặn:

– Đây là năm lượng vàng, bay giắt kỹ trong mình để phòng thân.

Hai Quờn không dám cầm:

– Tiền bạc đã quá dư, chủ còn đưa vàng cho con làm chi?

Ông chủ Thạnh nghiêm mặt:

– Người ta nói: "nội gia nô tỉ, xuất ngoại công khanh". Ở nhà, bay ăn uống như con đòi, đứa ở cũng được, muối sả, mắm kho quẹt cũng không ai nói, nhưng ra đường, qua lại chốn giang hồ, phải sống cho sang, ăn tiêu phải rời rộng, phóng tay như quan lớn, mới là phải phép.

Ông nói thêm cho Hai Quờn an lòng:

– Tao biết tánh bay vốn cần kiệm, nhưng, bay nên nhớ điều nầy,

gặp lúc phải xài, cứ vung tay cho được việc. Tiếc cái nhỏ, không làm được chuyện lớn đâu...

*

Hai Quờn đi rồi, ông chủ Thạnh truyền kêu Tư Hoài và Sáu Hộ lên cho ông dạy việc.

Tư Hoài vốn là con của một tá điền ở trong đất của ông chủ Thạnh lâu năm, y đã từng theo ông Hương hào Lỷ, cha của Hai Quờn, học nghề võ từ nhỏ và là đệ tử đắc ý của ông nầy. Đối với Hai Quờn, Tư Hoài có tình huynh đệ. Nhờ đó mà y được ông chủ Thạnh nhận vào giúp việc trong điền và giao cho phận sự chăm sóc lẫm lúa. Một tay y lo việc xuất nhập cũng như gìn giữ cho lúa trong lẫm khỏi bị hư mốc hay chuột bọ phá hoại. Học võ có thầy, nên tay nghề của y rất cứng, có lẽ so với Hai Quờn cũng không thua sút bao nhiêu. Y chuyên sử dụng một cây thương cán ngắn. Y thường nói, trường thương thì phải ngồi trên lưng ngựa mới mặc sức tung hoành được, chớ còn đánh bộ, nơi chốn chật hẹp, đoản thương giúp cho người sử dụng dễ day trở, công cũng như thủ. Tánh y trầm tĩnh và nguội lạnh. Ít có người thấy y hả hộng cười thoải mái. Có chuyện gì vui lắm, y cũng chỉ nhếch mép một chút mà thôi. Những người như vậy thường rất dễ mắc phải cái tật câu mâu khó tánh, nhưng y thì không. Chẳng qua là y quá hiền lành.

Còn Sáu Hộ lại là tay lang bạt kỳ hồ, một mình một chiếc ghe câu nổi trôi khắp xứ. Một lần, y mắc bịnh trầm kha, nằm mọp dưới ghe. Ghe trôi tấp vô bến của ông chủ Thạnh. Nhờ vậy mà y được cứu. Từ đó, y ở luôn tại nhà ông chủ Thạnh, được ông giao cho việc coi sóc trại mộc. Y là thợ khéo tay, tánh lại cần cù xốc vác, miệng thì có hơi lanh lợi, nhưng không có tánh tham lam. Vật gì có ai cho thì y mới lấy, bằng không, dù sờ sờ trước mắt, trong bụng thiệt là ham, y cũng không hề rớ tay. Y rất thân với Hai Quờn, đã nhiều lần ra tay giao đấu để thử tài nhau. "Nghề" của y cũng có hạng. Khí giới của y là cái mái chèo, làm bằng thứ gỗ gì không biết, nhưng cứng ngắt đen thui. Y nói suốt hơn nửa đời người, sống trên sông nước, y chỉ có cái mái chèo để hộ thân...

Có thể nói, ngoài Hai Quờn, ông chủ Thạnh đặc biệt tin cậy Tư Hoài và Sáu Hộ. Tuy nhiên, trước đây, ông ít khi ra mặt tiếp xúc thẳng với hai người nầy. Mọi lịnh lạc về công việc, Tư Hoài và Sáu Hộ đều nhận thẳng từ miệng Hai Quờn.

Nghe lịnh gọi, Tư Hoài và Sáu Hộ vội vàng lên trình diện chủ. Ông chủ Thạnh, ngồi trên một cái ghế dựa, có tay vịn, kê ở hàng ba, mà tiếp chuyện với hai thuộc hạ.

Trong khi Tư Hoài còn cóm róm, đợi chủ cho phép mới dám ngồi, Sáu Hộ đã vội vàng ngồi bẹp xuống bực thềm, bên cạnh cái ghế của ông chủ Thạnh. Vốn là tay giang hồ lịch lãm, Sáu Hộ không nệ những lễ nghi tiểu tiết bình thường. Tư Hoài ké né ngồi xuống, bên cạnh Sáu Hộ.

Ông chủ Thạnh mở lời, thong thả:

– Tháng rồi, công việc trại mộc làm cho chú Sáu bận rộn dữ.

Mắt Sáu Hộ hơi sáng lên, miệng lưỡi của y hể hả:

– Bà con gặp buổi ngặt nghèo, cho dù tận lực, cũng phải cố mà thôi. Vả chăng, đâu phải một mình tui mệt nhọc. Anh em bao nhiêu người cũng phải làm việc đêm ngày.

Ông chủ Thạnh mỉm cười. Sáu Hộ nói thêm:

– Tui vô tá túc, ăn cơm của chủ, ba năm có dư, tiền bạc rủng rỉnh mà ngày tối an nhàn. Được gánh vác chuyện cho chủ, lòng tui mới yên.

Ông chủ Thạnh có vẻ đăm chiêu:

– Tôi muốn khuếch trương trại mộc.

Sáu Hộ mau mắn:

– Phải vậy, bẩm chủ. Điều nầy, tui đã tính thưa với chủ từ lâu. Trại mộc để không, gặp dịp mới làm, thiệt là uổng. Vả chăng, mình phải lấy đó, giúp đó thì mới hợp lẽ. Không lẽ mỗi khi gặp chuyện, chủ đều phải xuất tiền ra mà bao bọc cho thiên hạ. Tiền bạc của chủ đâu phải là của kho. Trại mộc có thể sinh lợi được mà. Lấy cái lợi đó giúp cho thiên hạ, có phải là thuận lý hơn không?

Ông chủ Thạnh bâng quơ:

– Nhưng làm cái gì để sanh lợi?

Sáu Hộ hăng hái:

– Đóng xuồng. Dân miệt dưới bình bồng trên sông nước. Xuồng ba lá là phương tiện di chuyển ai cũng cần. Mình bán giá rẻ, lời ít, nhưng bán nhiều thành lời nhiều. Lâu lâu, gặp người nghèo quá, mình cho không một cái hay... vài cái, mình cũng không sợ lỗ. Giúp người nghèo như vậy mới thật là giúp... giúp cho người ta có xuồng có bọng, đi câu cá, trể tôm, sống được qua ngày. Khỏi sinh trộm đạo...

Dường như ông chủ Thạnh không mấy sốt sắng trước đề nghị của Sáu Hộ, mặc dầu cái ý kiến khuếch trương trại mộc do chính ông đề ra. Ông có vẻ bâng khuâng:

– Làm như vậy lại phải thêm người.

Sáu Hộ không thấy thái độ chần chừ của chủ. Y lanh lẹ đỡ lời:

– Việc đó, chủ để tui lo. Chỉ cần hai anh em phụ tay nữa, tui có thể cáng đáng mọi việc cho chủ. Làm việc gì cũng vậy, mới khuếch trương, không thể hao tốn nhiều, chưa cần phải kêu người ngoài.

Ông chủ Thạnh lửng lơ:

– Mấy lúc nay, hình như chú không có ngủ đêm ngoài trại mộc.

Sáu Hộ có hơi bối rối:

– Lẽ ra, chỗ ngủ của tui là ở ngoài đó. Tuy nhiên, vui anh, vui em, tui ôm nóp vô lẫm lúa, ngủ với Tư Hoài.

Từ suốt buổi, ông chủ Thạnh chỉ nói chuyện với Sáu Hộ, làm như không có mặt Tư Hoài ở đó. Tư Hoài thủ phận ngồi im. Chợt nghe Sáu Hộ nhắc tới tên, y hơi giựt mình, mặt lo lắng ngó thấy. Nghĩ rằng chuyện để cho Sáu Hộ ngủ trong lẫm lúa là một cái lỗi gì ghê gớm lắm, y lúng ta lúng túng tính tìm phương chống chế. Chưa kịp mở miệng, y đã nghe ông chủ Thạnh cười dễ dãi:

– Một mình, đêm đêm, thủ trại mộc cũng buồn, chú vô lẫm lúa, có anh có em, có bầu có bạn, cũng là phải. Vả lại, tôi cũng quá sơ tâm. Trại mộc trống trước hở sau. Lẽ ra, tôi phải sắp đặt một chỗ ở đàng hoàng cho chú ở ngoài đó.

Sáu Hộ vội đỡ lời:

– Bẩm chủ, không phải là vì trại mộc trống trải mà tui chê, không ngủ. Tui năm nay đã gần năm chục rồi, hơn ba mươi năm tui sống trên ghe. Mưa to gió lớn trên đầu ngọn sóng, tui còn chịu được... Đây là tại tui ham vui.

Y bỗng ngập ngừng:

– Vả lại... tui cũng có chút ý riêng...

Tư Hoài cục cựa thân mình, tằng hắng một tiếng lớn. Cặp mắt của ông chủ Thạnh bén như dao, hết liếc Tư Hoài, tới liếc Sáu Hộ. Ông hỏi vội:

– Ý chú là...?

Tư Hoài lại tằng hắng một tiếng nữa. Dường như y muốn ngăn Sáu Hộ, không cho nói tiếp. Chẳng biết có hiểu ý của bạn hay không, Sáu Hộ vẫn không chịu im miệng. Đôi lông mày hơi nhíu lại, cặp mắt hơi xa xăm, y thận trọng:

– Ở trong vườn nầy, đêm đêm, tại sao lại có những người đi lại một cách ngang nhiên? Họ đi mà chó không sủa. Cặp "khuyển vương Phú quốc" vốn thính hơi đệ nhứt, hai con "bạch khuyển huỳnh đầu" đâu phải là chó hạng nhì, vậy mà sao không con nào lên tiếng?

Đôi tròng mắt của ông chủ Thạnh đảo nhanh, nhưng, khẽ hít vô một hơi, ông lấy lại bình tĩnh liền. Sáu Hộ, không nhìn mặt chủ, dằm chiêu nói tiếp:

– Bẩm chủ, tánh tui thích giang hồ từ nhỏ. Tui mê cuộc đời lang bạt trên đầu sóng ngọn nước. Tui tưởng rằng tui sẽ ngang dọc bình bồng cho tới bạc đầu. Tới khi lâm cơn hoạn nạn, thập tử nhứt sanh, ghe trôi mà mình thủ cây xà bát không nổi, tui mới hiểu được tất cả cái bất trắc của cuộc đời vô định. Trong lúc nửa mê nửa tỉnh, tự nhiên, tui ao ước tìm một chỗ dừng chưn. Bởi vậy, khi phước đức ông bà còn sót lại, được chủ ra tay tế độ, tui đã xin ở lại đây...

Ông chủ Thạnh trầm ngâm. Dường như ông không hiểu ý Sáu Hộ. Tại sao, đang nói chuyện nầy, y lại nhảy qua chuyện khác? Ông im lặng để coi Sáu Hộ muốn nói cái gì. Và, ông nghe y dài dòng:

– Tánh tui vốn khác tánh người ta. Khi một mình, một chiếc ghe, "khỏe quơ chèo kéo, mệt quăng câu dầm", không làm phiền hà tới ai, trong bụng tui ung dung lắm. Một khi đã chịu ơn người khác, làm bận bịu người khác, lòng dạ tui bứt rứt không yên.

Như đã hiểu đôi chút cái ý mà Sáu Hộ muốn trình bày, ông chủ Thạnh vội chận y lại:

– Lưu lạc đã nhiều, đã hiểu đạo nghĩa giang hồ, tại sao chú còn cố chấp? Vả, sống trong điền đất của tôi, chú đâu có ngồi không. Tuy không chánh thức đặt để công việc cho chú, nhưng, bộ chú làm cái gì, tôi không biết sao?

Sáu Hộ gãi đầu:

– Bẩm chủ, xin chủ để cho tui nói hết một lần... Không mấy khi tui được ngồi trước mặt chủ. Phận của tui coi vậy mà khó, khách cũng không phải, mà kẻ ăn người ở trong nhà, cũng không phải... Ơn của chủ đối với tui thật là quá trọng, tui phải đền bù...

Trong cái hơi của Sáu Hộ, ông chủ Thạnh nghe như có hàm ý trách móc. Ông cảm thấy hơi phân vân. Kể từ khi cứu sống Sáu Hộ, chấp nhận cho y tá túc trong nhà, ông đã quá lơ là với y. Tài nghệ của y, ông có biết, nhưng ông coi y, bất quá, chỉ là tay lưu linh lưu địa, tấp vô nương tựa, ăn tạm nằm nhờ ở nhà ông một thời gian, rồi lại ra đi. Giao trại mộc cho y, nhưng ông không thèm dòm ngó. Thỉnh thoảng, cần bố thí cho ai một cái quan tài, ông chỉ cần xuống lịnh cho Hai Quờn giải quyết.

Giọng điệu của ông chủ Thạnh có hơi gượng:

– Chú cũng biết mà, tôi đâu có coi chú như kẻ ăn người ở...

Sáu Hộ gật đầu:

– Nội cái cách xưng hô, nói chuyện với tui, chủ đã cho tui thấy rõ điều đó. Bởi vậy, bụng dạ tui càng không an... Thấy trong vườn của chủ có người qua lại, rình rập, tui phải lưu tâm. Tui vô ngủ với Tư Hoài, một là để tránh sự hiềm nghi, còn hai là, để, nếu sự thế đảo đầu, có thể ở gần bên mà tiếp tay được cho chủ.

Ông chủ Thạnh chớp mắt cảm động. Té ra, Sáu Hộ là người đáng

quí. Tự thị là kẻ có mắt nhìn người, nhưng đối với y, ông nhìn không ra. Như muốn tạ lỗi, ông chủ Thạnh nghiêm giọng:

– Lẽ ra, tôi phải hiểu bụng chú từ lâu...

Đột nhiên, ông hỏi hơi lớn tiếng:

– Theo chú, những người qua lại trong vườn ban đêm là ai? Chó không sủa, biết đâu, đó là những người trong nhà, có việc ra vườn.

Liếc Tư Hoài một cái, Sáu Hộ nói mau:

– Thoạt kỳ thủy, tui cũng nghĩ như vậy. Kế, tui có nói với Tư Hoài, chính Tư Hoài cũng bàn với tui như vậy.

Ông chủ Thạnh có vẻ thoải mái:

– Vậy thì có gì mà chú phải lo?

Sáu Hộ quả quyết:

– Bẩm chủ, một đôi lần sau, tui thấy in tuồng như không phải. Người không có tập võ, cho dù đi nhẹ cách mấy, cũng có tiếng động. Đàng nầy thính tai như tui, cố lắng tai, cũng không nghe tiếng động nào hết. Vả chăng, chó khôn hạng nhứt mà không sủa, một là ắt phải người quen, còn không nữa, phải là tay cao thủ đệ nhứt, di hành mà chó không kịp đánh hơi. Đây, đã không phải là người quen rồi...

Ông chủ Thạnh thở ra một cái mạnh:

– Càng nói, chú càng làm cho tui hồ đồ, không hiểu cái gì hết...

Sáu Hộ bối rối:

– Bẩm chủ... coi chừng có kẻ gian rình rập... trộm cướp tầm thường, cho dù là đám Mười Hổ khét tiếng miệt Cần thơ, Vĩnh long cũng không đáng sợ... chỉ sợ gặp những tay cao thủ...

In tuồng như không thể im tiếng được nữa. Tư Hoài vọt miệng:

– Bẩm chủ, chú Sáu không có đặt điều nói bậy đâu.

Ông chủ Thạnh mỉm cười:

– Chú với thằng Tư đã nói, thì tôi mới nói. Mấy bữa rày, bụng tôi cũng có nhiều chuyện hồ nghi. Mà đã nghi thì phải phòng. Bởi vậy, tôi mới cho kêu chú với thằng Tư lên giáp mặt.

Sáu Hộ và Tư Hoài nôn nóng thấy rõ. Thì ra, khác với hai người

nghĩ, ông chủ Thạnh cũng đã biết chuyện. Và như vậy, chắc là ông cũng có kế hoạch.

Trước vẻ bôn chôn của hai người. Ông chủ Thạnh chậm rãi:

– Chú Tư phải làm một công mà đôi việc. Hồi nãy, tôi nói nên khuếch trương trại mộc, là có chủ ý. Chuyện khuếch trương là chuyện phụ mà chuyện dòm ngó bến sông, ban đêm ban hôm là chuyện chính. Tôi chưa nói rõ, là vì tôi chưa hiểu thấu hết bụng chú. Bây giờ thì tôi đã yên lòng cả mười mươi. Chú cứ làm như vầy. Chú kén bốn thằng bạn cho vừa ý chú, trong nhà cũng được mà kêu trong đám tá điền cũng được, ban ngày thì cưa cây xẻ ván, đóng xuồng đóng bọng gì, mặc ý chú, còn ban đêm...

Sáu Hộ mau mắn:

– Tui đã hiểu ý chủ...

Quay qua Tư Hoài, ông chủ Thạnh nói mau:

– Còn bay, bay phải hiểu, cái nầy không phải là đối phó với trộm đói đi xúc lúa, bắt gà. Bay coi bố trí bầy chó trong nhà. Con nào thả, con nào cột, con nào nhốt ở đâu, là phần bay phải lo. Thằng Hai đã đi khỏi, tối tối, sau khi đóng cửa, tắt đèn, bay chịu khó...

Tư Hoài đề nghị:

– Bẩm chủ, hay là tối tối, con ngủ ở hàng ba, trước phòng của chủ.

Ông chủ Thạnh lắc đầu:

– Mình lo phòng, mà thiên hạ không biết thì mới thiệt là phòng. Bay đừng để sơ hở, lộ ra một cái gì hết mới được...

Xây qua Sáu Hộ, ông chủ Thạnh dặn:

– Việc trại mộc, chú sắp xếp mà tiến hành, cần cái gì, chú cứ nói. Sớm chừng nào, tốt chừng nấy...

Sáu Hộ và Tư Hoài đứng lên, chào chủ.

Nhìn theo hai người cho tới khi họ đi khuất, ông chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Người chèo thuyền cho sư Tâm Đức ban đêm, chắc chắn không phải là Sáu Hộ rồi... vậy, là ai?

THƯ TÍN

● **Anh Phạm Việt Cường** (San Jose): Lóng rày mần ăn ra sao? Đừng nghĩ là đi học lại tức là có quyền quên phứt anh em. Miền chàng ở tuy hữu tình song, nhiều cạm bẫy. Liệu mà giữ thân.

● **Chị Trần Sa** (Toronto): Đi chơi vui nhỉ, vui chơi nên quên nhiệm vụ gửi bài cho Văn Học. Tập thơ với chừng ấy khuôn mặt săn sóc thì còn gì bằng. Thân.

● **Chị Nguyễn thị Khoa Phương** (Toronto): Bài đã đi trong số này. Ngần ngại gì mà không gửi tiếp. Thân.

● **Chị Trần Mộng Tú** (Washington): Lâu lắm mới được chị ghé thăm bằng một chùm thơ nhỏ. Văn Học tuy có thay đổi chút ít về nhân sự, nhưng, mọi thứ vẫn như cũ. Mong được chị công tác thân thiết hơn. Thân.

● **Anh Nguyễn Tấn Hưng** (North Carolina): Bắt đầu từ số báo này anh không phải lo chuyện viết thư về tòa soạn mà không biết phải đề tên ai cho đúng nữa. Nhưng thật ra, từ trước, anh vẫn không cần đề đúng tên ai cả. Miễn đúng địa chỉ là được rồi. Mong nhận được những sáng tác của anh. Thân.

● **Chị Thụy Khuê** (Pháp): Thành thật cám ơn về "món quà" bất ngờ chi gửi đến. Đúng là hạn hán gặp mưa rào. Thân.

Văn Học

GIỚI THIỆU SÁCH

● **Thơ Bùi Giáng:**

Tập thơ của Bùi Giáng, do nhóm Việt Thường ở Canada xuất bản. Sách dày 210 trang, gồm hai trăm bài thơ của nhà thơ Lá Hoa Cồn, tác giả hiện còn đang ở Việt nam. Tranh bìa Đinh Cường. Giá 12 mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Việt Thường, P.O. Box523 Station Placed'Armes, Montréal, Québec, H2Y-3H3, Canada

CÓ HAY KHÔNG:

- **một cao trào văn nghệ phản kháng trong nước?**
- **một khuynh hướng phủ nhận 40 năm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa?**
- **một tâm lý muốn phủ nhận, xóa sạch...?**

Muốn trả lời những vấn đề trên, xin độc giả tìm đọc tuyển tập:

TRĂM HOA VẪN NỞ TRÊN QUÊ HƯƠNG

một tuyển tập 800 trang khổ lớn, bìa bốn màu: 121 tiết mục: sáng tác và tham luận ● văn ● thơ ● ký ● kịch ● điện ảnh ● tài liệu báo chí trong và ngoài nước

★ phạm việt cường ● nguyễn mộng giác ● vũ hạ ● phan tấn hải ● christian hoche ● nghiêm xuân hồng ● phạm kim khải ● thụy khuê ● thập lang ● nguyễn đức lập ● trương đình luân ● hoàng sử mai ● thân trọng mẫn ● lê a mùa xuân ● hoàng chính nghĩa ● đỗ tha: nhiên ● hoang khởi phong ● nguyễn hưng quốc ● nguyễn văn sâm ● đỗ hữu tài ● nguyễn trần ngọc thu ● nhật tiến ● phạm trần ● bùi bảo trúc ● nguyễn bá tùng ● thi vũ ● trương vũ ●

viết và đọc về 79 tác giả trong nước

Giá sách: US$25.00. ngoài Bắc Mỹ xin kèm thêm US$4.00 cước phí
Check hay Money Order xin đề và gửi về:

LÊ TRẦN PUBLISHING CO.
P.O. BOX 2145
RESEDA, CA 91335
USA

Thời Văn

Đã phát hành:

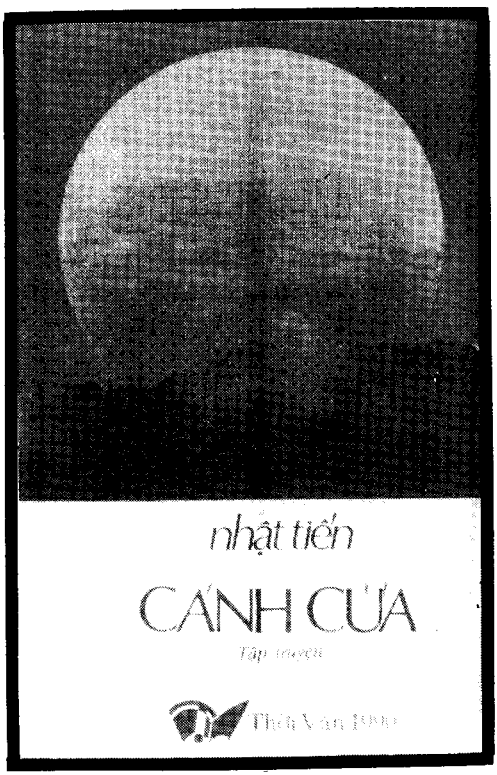

CÁNH CỬA

tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- Bệnh Nội Khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
- Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 am & 1 - 6 pm
Thứ Bảy: 9am - 1pm

Tel: **(714) 641-0263**
2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207 WESTMINSTER, CA 92683	1905 N. COLLEGE Ave # C SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN

PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LEOHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

Fallchurch, VA 22042

(703) 560-0388 / 0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chương trình Georgetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói Hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (theo hẹn)

Thứ Hai - Thứ Sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ Nhật: Theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk
Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA. 92680 • USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....

Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....

Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA. 92680 • USA

khánh trường

CÓ YÊU EM KHÔNG?

tập truyện

TÂN THƯ xuất bản 1990

Phụ bản: Võ Đình, Thái Tuấn, Nguyễn Đồng,
Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi
Bìa: Tác giả.

Giá 14 Mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm 2 mỹ kim cước phí

Thư từ ngân phiếu xin đề:
KHÁNH TRƯỜNG
13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

văn nghệ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — **7.00MK**
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI**
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — **12.00MK**
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ**
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI** — **23.00MK**
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — **14.50MK**
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — **13.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIẾT, NHÌ QUEN** — **12.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá 3 Mỹ kim